

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIC



BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

**CỦA “NHÀ MÁY CHẾ BIẾN THỨC ĂN CHĂN NUÔI – CÔNG TY
TNHH THƯƠNG MẠI VIC”**

Công nghệ môi trường



Hải Phòng, tháng 9 năm 2025

Gìn giữ và tái tạo giá trị

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIC

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CỦA “NHÀ MÁY CHẾ BIẾN THỨC ĂN CHĂN NUÔI – CÔNG TY
TNHH THƯƠNG MẠI VIC”

ĐƠN VỊ TƯ VẤN



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Việt Đại

CHỦ CƠ SỞ



GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Nguyễn Việt Hưng

Hải Phòng, tháng 9 năm 2025

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	4
CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	9
1.1. Tên chủ cơ sở: Công ty TNHH Thương mại Vic.....	9
1.2. Tên cơ sở: “Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi”.....	9
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở	11
1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:.....	11
1.3.2. Quy trình hoạt động của cơ sở	11
1.3.3. Sản phẩm của cơ sở:	14
1.4. Nhu cầu nguyên vật liệu, máy móc thiết bị, điện năng, hoá chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.....	14
1.4.1. Nhu cầu nguyên vật liệu của cơ sở:	14
1.4.2. Danh mục máy móc tại Cơ sở:.....	15
1.5. Các thông tin khác có liên quan đến cơ sở	18
1.5.1. Vị trí địa lý.....	18
1.5.2. Các hạng mục công trình của cơ sở:	19
1.5.3. Danh mục máy móc phụ vụ dự án:	20
2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch thành phố, phân vùng môi trường.....	23
2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	23
2.2.1. Vệ sinh môi trường:	23
2.2.2. Đối với nước mưa, nước thải:	24
2.2.3. Đối với khí thải:	25
CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	26
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.	26
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa.	26
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải.....	27
3.1.3. Xử lý nước thải.....	32
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	33
3.2.1. Nguồn phát sinh:	33

3.2.2. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu bụi và khí thải	34
3.3. Công trình, biện pháp lưu trữ, xử lý chất thải rắn thông thường:	42
3.3.1. Nguồn phát sinh	42
3.3.2. Biện pháp xử lý chất thải rắn sinh hoạt	43
3.4. Công trình, biện pháp lưu trữ, xử lý chất thải nguy hại:.....	44
3.4.1. Nguồn phát sinh	44
3.4.2. Biện pháp lưu trữ, xử lý chất thải nguy hại	44
3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:	45
3.6. Biện pháp giảm thiểu nhiệt dư từ lò hơi:	46
3.7. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	46
CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	58
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải.	58
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải.....	61
4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung.....	62
4.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường.....	64
4.5. Các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường:	68
4.6. Thời gian xin cấp phép: Thời gian xin cấp phép: 10 năm.	69
CHƯƠNG V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	70
5.1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường:	70
5.2. Kết quả hoạt động quan trắc nước thải của cơ sở:.....	71
5.2.1. Kết quả hoạt động quan trắc nước thải định kỳ năm 2024	71
5.2.3. Kết quả hoạt động quan trắc nước thải định kỳ năm 2025	71
5.3. Kết quả hoạt động của công trình xử lý bụi, khí thải:	72
5.3.1. Kết quả hoạt động quan trắc mẫu không khí định kỳ của cơ sở.	73
5.4. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải:	77
CHƯƠNG VI KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	79
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:.....	79
6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:.....	79

6.1.2. Kế hoạch quan trắc nước thải, đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý chất thải:.....	79
6.2. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ của Nhà máy.....	81
6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ nước thải.....	81
6.2.2. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ khí thải.....	81
6.2.3. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải.....	81
6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.....	81
CHƯƠNG VII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ.....	82

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT VÀ KÝ HIỆU VIẾT TẮT

Các thông số môi trường

BOD	Nhu cầu oxy sinh hóa
COD	Nhu cầu oxy hóa học
TSS	Tổng hàm lượng chất rắn lơ lửng

Các tiêu chuẩn

QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
UBND	Ủy ban nhân dân

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1. Công suất hoạt động của Cơ sở.....	11
Bảng 2. Danh mục các nguyên liệu sử dụng trong quá trình sản xuất.....	14
Bảng 3. Danh mục máy móc thiết bị của cơ sở.....	15
Bảng 4. Nhu cầu sử dụng nước của cơ sở.....	16
Bảng 5. Nhu cầu sử dụng nước khi cơ sở hoạt động sản xuất trong 1 ngày	17
Bảng 6. Toạ độ mốc giới khu đất CD688841	18
Bảng 7. Toạ độ mốc giới khu đất CD688842	19
Bảng 8. Toạ độ mốc giới khu đất CD688843	19
Bảng 9. Các hạng mục chính của Cơ sở.....	19
Bảng 10. Danh mục máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất.....	20
Bảng 11. Thông số kỹ thuật và các thiết bị trong hệ thống lọc bụi tay áo	37
Bảng 12. Danh mục các thiết bị hệ thống xử lý khí thải lò hơi	40
Bảng 13. Rác thải phát sinh năm 2024	42
Bảng 14. Rác thải rắn công nghiệp thông thường năm 2024.....	42
Bảng 15. Chất thải nguy hại phát sinh của Công ty	44
Bảng 16. Phương pháp xử lý chất thải nguy hại	45
Bảng 17. Một số điều chỉnh thay đổi so với ĐTM đã được cấp.....	56
Bảng 18. Thông số ô nhiễm tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý lò hơi.....	61
Bảng 19. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn	63
Bảng 20. Giá trị giới hạn đối với độ rung.....	64
Bảng 21. Rác thải sinh hoạt phát sinh năm 2024	65
Bảng 22. Rác thải rắn công nghiệp thông thường năm 2024.....	66
Bảng 23. Chất thải nguy hại phát sinh của Công ty	66
Bảng 24. Kết quả phân tích mẫu nước thải của công ty năm 2024.....	71
Bảng 25. Bảng kết quả phân tích nước thải năm 2025 của Công ty	72
Bảng 26. Thống kê thời gian điểm quan trắc	73
Bảng 27. Kết quả quan trắc mẫu không khí năm 2024	73
Bảng 28. Kết quả quan trắc mẫu không khí khu vực cổng nhà máy.....	74
Bảng 29. Thống kê thời gian điểm quan trắc	75
Bảng 30. Kết quả quan trắc mẫu không khí năm 2025	75

Bảng 31. Kết quả quan trắc mẫu không khí khu vực cổng nhà máy.....	76
Bảng 32. Thống kê thời gian điểm quan trắc.....	76
Bảng 33. Kết quả quan trắc mẫu khí thải 2025.....	76
Bảng 34. Các công trình xử lý chất thải và thời gian vận hành thử nghiệm	79
Bảng 35. Thông số quan trắc và giới hạn khí thải khu vực mạ kẽm.....	80
Bảng 36. Thông tin về phương pháp phân tích phục vụ cho công tác quan trắc khí thải của Nhà máy.....	80

DANH MỤC CÁC HÌNH ẢNH

Hình 1: Vị trí của Công ty.....	11
Hình 2. Sơ đồ công nghệ sản xuất của Nhà máy.....	12
Hình 3. Sơ đồ hệ thống thu, thoát nước mưa	27
Hình 4. Sơ đồ thu gom nước thải của Nhà máy	28
Hình 5. Sơ đồ vị trí thoát nước của Nhà máy	30
Hình 6. Vị trí xả thải của Nhà máy.....	31
Hình 7. Cấu tạo bể phốt 3 ngăn.....	33
Hình 8. Sơ đồ nguyên lý thông thoáng tự nhiên	35
Hình 9. Quy trình xử lý bụi khu vực nạp liệu	37
Hình 10. Quy trình xử lý khí thải lò hơi	39

MỞ ĐẦU

Trong những năm qua, ngành chăn nuôi của nước ta đều có sự gia tăng về số lượng, chất lượng cũng như tổng sản lượng thịt. Rất nhiều trại chăn nuôi kiểu công nghiệp đã hình thành, nhiều tiến bộ kỹ thuật về thức ăn, giống, chuồng trại và công tác quản lý đã được áp dụng thành công. Tuy nhiên, trình độ kỹ thuật chăn nuôi ở nước ta nhìn chung chưa cao, sự hiểu biết về nhu cầu dinh dưỡng cho con vật nuôi chưa có hệ thống nên chưa khai thác hết tiềm năng cho thịt cũng như sinh sản của gia súc, gia cầm, dẫn đến chi phí nhiều thức ăn cho 1kg tăng trọng, giá thành trong chăn nuôi cao, không cân đối giữa đầu vào và đầu ra. Từ đó, nhiều cơ sở chăn nuôi đã thua lỗ, vì chi phí thức ăn vượt quá 70% tổng các chi phí trong chăn nuôi.

Để góp phần đẩy nhanh công nghiệp hóa và hiện đại hóa ngành chăn nuôi, cũng như tận dụng tốt nguồn nguyên liệu nông sản dồi dào hiện có như bắp, mì lát, đậu phộng, các chế phẩm từ cây nông nghiệp... Công ty TNHH Thương mại Vic quyết định đầu tư Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi nhằm đáp ứng nhu cầu chăn nuôi trong nước và xuất khẩu thức ăn chăn nuôi sang các nước lân cận...

Định hướng phát triển của Công ty TNHH Thương mại Vic là tăng cường hoạt động sản xuất chế biến, kinh doanh thức ăn chăn nuôi, cho các loại gia súc, gia cầm như heo, bò, gà, vịt. Với dây chuyền sản xuất thức ăn chăn nuôi được chế biến chủ yếu từ nguồn nguyên liệu nông nghiệp sản xuất trong nước, với quy mô công nghiệp hiện đại và tự động, Công ty sẽ đáp ứng được nhu cầu của thị trường và hòa kịp với định hướng nhu cầu phát triển của xã hội hiện nay và tương lai.

Hoạt động sản xuất của công ty mang lại lợi ích kinh tế cho công ty cũng như đem lại công ăn việc làm cho người dân đóng góp kinh tế vào nguồn ngân sách của quận. Tuy nhiên ngoài những tác động tích cực của công ty, hoạt động sản xuất của công ty có thể làm phát sinh một số nguy cơ gây tác động tiêu cực đến môi trường tự nhiên, môi trường kinh tế xã hội. Công ty cam kết thực hiện đúng các biện pháp bảo vệ môi trường, tránh gây tác động xấu cho môi trường.

Công ty đã lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường trình Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng phê duyệt và đã có Quyết định 1154/QĐ-UB ngày 07 tháng 6 năm 2005. Tuy nhiên Căn cứ theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Công ty lập hồ sơ xin cấp Giấy

phép bảo vệ môi trường trình Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng xem xét, phê duyệt.

CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. Tên chủ cơ sở: Công ty TNHH Thương mại Vic

- Địa chỉ trụ sở chính: Cụm Công nghiệp Vĩnh Niệm, phường An Biên, thành phố Hải Phòng.

- Người đại diện theo pháp luật

+ Đại diện: ông Nguyễn Việt Hưng

Giới tính: Nam

+ Chức danh: Giám đốc điều hành

+ Điện thoại: 0225.3742976 Fax:

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0200358184 do phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 21 tháng 7 năm 1999, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 08 tháng 9 năm 2025.

1.2. Tên cơ sở: “Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi”

- Địa điểm cơ sở: Cụm Công nghiệp Vĩnh Niệm, phường An Biên, thành phố Hải Phòng.

- Văn bản pháp lý:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 688841 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hải Phòng cấp ngày 08/8/2016 cho Công ty TNHH Thương mại Vic với diện tích 9419,43m².

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 688842 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hải Phòng cấp ngày 08/8/2016 cho Công ty TNHH Thương mại Vic với diện tích 1522,3m².

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 688843 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hải Phòng cấp ngày 08/8/2016 cho Công ty TNHH Thương mại Vic với diện tích 1531,4m².

+ Quyết định số 1154/QĐ-UB ngày 07/6/2005 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê chuẩn Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Nhà máy thực phẩm gia súc Con Heo Vàng.

a. Quy mô của cơ sở:

- Quy mô vốn: tổng vốn của cơ sở là 100.000.000.000 đồng, Cơ sở thuộc đối tượng nhóm B phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công kèm theo Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/04/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành

một số điều của Luật đầu tư công và không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

Loại hình Cơ sở:

- Lĩnh vực hoạt động: sản xuất thức ăn chăn nuôi.

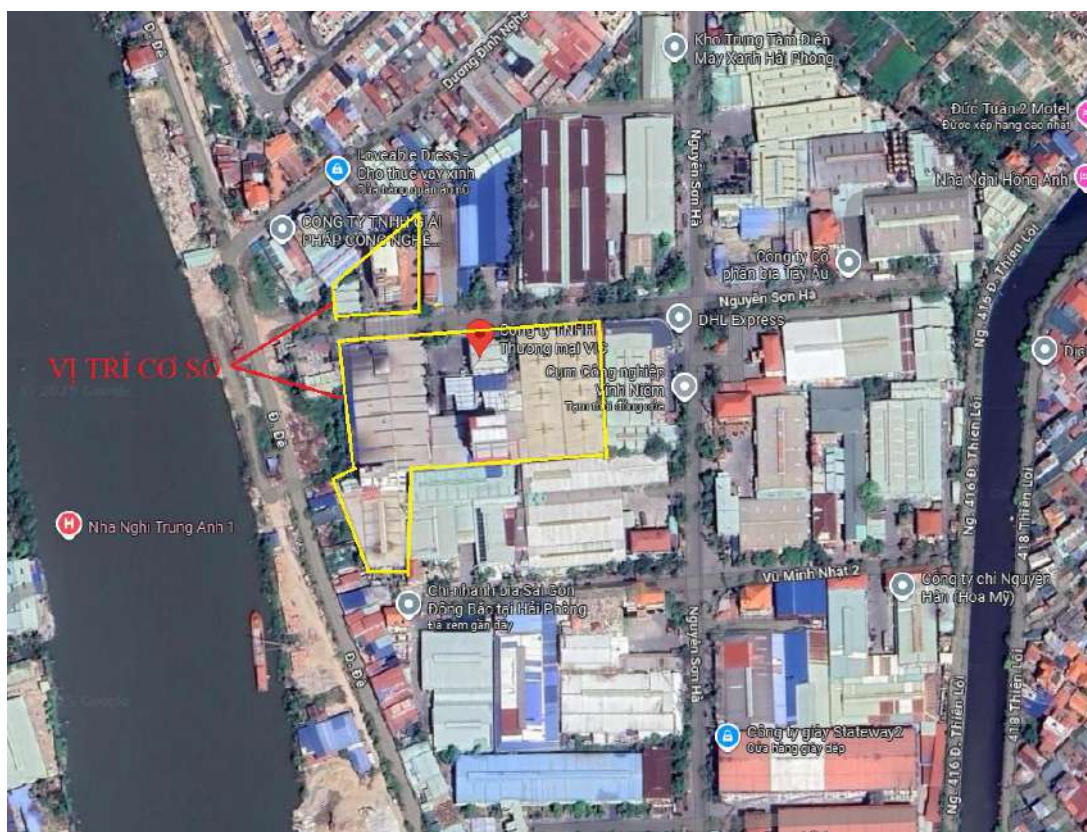
b, Vị trí địa lý

Cơ sở được thực hiện tại Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm, phường An Biên, thành phố Hải Phòng với tổng diện tích là 12.473,13m² đã được Sở Tài nguyên và Môi trường Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 688841 cấp ngày 08/8/2016 với diện tích 9419,43m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 688842 cấp ngày 08/8/2016 với diện tích 1522,3m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 688843 cấp ngày 08/8/2016 với diện tích 1531,4m² với mục đích Xây dựng cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi.

- Vị trí của Cơ sở có các hướng tiếp giáp như sau:

- + Phía Nam: giáp với Công ty TNHH Phú Sỹ; Công ty TNHH An Thịnh
- + Phía Tây: giáp khu đất trống và hành lang bảo vệ đê;
- + Phía Bắc: giáp với đường nhựa nội bộ khu Công nghiệp;
- + Phía Đông: giáp với Công ty TNHH Việt Trường.

- Vị trí của Cơ sở được thể hiện qua hình sau:



Hình 1: Vị trí của Công ty

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

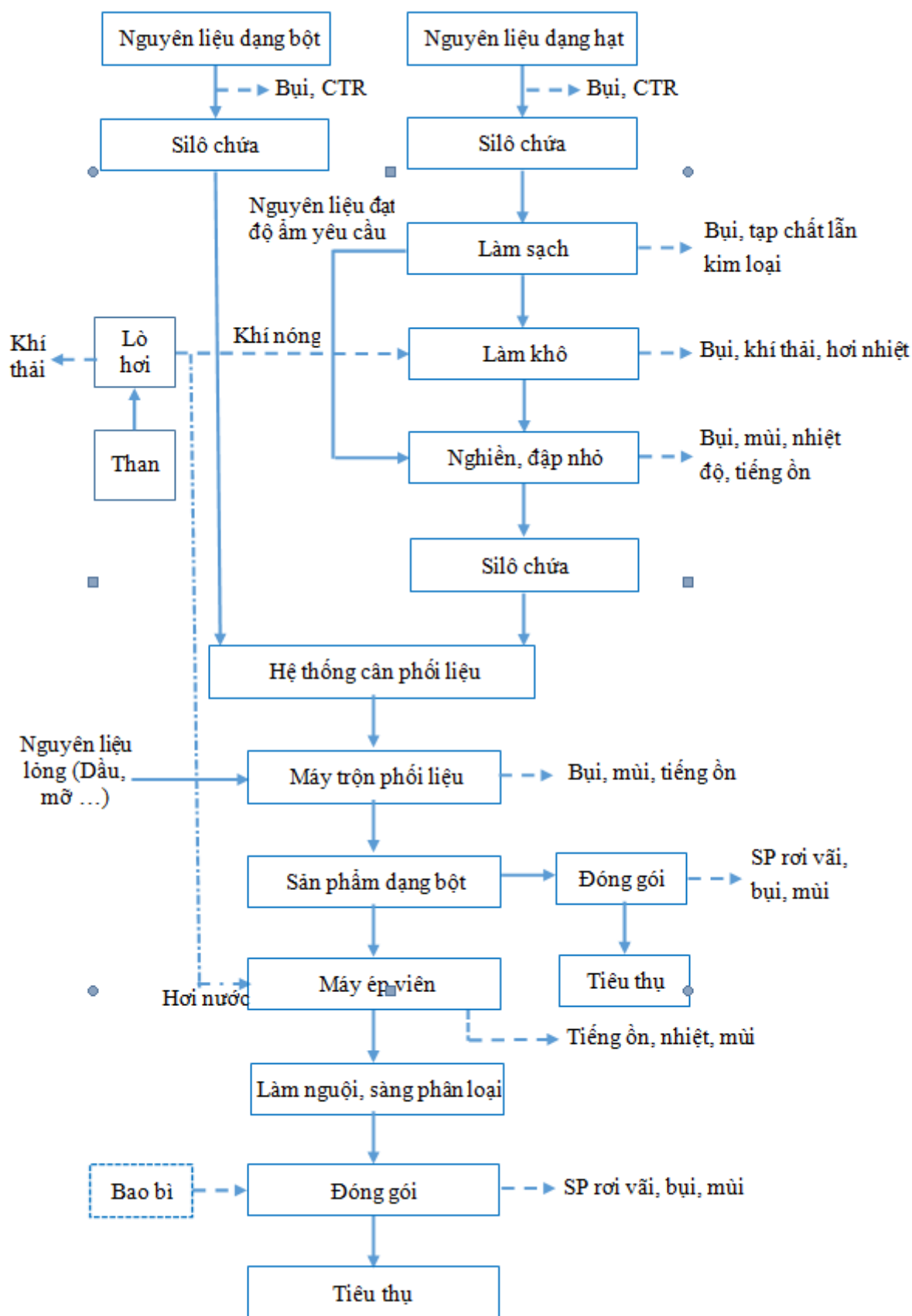
1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:

Hoạt động của Cơ sở là: sản xuất thức ăn chăn nuôi với công suất của cơ sở như sau:

Bảng 1. Công suất hoạt động của Cơ sở

STT	Hoạt động của Cơ sở	Đơn vị	Công suất
1	Thức ăn chăn nuôi	Tấn/năm	60.000

1.3.2. Quy trình hoạt động của cơ sở



Hình 2. Sơ đồ công nghệ sản xuất của Nhà máy

Nhập nguyên liệu dự trữ: Để chuẩn bị cho quá trình sản xuất thức ăn chăn nuôi (TĂCN) được liên tục và đảm bảo chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật, tất cả các loại nguyên liệu khi mua về dạng hạt, dạng bột, dạng đóng bao,... đều kiểm tra chất lượng. Đối với nguyên liệu không đảm bảo yêu cầu chất lượng cơ sở không thu mua. Khi kiểm tra nguyên liệu đảm bảo đủ yêu cầu chất lượng cho sản xuất, các nguyên vật liệu được đưa vào bảo quản, dự trữ trong các bồn chứa (Silo). Nguyên liệu thô, rời (ngô, cám, sắn khô, ...) chuyển từ ô tô theo băng tải đưa vào kho chứa nguyên liệu kín tránh nước mưa.

- Nhập nguyên liệu: Nguyên liệu nhập vào kho sau khi đã được kiểm tra chất lượng bởi bộ phận kiểm mẫu và lưu mẫu kiểm tra chất lượng đầu vào.

- Nghiền : Sau khi cân soạn nguyên liệu cho một loại sản phẩm xong, nguyên liệu được đưa vào máy nghiền (sử dụng máy nghiền được điều khiển tự động, nghiền các nguyên liệu theo yêu cầu từng loại sản phẩm) và tùy theo chủng loại sản phẩm mà phải gắn lưới nghiền cho phù hợp.

Các nguyên liệu đã đạt độ mịn theo yêu cầu sẽ được cân riêng theo công thức đã định trước khi vào bồn chứa.

- Trộn : Các nguyên liệu được xả vào bồn trộn, tại đây có bổ sung khoáng đa, vi lượng theo tỷ lệ nhất định. Các nguyên liệu trong bồn được trộn đều trong thời gian từ 2-5 phút cho một mẻ trộn.

- + Đối với sản phẩm dạng bột, sau khi trộn xong sẽ được chuyển vào bồn chứa thành phẩm bột và ra bao đóng gói thành phẩm theo quy cách.

- + Đối với sản phẩm dạng viên, sau khi trộn xong sẽ được hệ thống chuyển tải đưa vào bồn chứa trên máy ép viên.

- Ép viên : Tùy theo chủng loại để sử dụng khuôn ép viên. Lượng sản phẩm đi vào hệ thống bằng vít cấp liệu, sau đó qua máy trộn và có bổ sung hơi nước nóng được cấp từ nồi hơi để cấp ẩm. Tại đây hỗn hợp được trộn đều đạt độ chín cho nguyên liệu và độ ẩm phù hợp, trước khi được ép thành viên.

- Làm nguội: Sau khi ép viên xong, viên thành phẩm vẫn còn nóng và có độ ẩm cao nên được đưa vào máy làm nguội để làm khô theo phương pháp đối lưu không khí.

- Sàng: Sau khi qua thiết bị làm nguội, thành phẩm được hệ thống chuyển tải lên máy sàng để loại những viên thành phẩm không đạt hoặc những bột còn lại hồi chuyển

về công đoạn ép viên, tái sử dụng. Thành phẩm đạt yêu cầu được hệ thống chuyển vào bồn chứa thành phẩm (viên).

- Đóng gói thành phẩm: Thành phẩm trong bồn chứa được đóng bao tùy theo yêu cầu của khách hàng và được lưu mẫu theo quy định.

1.3.3. Sản phẩm của cơ sở:

- Thức ăn gia súc, gia cầm: 60.000 tấn sản phẩm/năm.

Sản phẩm gồm dạng bột và dạng viên được đóng bao/gói có trọng lượng 25 kg/1 bao đối với dạng viên; 5kg, 20kg, 25 kg/bao đối với dạng bột.

Trong đó, thức ăn dạng bột chiếm khoảng 40%, dạng viên chiếm khoảng 60%; tuy nhiên, tùy theo nhu cầu của thị trường, dạng thức ăn và chủng loại thức ăn có thể thay đổi nhưng không vượt quá công suất nhà máy.

1.4. Nhu cầu nguyên vật liệu, máy móc thiết bị, điện năng, hoá chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.

1.4.1. Nhu cầu nguyên vật liệu của cơ sở:

+ Nhu cầu nguyên liệu sử dụng cho sản xuất của cơ sở được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 2. Danh mục các nguyên liệu sử dụng trong quá trình sản xuất

STT	Tên nguyên, vật liệu	ĐVT	Số lượng
1	Nhóm ngũ cốc, nhóm cung cấp năng lượng (hao hụt: 0,01%)	Tấn/năm	40.220
	Lúa (lúa mì, lúa mạch)		
	Ngô (bắp)		
	Sắn (khoai mì)		
	Tầm		
	Cám (cám mì, cám gạo)		
	Rỉ mật đường,...		
2	Nhóm cung cấp đạm (hao hụt: 0,02%)	Tấn/năm	10.020
	Khô đậu		
	Khô cò		
	Bột cá,...		
	Nhóm cung cấp chất béo (không có hao hụt)		1.000
	Dầu đậu nành		

3	Mỡ cá	Tấn/năm	
4	Nhóm khoáng đa, vi lượng (hao hụt: 0,02%)	Tấn/năm	10.500
	Bột đá		
	Bột xương		
5	Nhóm hoá chất, kháng sinh (hao hụt: 0,02%)	Tấn/năm	750
	Cupricsulfate 25% (CuSO ₄)		
	Methionine (C ₅ H ₁₁ NO ₂ S)		
	L-Lysine-HCl 79% (C ₆ H ₁₅ ClN ₂ O ₂)		
	Tổng	Tấn/năm	62.490

(Số liệu được cung cấp từ Công ty TNHH Thương mại Vic – năm 2024)

1.4.2. Danh mục máy móc tại Cơ sở:

Danh mục máy móc thiết bị phục vụ quá trình hoạt động của cơ sở được thể hiện trong bảng như sau:

Bảng 3. Danh mục máy móc thiết bị của cơ sở

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Thông số kỹ thuật	Giá trị còn lại
1	Lò hơi	01	6 tấn hơi/giờ	80%
2	Dây chuyền sản xuất thức ăn	01 Dây chuyền	1 dây chuyền 15 tấn/h	80%
3	Máy nghiền	02máy	15 tấn/máy/giờ	80%
4	Bồn trộn máy	02 bồn	15 tấn/bồn/giờ	80%
5	Ép viên	02 cái	15 tấn/bồn/giờ	80%
6	Thiết bị làm nguội	02 cái	15 tấn/thiết bị/giờ	80%
7	Thiết bị sàng	02cái	15 tấn/thiết bị/giờ	80%
8	Bồn chứa thành phẩm	02 hệ thống	Thép	80%
9	Cân điện tử	02 cái	60 tấn/giờ	80%

10	Máy phát điện dự phòng	01 cái	100 KVA	80%
----	------------------------	--------	---------	-----

1.4.3. Nhu cầu điện nước sử dụng trong quá trình hoạt động của cơ sở

a, Nhu cầu sử dụng nước của cơ sở:

+ Nhu cầu sử dụng nước hiện tại của Cơ sở theo hoá đơn nước mà Công ty cung cấp được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 4. Nhu cầu sử dụng nước của cơ sở

STT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng	Nguồn cung cấp
1	Tháng 01/2025	m ³	942	Công ty cổ phần cấp nước Hải Phòng
2	Tháng 02/2025	m ³	668	
3	Tháng 03/2025	m ³	673	
4	Tháng 04/2025	m ³	720	
5	Tháng 5/2025	m ³	682	
6	Tháng 6/2025	m ³	717	
Tổng lượng sử dụng		m³	4384	
Nhu cầu sử dụng trung bình trong ngày của cơ sở		m³	28,1	

Theo hoá đơn sử dụng nước của Công ty cung cấp với tổng lượng nước trung bình của Cơ sở sử dụng 1 ngày khoảng 28,1 m³ chủ yếu cấp cho hoạt động sau:

- + Cấp cho sinh hoạt của cán bộ công nhân viên của Công ty
- + Cấp cho lò hơi
- + Cấp cho hoạt động tưới cây rửa đường
- Tính toán lượng nhu cầu nước sử dụng cụ thể cho từng mục đích như sau:

* Nước cấp cho sinh hoạt:

Theo QCVN 01:2021/BXD: “Nước sạch dùng cho sinh hoạt được dự báo dựa theo chuỗi số liệu hiện trạng, mức độ tiện nghi của khu đô thị, điểm dân cư nhưng phải đảm bảo: Tỷ lệ dân số khu vực nội thị được cấp nước là 100% trong giai đoạn dài hạn của quy hoạch; Chỉ tiêu cấp nước sạch dùng cho sinh hoạt của khu vực nội thị đô thị phụ thuộc vào loại đô thị nhưng tối thiểu là 80 lít/người/ngày.đêm; Hướng tới mục tiêu sử dụng nước an toàn, tiết kiệm và hiệu quả”. *Tại Quy chuẩn này không quy định cụ thể*

chỉ tiêu cấp nước cho từng khu vực nên báo cáo vẫn tham khảo định mức cấp nước theo TCXDVN 33:2006/BXD: Tiêu chuẩn cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình tiêu chuẩn thiết kế để làm căn cứ tính toán. Tiêu chuẩn dùng nước sử dụng định mức là 25 lít/người/ca tương đương $0,025\text{m}^3/\text{người.ngày}$ (nhu cầu nước chỉ phục vụ cho mục đích sinh hoạt, không có hoạt động nấu ăn tại công ty). Thời gian làm việc là 26 ngày/tháng với tổng khối lượng công nhân viên làm việc tại cơ sở là 78 người. Nhu cầu sử dụng nước được ước tính như sau:

- Nhu cầu nước phục vụ cho sinh hoạt của cán bộ công nhân viên tại cơ sở là: 78 người $\times 0,025\text{m}^3/\text{người.ngày} = 1,95\text{ m}^3/\text{ngày}$.

+ Nước cấp cho lò hơi:

Lượng nước cấp cho lò hơi 6 tấn/h và nhu cầu sử dụng thực tế mỗi giờ là 3m^3 mà lò hơi hoạt động 8h vì vậy lượng nước cấp cho lò hơi là $3\text{m}^3 \times 8\text{h/ngày} = 24\text{m}^3/\text{ngày}$.

+ Nước cấp cho hoạt động tưới cây rửa đường:

Lượng nước tưới cây phun rửa đường là $28,1\text{m}^3/\text{ngày} - 1,95\text{m}^3/\text{ngày} - 24\text{m}^3/\text{ngày} = 2,15\text{m}^3/\text{ngày}$.

Bảng 5. Nhu cầu sử dụng nước khi cơ sở hoạt động sản xuất trong 1 ngày

STT	Hạng mục	Quy mô	Lưu lượng tính toán ($\text{m}^3/\text{ng.đ}$)
2	Cấp nước sinh hoạt cho cán bộ công nhân viên tại cơ sở	78 người/ngày/1 ca	1,95
3	Nước cấp cho lò hơi	$3\text{m}^3/\text{h}$	24
4	Nước cấp cho tưới cây, rửa đường	-	2,15
Tổng nhu cầu sử dụng trong ngày của Công ty			28,1

b. Nhu cầu sử dụng điện của Cơ sở

- Nhu cầu sử dụng điện của cơ sở chủ yếu dùng cho các hoạt động chiếu sáng, điều hoà và các thiết bị dân dụng. Nhu cầu sử dụng điện của cơ sở ước tính khoảng 40.000kWh/tháng .

- Nguồn cung cấp: được lấy từ Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng.

c. Nhu cầu sử dụng nhiên liệu của cơ sở

Công ty có sử dụng 01 máy phát điện dự phòng 100 KVA cung cấp điện khi sự cố mất điện xảy ra. Nhiên liệu sử dụng cho máy phát điện là dầu Diesel với khối lượng khoảng 450lít/năm (Lượng dầu này có thể tăng hoặc giảm phụ thuộc vào sự cố mất điện).

1.5. Các thông tin khác có liên quan đến cơ sở

1.5.1. Vị trí địa lý

Theo công văn số 3574/CV-UB của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ngày 18/10/2021 về việc bố trí mặt bằng cho 1 số dự án tại Cụm Công nghiệp Vĩnh Niệm đã chấp nhận cho Công ty TNHH Thương mại Vic thuê với diện tích 9.800m³ để mở rộng cơ sở sản xuất thức ăn gia súc. (Công văn được đóng kèm trong phụ lục của Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Công ty đã được cấp ngày 07/06/2005). Đến năm 2016 Công ty TNHH Thương mại Vic đã được Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD688841, CD 688842 và CD 688843 với tổng diện tích 12467,13m², cụ thể như sau:

+ Trong đó Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD688841 có diện tích là 9419.43m² với mục đích xây dựng nhà máy thức ăn gia súc có thời hạn đến 01/8/2051 với toạ độ mốc giới khu đất được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 6. Toạ độ mốc giới khu đất CD688841

Tên mốc	Toạ độ		Khoảng cách
	X (m)	Y(m)	
1	2304420.480	595650.989	137.04 70.77 104.41 28.28 69.74
2	2304432.935	595787.462	
3	2304362.188	595789.279	
4	2304354.079	595685.182	
5	2304351.005	595657.068	
1	2304420.480	595650.989	

+ Giấy quyền sử dụng đất số CD688842 có diện tích là 1522,3m² với mục đích xây dựng cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi có thời hạn đến 01/01/2051 với toạ độ mốc giới khu đất như sau:

Bảng 7. Toạ độ mốc giới khu đất CD688842

Tên mốc	Toạ độ		Khoảng cách
	X (m)	Y(m)	
1	2304491.925	595693.476	53.09 47.01 11.19 65.29
2	2304438.853	595694.863	
3	2304434.680	595648.037	
4	2304445.841	595647.226	
1	2304491.925	595693.476	

+ Giấy quyền sử dụng đất số CD688843 có diện tích là 1531.4m² với mục đích xây dựng cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi có thời hạn đến 01/8/2051 với toạ độ mốc giới khu đất như sau:

Bảng 8. Toạ độ mốc giới khu đất CD688843

Tên mốc	Toạ độ		Khoảng cách
	X (m)	Y(m)	
1	2304349.720	595648.952	8.22 28.28 58.05 16.62 58.77
2	2304351.005	595757.068	
3	2304354.079	595785.182	
4	2304296.028	595685.243	
5	2304294.368	595668.706	
1	2304349.720	595648.952	

1.5.2. Các hạng mục công trình của cơ sở:

Bảng 9. Các hạng mục chính của Cơ sở

STT	Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)
1	Văn Phòng	268.3
2	Khu nhà xưởng 1 +xưởng 2	2174.6
4	Khu vực nhập nguyên liệu	2640
5	Khu vực nhà kho	2508
6	Khu vực đặt nồi hơi	400
7	Nhà ăn	240,5

8	Nhà bếp	100
9	Nhà bảo vệ	10
10	Nhà nghỉ nhân viên	275,8
11	Kho chứa chất thải rắn thông thường	6
12	Kho chứa chất thải nguy hại	6
13	Sân đường nội bộ	3687.93
14	Trồng cây xanh	150
Tổng		12467.13

1.5.3. Danh mục máy móc phụ vụ dự án:

Danh mục máy móc phụ vụ dự án như sau:

Bảng 10. Danh mục máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất

STT	Tên thiết bị	Số lượng	Thông số kỹ thuật	Giá trị còn lại
1	Lò hơi	01	6 tấn hơi/giờ	80%
2	Dây chuyền sản xuất thức ăn	01 Dây chuyền	1 dây chuyền 15 tấn/h	80%
3	Máy nghiền	02 máy	15 tấn/máy/giờ	80%
4	Bồn trộn máy	02 bồn	15 tấn/bồn/giờ	80%
5	Ép viên	02 cái	15 tấn/bồn/giờ	80%
6	Thiết bị làm nguội	02 cái	15 tấn/thiết bị/giờ	80%
7	Thiết bị sàng	02 cái	15 tấn/thiết bị/giờ	80%
8	Bồn chứa thành phẩm	02 hệ thống	Thép	80%
9	Cân điện tử	02 cái	60 tấn/giờ	80%
10	Máy phát điện dự phòng	01 cái	100 KVA	80%

* Một số hình ảnh máy móc của dự án:

+ Hệ thống lò hơi:



Băng tải đưa nguyên liệu vào buồng đốt



Buồng đốt



Cyclon dập bụi lò hơi



Hệ thống làm mềm nước

+ Hình ảnh máy móc dây chuyền sản xuất thức ăn chăn nuôi:



Khu vực đưa nguyên liệu vào máy nghiền



Máy trộn



Máy nghiền

CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch thành phố, phân vùng môi trường.

Quyết định số 1931/QĐ-UBND, ngày 03/10/2013: Phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2000 quận Lê Chân đến năm 2025. Theo đó, diện tích CCN Vĩnh Niệm được chuyển đổi sang thành Đất ở mới; Đất ở kết hợp thương mại – dịch vụ; Đất giao thông.

Quyết định số 323/QĐ-TTg, ngày 30/03/2023: Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung TP Hải Phòng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050. Theo đó, khu đất hiện trạng CCN Vĩnh Niệm được định hướng chuyển đổi sang: thành Đất đơn vị ở; Đất cây xanh đô thị; Đất giao thông.

Quyết định số 1516/QĐ-TTg, ngày 02/12/2023: Phê duyệt Quy hoạch TP Hải Phòng thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tại đây, CCN Vĩnh Niệm không nằm trong danh mục các CCN được phát triển mới hoặc duy trì. Thay vào đó, CCN Vĩnh Niệm hướng đến việc di dời ra khỏi nội thành.

Công ty TNHH Thương mại VIC đang hoạt động tại CCN Vĩnh Niệm. Vì vậy, hoạt động của Công ty không phù hợp với Quy hoạch quốc gia cũng như Quy hoạch của thành phố Hải Phòng.

Công ty cam kết thực hiện đúng quy hoạch là DI DỜI nhà máy khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Quy hoạch, Công ty sẽ bàn giao đất cho Thành phố theo quy định.

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường.

2.2.1. Vệ sinh môi trường:

- Rác thải sinh hoạt: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ nhân viên làm việc tại nhà xưởng, văn phòng của Công ty được thu gom vào thùng rác tại khu vực sản xuất, văn phòng với khối lượng trung bình là $6\text{m}^3/\text{tháng}$ tương đương với $72\text{m}^3/\text{năm}$. Công ty đã ký hợp đồng với Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hải Phòng để thu gom và xử lý theo hợp đồng số 150LC3/HĐ-DV ngày 01 tháng 7 năm 2024.

- Chất thải rắn công nghiệp: Chất thải công nghiệp phát sinh từ hoạt động sản xuất chế biến thức ăn gia súc, gia cầm, lượng chất thải này chủ yếu là các bao bì rách hỏng, túi nilong và lượng mùn thải từ lò hơi với khối lượng phát sinh trung bình 1,8 tấn/tháng tương đương với 21,6tấn/năm. Công ty đã ký hợp đồng với Công ty TNHH TMDV Toàn Thắng để thu gom vận chuyển xử lý theo hợp đồng số 459/2024/HĐXLCT ngày 01/9/2024.

- Chất thải nguy hại: Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất của Công ty bao gồm hộp đựng mực in thải (mã CTNH 08 02 04), bóng đèn huỳnh quang thải (mã CTNH 16 01 06), dầu bôi động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải (mã CTNH 17 02 04), bao bì cứng thải bằng kim loại (mã CTNH 18 01 02), bao bì cứng thải bằng nhựa (mã CTNH 18 01 03), giẻ lau dính dầu với tổng khối lượng trung bình là 68kg/năm. Công ty đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với Công ty TNHH TMDV Toàn Thắng. Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Toàn Thắng được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép xử lý chất thải nguy hại mã số QLCTNH: 1-2-3.073 VX ngày 02/8/2021. Công ty đã bố trí kho chứa chất thải nguy hại với diện tích 6m² (kích thước 3m x 2m). Tại khu vực lưu trữ chất thải nguy hại bố trí các 5 thùng chứa có dung tích từ 100lít có dán từng mã CTNH riêng biệt.

2.2.2. Đối với nước mưa, nước thải:

a. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa tràn mặt trên mặt bằng cơ sở

Toàn bộ nước mưa mái được thu gom vào các ống đứng PVC D110 chảy xuống đường cống thoát nước mưa bề mặt và nước mưa chảy tràn trên mặt bằng cơ sở được thu gom qua 14 hố ga lắng cặn (kích thước mỗi hố ga 80 x 80 x 150cm) được bố trí xung quanh khu đất với tổng chiều dài thu gom là 468m. Với lưu lượng nước mưa trung bình chảy tràn tính trong năm tại khu vực là $Q = 0,00074 \text{ m}^3/\text{s}$ tương đương với 19.947,41 m³/năm. Lượng nước mưa chảy tràn được thu gom riêng biệt với đường nước thải sau đó nước thải được thoát ra hệ thống thoát nước chung của Cụm công nghiệp.

b. Hệ thống thu gom và thoát nước thải, xử lý nước thải:

* Nguồn phát sinh: bao gồm:

- + Từ 01 khu nhà vệ sinh công nhân
- + 01 khu nhà vệ sinh văn phòng
- + Nước thải từ quá trình xả đáy nồi hơi.

*** Hệ thống thu gom**

+ Nước thải từ khu nhà vệ sinh văn phòng được xử lý sơ bộ qua bể phốt 3 ngăn có thể tích 5m^3 sau đó cùng với nước thải từ labo rửa tay và nước thoát sàn được thoát ra hố ga nước thải bằng đường ống nhựa PVC đường kính D90, D140. Kích thước hố ga là $60 \times 60 \times 80\text{cm}$ sau đó nước thải được đầu nối ra hố ga thoát nước thải chung của khu công nghiệp bằng đường ống nhựa PVC D140 (Điểm xả 2).

+ Nước thải phát sinh từ khu nhà vệ sinh công nhân được xử lý qua bể phốt 3 ngăn có thể tích là 5m^3 sau đó được thu gom bằng đường rãnh hộp thoát nước kích thước 300×300 về hố ga có kích thước $60 \times 60 \times 100\text{cm}$, tại đây có đặt bơm nước thải để bơm nước ra hố ga thoát nước thải chung của khu công nghiệp bằng đường ống HDPE D25 (Điểm xả 1).

+ Nước thải xả đáy lò hơi: Lượng nước xả đáy lò hơi được thu gom vào bể lắng chứa có kích thước $1,5\text{m} \times 1,5\text{m} \times 2\text{m}$. Định kỳ khi bể đầy Công ty sẽ ký hợp đồng thu gom với đơn vị có chức năng đến hút và không thải ra môi trường.

+ Toàn bộ nước thải sinh hoạt của Công ty phát sinh từ nhà vệ sinh đều được xử lý qua bể phốt 3 ngăn và được thoát ra hệ thống thoát nước thải chung của cụm Công nghiệp qua 2 điểm xả sau đó nước thải được dẫn về trạm bơm Vĩnh Niệm → trạm bơm PS3-Tây Nam → trạm bơm Chợ Hàng → nhà máy xử lý nước thải Vĩnh Niệm có công suất $36.000\text{m}^3/\text{ngày}$ hiện do Công ty TNHH MTV thoát nước Hải Phòng quản lý, vận hành.

2.2.3. Đối với khí thải:

Khí thải được phát sinh từ ống khói lò hơi. Hệ thống xử lý khí thải lò hơi được lắp đặt đồng bộ cùng hệ thống lò hơi. Quy trình, sơ đồ công nghệ được trình bày cụ thể ở mục 2 – Biện pháp xử lý bụi và khí thải tại chương III của Báo cáo.

CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa.

- Dòng nước mưa cuốn theo bụi bẩn, tạp chất thô bám dính trên mặt bằng cơ sở vào công trình thoát nước nội bộ, khu vực gây tắc nghẽn hư hỏng, đồng thời, gia tăng độ đục nguồn tiếp nhận.

- Theo số liệu nghiên cứu của Tổ chức y tế thế giới WHO, 1993, nồng độ các chất ô nhiễm trong nước mưa khoảng 0,5 - 1,5 mg N/l; 0,004 - 0,03 mg P/l; 10 - 20 mg COD/l và 10 - 20 mg TSS/l, điều này cho thấy so với những loại nước thải khác thì nước mưa chảy tràn là khá sạch.

- Dự báo lượng phát sinh: tham khảo số liệu của Trung tâm khí tượng thủy văn Trung Ương, Trạm quan trắc khí tượng Phù Liễn - Hải Phòng năm 2020, Tháng có lượng mưa lớn nhất là tháng 8 với lưu lượng 412,4 mm/tháng, Theo thống kê hàng năm, năm 2018 trận mưa lớn nhất đạt 287 mm, năm 2021 trận mưa lớn nhất đạt 265 mm và trận mưa hiện tại ngày 9/6/2024 là 335 mm, đây là trận mưa lớn nhất trong khoảng thời gian 20 năm trở lại đây

Diện tích cơ sở là 12.473,13m² nên tổng lượng mưa phát sinh dự báo là:

Tổng lượng mưa (m³/tháng) = [Lượng mưa trung bình tháng (mm/tháng) x diện tích (m²)] = [412,4 x 10⁻³ x 12.473,13] = 5.143,9 m³/tháng ~ 0,0019 m³/s.

Lượng mưa lớn nhất trong ngày với dung tích đạt 335 mm (ngày 9/6/2024) thì lượng mưa chảy qua khu vực là (m³/ngày) = [Lượng mưa trung bình ngày (mm/ngày) x diện tích (m²)] = [335 x 10⁻³ x 12.473,13] = 4.178,5 m³/ngày ~ 174,1m³/giờ ~ 0,048m³/s.

Lượng mưa trung bình ngày với dung tích đạt 150 mm thì lượng mưa chảy qua khu vực là (m³/ngày) = [Lượng mưa trung bình ngày (mm/ngày) x diện tích (m²)] = [150 x 10⁻³ x 12.473,13] = 1870,96 m³/ngày ~ 77,9 m³/giờ ~ 0,021 m³/s.

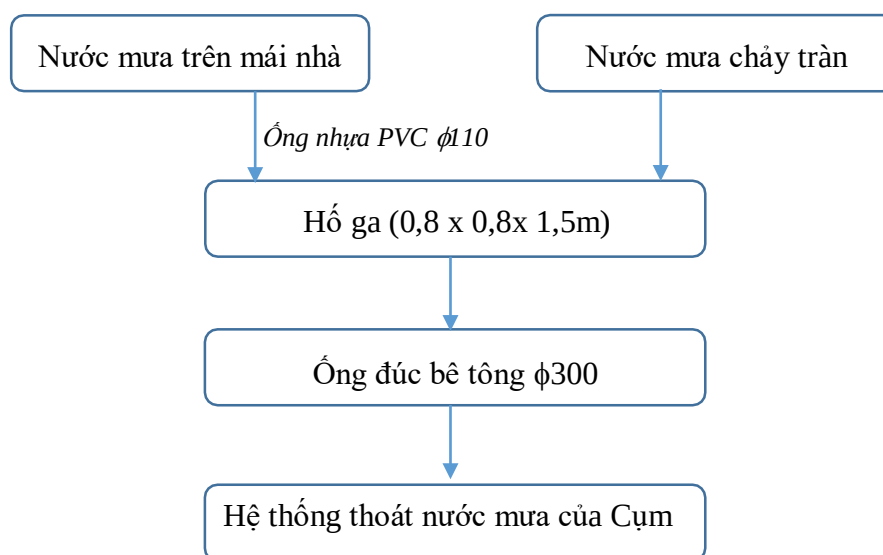
Hệ thống thoát nước mưa được bố trí dọc các khu nhà và xung quanh khu đất của Công ty. Do đặc thù ngành nghề của Cơ nên nước mưa chảy tràn không chứa các thành phần ô nhiễm. Theo tính toán ở trên lưu lượng nước mưa trung bình là 0,021 m³/s được thu bằng hệ thống rãnh thoát nước được bố trí xung quanh các khu nhà xưởng của Công

ty và chảy ra hệ thống thoát nước mưa của cụm Công nghiệp Vĩnh Niệm bằng 01 cửa xả, như vậy là đảm bảo việc thoát nước mưa chảy tràn tại Công ty.

Hệ thống thu gom của Công ty cụ thể như sau:

Hệ thống thu gom, thoát nước mưa tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải, nước mưa trên mái nhà sẽ chảy vào đường ống nhựa kích thước PVC $\Phi 110$, thoát vào 14 hố ga bê tông cốt thép có kích thước: $D \times R \times h = 0,8m \times 0,8m \times 1,5m$ đặt xung quanh nhà máy nhằm thu gom, tách đất, cát và loại bỏ rác thải có kích thước lớn. Nước mưa chảy theo đường ống bằng bê tông có kích thước $\Phi 300$ thải vào hệ thống thoát nước chung của Cụm công nghiệp theo hình thức tự chảy. Sơ đồ minh họa hệ thống thu gom, thoát nước mưa của nhà máy được thể hiện trong hình sau:

Hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn được thể hiện trong hình sau:



Hình 3. Sơ đồ hệ thống thu, thoát nước mưa

Nước mưa chảy tràn được thu gom bằng hệ thống cống thoát nước và 14 hố ga lắng cặn dọc 2 bên xưởng của Công ty rồi chảy vào hệ thống thoát nước chung của cụm công nghiệp. Định kỳ 6 tháng/lần đối với mùa khô và 3 tháng/lần đối với mùa mưa Công ty nạo vét vệ sinh các đường cống, hồ ga lắng cặn nước mưa.

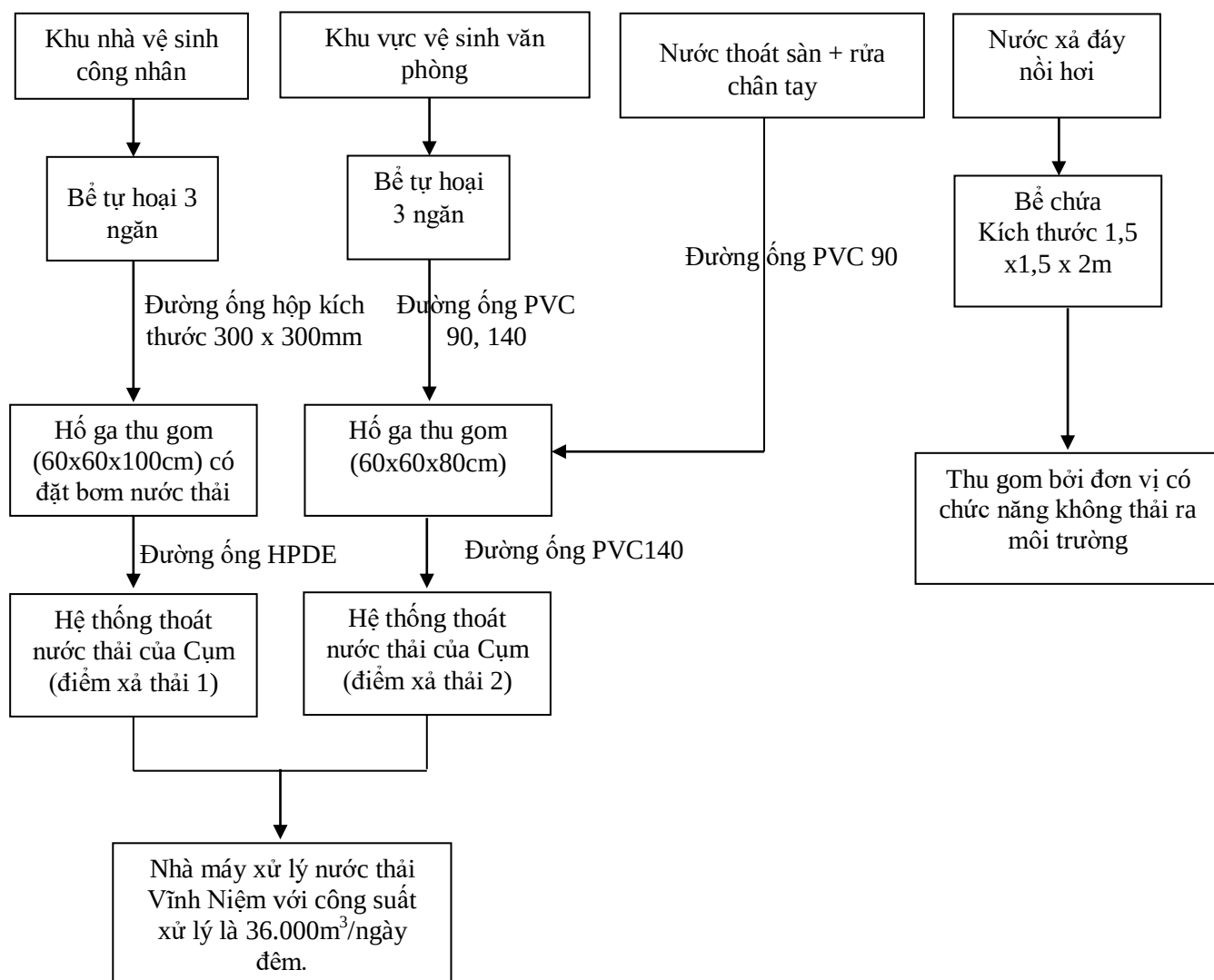
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

a. Nguồn phát sinh:

Nước thải phát sinh của cơ sở chủ yếu từ:

+ Nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân viên tại Cơ sở và nước xả đáy lò hơi với lưu lượng xả thải của cơ sở là 1,95m³/ngày đêm.

Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước thải sinh hoạt cụ thể như sau:



Hình 4. Sơ đồ thu gom nước thải của Nhà máy

b. Hệ thống thu gom nước thải của Cơ sở được mô tả như sau:

- Nước thải vệ sinh bao gồm:

❖ Nước thải vệ sinh từ khu nhà văn phòng: được xử lý sơ bộ qua bể phốt 3 ngăn có thể tích 5m³. Nước thải sau bể phốt được dẫn thu gom tự chảy về hố ga có kích thước 60 x 60 x 80cm bằng đường ống nhựa PVC D90, 140. Đường ống thu gom tổng chiều dài là 56m.

❖ Nước thải vệ sinh từ khu vệ sinh công nhân: được xử lý sơ bộ qua bể phốt 3 ngăn có thể tích 5m³. Nước thải sau bể phốt được dẫn thu gom tự chảy qua rãnh hộp

thoát nước kín có kích thước 300 x 300mm dài 69m về hố ga trung gian, tại đây có đặt bơm để đẩy nước thải ra hố ga nước thải chung của cụm Công nghiệp Vĩnh Niệm bằng đường ống HDPE 25. Đường ống HDPE 25 có tổng chiều dài là 40m.

- Nước thoát sàn từ khu rửa tay được thoát ra hố ga có kích thước 60 x 60 x 80cm bằng đường ống nhựa PVC D90. Đường ống thu gom có tổng chiều dài là 69m.

- Nước xả đáy lò hơi: trong quá trình đốt cho nước gia nhiệt sinh hơi thì luôn có một lượng muối, cặn cặn canxi,... kết tủa sinh ra. Vì vậy định kỳ 1 ngày/lần có chế độ xả đáy lò hơi để duy trì độ pH có trong lò hơi. Với lưu lượng xả thực tế của Nhà máy hàng ngày khoảng 300 lít. Lượng nước này được thu gom về bể chứa nước xả đáy của Công ty có kích thước 1,5 x 1,5 x 2m và khi bể đầy Công ty thuê đơn vị có chức năng đến hút không thải ra môi trường bên ngoài.

c. Điểm xả nước thải:

- Vị trí xả nước thải của Công ty gồm 2 vị trí:

- + Vị trí xả nước thải 1 – Tại vị trí đầu nổi nước thải khu vực công nhân ra hố ga thoát nước thải của CNN Vĩnh Niệm

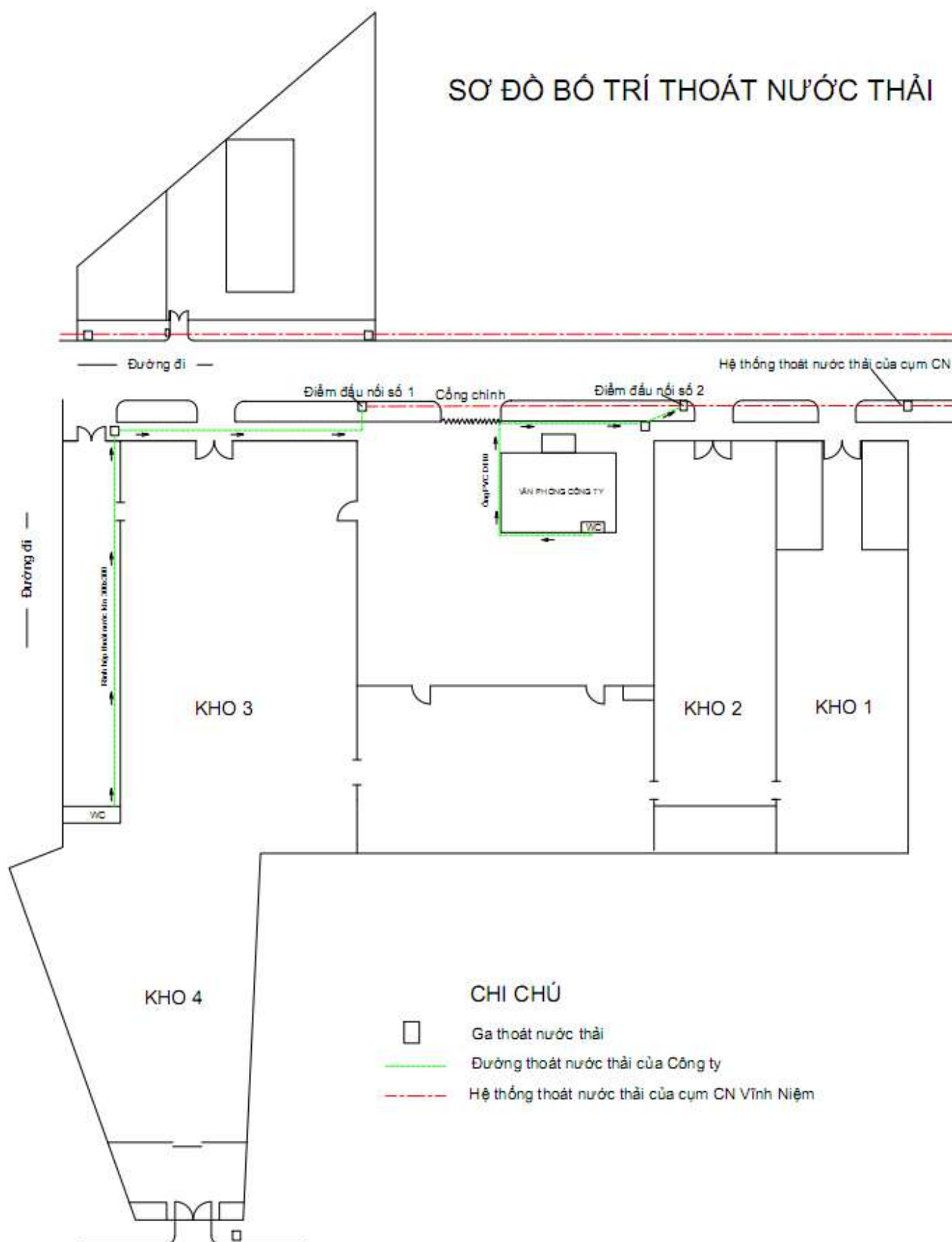
Toạ độ : X(m) = 2304422; Y(m) = 595687.

- + Vị trí xả nước thải 2 – Tại vị trí đầu nổi nước thải khu vực văn phòng ra hố ga thoát nước thải của CNN Vĩnh Niệm

Toạ độ: X(m) = 2304428; Y(m) = 595738

Toàn bộ nước thải sinh hoạt của Công ty được thoát ra hệ thống thoát nước thải của CNN Vĩnh Niệm dẫn về trạm bơm Vĩnh Niệm→ trạm bơm PS3-Tây Nam→trạm bơm Chợ Hàng→nhà máy xử lý nước thải Vĩnh Niệm có công suất 36.000m³/ngày hiện do Công ty TNHH MTV thoát nước Hải Phòng quản lý, vận hành

Sơ đồ thoát nước và vị trí xả thải của Công ty được thể hiện qua hình sau:



Hình 5. Sơ đồ vị trí thoát nước của Nhà máy



Hình 6. Vị trí xả thải của Nhà máy

3.1.3. Xử lý nước thải.

Với đặc thù nước thải của Công ty chỉ có nước thải sinh hoạt. Toàn bộ nước thải đều được xử lý sơ bộ sau đó thoát ra hệ thống thoát nước thải của CCN sau đó được dẫn vào nhà máy xử lý nước thải Vĩnh Niệm có công suất 36.000m³/ngày hiện do Công ty TNHH MTV thoát nước Hải Phòng quản lý, vận hành.

Thuyết minh việc lựa chọn công nghệ xử lý nước thải

* Các giai đoạn chính của công nghệ:

+ Giai đoạn xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt:

- Nước thải vệ sinh được thu gom xử lý sơ bộ bằng bể phốt. Bể phốt được đặt ngầm tại các khu vực nhà vệ sinh và tự chảy vào hệ thống gom nước thải qua các hố ga và đường ống dẫn nước thải vào bể gom tập trung và được bơm lên hệ thống xử lý. Đường ống thu gom nước thải bằng đường ống nhựa PVC D90,140, ống HDPE 25; các hố ga gom nước thải có kích thước 60 x 60 x 80cm, 60 x 60 x 100cm.

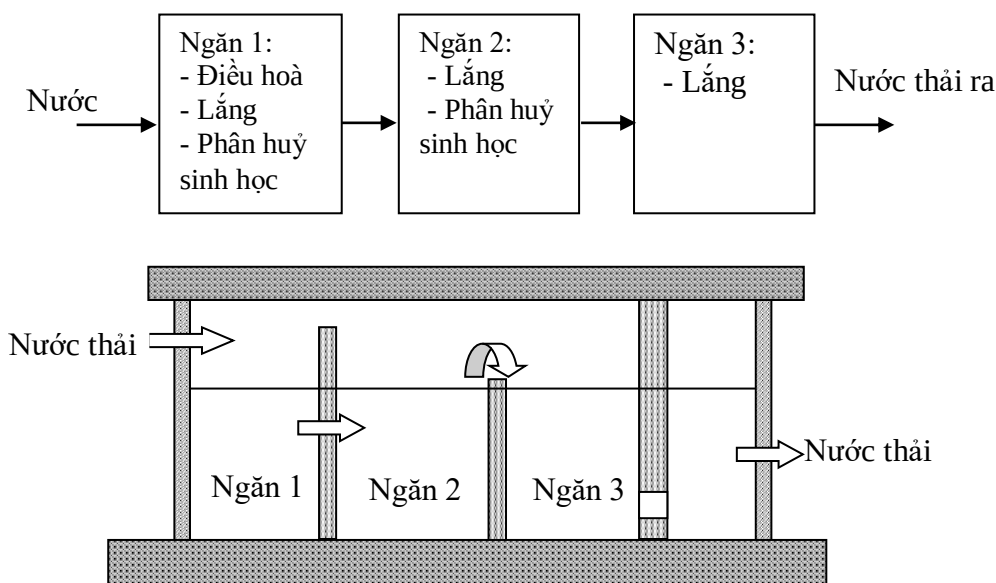
Thuyết minh quy trình:

Bể tự hoại là công trình đồng thời làm hai chức năng gồm: lắng và phân huỷ cặn lắng. Cặn lắng được giữ lại trong bể 4-6 tháng, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí, các chất hữu cơ sẽ bị phân huỷ từ từ.

Khi nước chảy vào bể nó sẽ được làm sạch bởi hai quá trình là lắng cặn và lên men.

- Lắng cặn: Quá trình lắng cặn trong bể có thể xem là quá trình lắng tĩnh, dưới tác dụng của trọng lực các hạt cặn lắng dần xuống đáy và nước đi ra sẽ là nước trong.

- Lên men: Các cặn lắng rơi xuống đáy bể, các chất hữu cơ sẽ bị phân huỷ bởi vi sinh vật yếm khí, cặn lên men, mất mùi và giảm thể tích. Bùn cặn lên men sẽ định kỳ được chuyên đi bằng xe hút bể phốt chuyên dụng.



Hình 7. Cấu tạo bể phốt 3 ngăn

Cơ sở có 2 bể phốt:

- ❖ Nước thải vệ sinh từ khu nhà văn phòng: được xử lý sơ bộ qua 1 bể phốt 3 ngăn có thể tích 5m³.
- ❖ Nước thải vệ sinh từ khu nhà vệ sinh công nhân: được xử lý sơ bộ qua 1 bể phốt 3 ngăn có thể tích 5m³.

Tổng thể tích bể phốt của Cơ sở là 10m³ với lưu lượng nước thải sinh hoạt của Công ty là 1,95m³/ngày đêm.

Vì vậy đối với thể tích bể phốt xây dựng hoàn toàn có thể xử lý sơ bộ được toàn bộ lượng nước thải phát sinh từ các khu vệ sinh và thời gian lưu được 3 ngày.

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

3.2.1. Nguồn phát sinh:

Bụi và khí thải phát sinh của Công ty bao gồm các nguồn sau:

** Bụi và khí thải phát sinh của các phương tiện giao thông ra vào Công ty:*

- Bụi và khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông của công nhân viên, phương tiện vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm ra vào Công ty. Các phương tiện giao thông chủ yếu sử dụng nhiên liệu xăng hoặc dầu diesel làm phát sinh các khí độc gây ô nhiễm môi trường không khí như: CO, SO₂, NO_x,...

** Bụi và khí thải phát sinh của hoạt động sản xuất của Công ty:*

- Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động nạp liệu, trộn và khí thải lò hơi.

** Khí thải phát sinh do hoạt động của máy phát điện:*

Để ổn định điện cho hoạt động của dự án trong trường hợp mạng lưới điện có sự cố, Công ty có sử dụng 1 máy phát điện Diesel dự phòng với công suất 100KVA. Khi chạy máy phát điện sẽ phát sinh ra khí thải như SO₂, NO₂, Hidrocacbon và bụi. Tuy nhiên máy phát điện dự phòng chỉ được vận hành khi xảy ra sự cố mất điện nên thời gian sử dụng máy là rất ít, chỉ sử dụng những lúc cần thiết nên tác động đến môi trường không khí là không đáng kể.

** Mùi phát sinh từ các điểm tập kết chất thải rắn của cơ sở:* chủ yếu là do các khí NH₃, H₂S,... phát sinh do lưu trữ các rác thải có thành phần hữu cơ dễ phân hủy.

3.2.2. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu bụi và khí thải

** Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ hoạt động giao thông ra vào của các phương tiện:*

- Đề xuất biện pháp quản lý giao thông như: Bố trí khu đỗ xe hợp lý; phương tiện ra vào theo quy định và hướng dẫn của người quản lý.

- Khu vực đường, sân thường xuyên được dọn vệ sinh và có thể phun nước tưới ẩm vừa làm giảm bụi, vừa làm giảm bức xạ nhiệt từ mặt đường khi cần thiết.

+ Biện pháp giảm thiểu tác động từ hoạt động của hệ thống điều hòa. Hệ thống điều hòa được lắp đặt tại vị trí hợp lý theo thiết kế của đơn vị tư vấn đảm bảo không phát tán nhiệt dư gây ô nhiễm nhiệt cục bộ.

- Vận hành đúng quy trình, bảo dưỡng định kỳ các thiết bị của hệ thống điều hoà tránh gây rò rỉ chất tải lạnh (khí gas).

- Lắp đặt, vận hành hệ thống thông gió đảm bảo không khí thường xuyên được lưu thông, hạn chế ô nhiễm không khí.

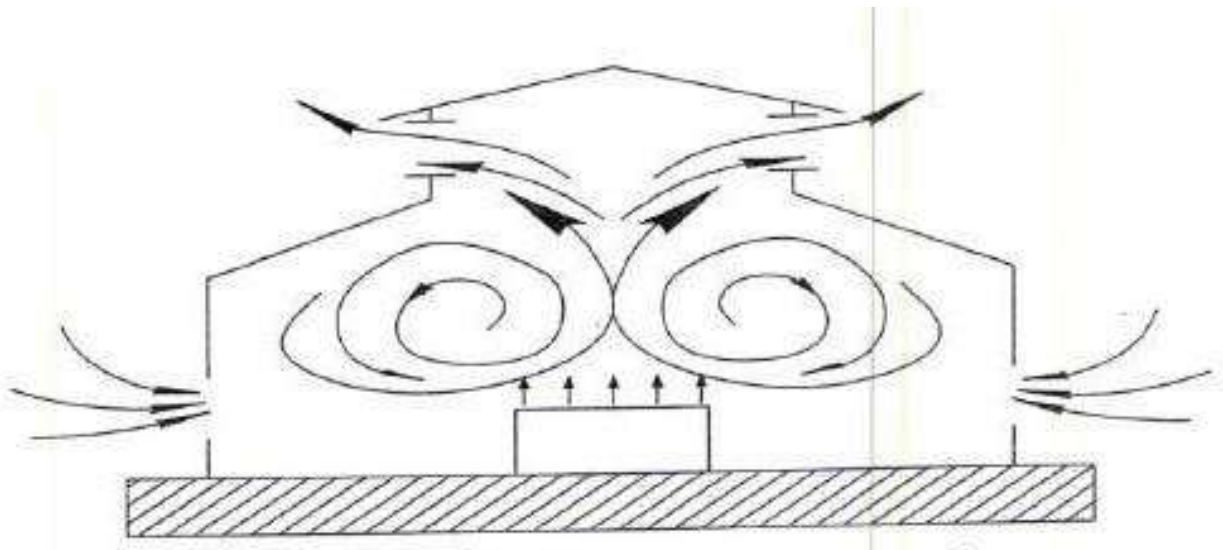
** Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ hoạt động sản xuất của Công ty:*

+ Biện pháp chung:

- Trang bị khẩu trang, bảo hộ cho người công nhân.

- Để giảm thiểu bụi và mùi từ các công đoạn sản xuất mang tính chất phân tán, khó tập trung để xử lý, công ty sử dụng giải pháp thông thoáng tự nhiên kết hợp với cường bức nhà xưởng sản xuất: Thông gió tự nhiên là hiện tượng trao đổi không khí bên trong nhà xưởng và ngoài trời do chênh lệch mật độ không khí. Thông gió tự nhiên được thực hiện nhờ gió, nhiệt hoặc tổng hợp cả hai.

Khi nhiệt độ trong nhà xưởng lớn hơn nhiệt độ bên ngoài thì giữa chúng có sự chênh lệch áp suất và do đó có sự trao đổi không khí bên ngoài với bên trong. Các phân tử không khí trong phòng có nhiệt độ cao, khối lượng riêng nhẹ nên bốc lên cao, tạo ra vùng chân không phía dưới phòng và không khí bên ngoài tràn vào thế chỗ. Ở phía trên các phân tử không khí bị dồn ép và có áp suất lớn hơn không khí bên ngoài và thoát ra ngoài theo các cửa gió phía trên. Như vậy ở một độ cao nhất định nào đó áp suất trong phòng bằng áp suất bên ngoài, vị trí đó gọi là vùng trung hòa. Khi luồng gió đi qua tạo ra độ chênh cột áp ở 2 phía của nhà xưởng: Ở phía đối diện trực tiếp với luồng gió, tốc độ dòng không khí giảm đột ngột nên áp suất tĩnh cao, có tác dụng đẩy không khí vào nhà xưởng. Ngược lại, ở phía bên kia của nhà xưởng có dòng không khí xoáy cuốn nên áp suất giảm xuống hút không khí ra khỏi nhà xưởng.



Hình 8. Sơ đồ nguyên lý thông thoáng tự nhiên

+ Biện pháp cụ thể:

a. Hoạt động nhập, lưu trữ và tháo dỡ nguyên liệu:

+ Hoạt động nhập và lưu trữ nguyên liệu:

- Hoạt động nhập và lưu trữ nguyên liệu trong kho chứa:

Đối với kho chứa nguyên liệu: Nền kho chứa nguyên liệu được xây dựng cao ráo, được lán xi măng, có bố trí cửa mái trên mái kho chứa nguyên liệu để không khí trong kho lưu thông, hạn chế mùi hôi tích tụ. Mái kho chứa nguyên liệu được lợp tôn để sử dụng lâu dài và chống dột nước khi mưa; kho có vách bằng tường và tôn kín tới mái để hạn chế mưa tạt, gió lùa.

Đối với nguyên liệu: Tất cả các nguyên liệu cung cấp đạm, cung cấp khoáng đa, vi lượng của cơ sở được lưu chứa trong bao bì kín bằng ni lông; trong suốt quá trình nhập liệu và lưu trữ nguyên liệu tại kho chứa, cơ sở sẽ phân công nhân viên theo dõi bao bì, kiểm tra độ ẩm của nguyên liệu đầu vào để đưa vào sản xuất ngay những lô nguyên liệu có bao bì bị xì hở, kém an toàn hoặc có độ ẩm cao nhằm giảm thiểu mùi hôi phát sinh khi lưu trữ.

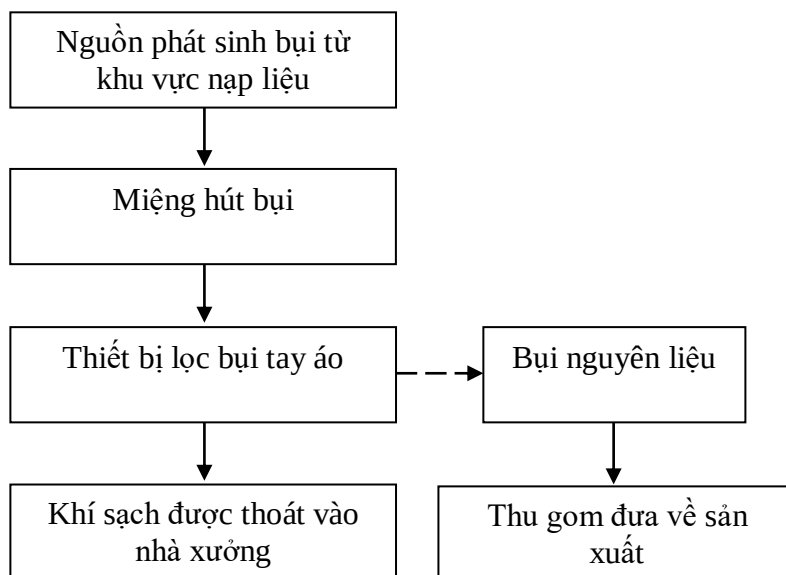
Trường hợp phát hiện bao bì chứa nguyên liệu hư hỏng sẽ lồng thêm bao ni lông bên ngoài và buộc kín miệng bao để hạn chế nguyên liệu rơi vãi, phát sinh bụi và mùi hôi; nếu có nguyên liệu rơi vãi trong quá trình nhập hàng hay lưu trữ trong kho sẽ thu gom ngay tận dụng cho sản xuất, hạn chế bụi và mùi hôi phát sinh.

- Hoạt động nhập và lưu trữ nguyên liệu trong các si lô:

Đối với si lô: Các si lô chứa nguyên liệu của cơ sở được hàn kín bằng thép nhằm hạn chế ẩm, thấp gây hư hỏng nguyên liệu, phòng chống côn trùng phá hoại và hạn chế phát tán bụi khi nhập liệu hay khi lưu trữ nguyên liệu.

Đối với nguyên liệu: Để nhập nguyên liệu vào si lô, cơ sở bố trí 1 khu nạp liệu (gồm cửa nạp liệu và hệ thống gàu tải). Khu nạp liệu được che chắn bằng mái tôn, gàu tải được bao che kín; cơ sở sẽ trang bị 1 hệ thống túi vải để thu gom, xử lý bụi phát sinh tại cửa nạp liệu. Khí thoát ra từ túi vải được xả vào nhà xưởng, bụi thu hồi từ túi vải được sử dụng cho sản xuất.

Sơ đồ dây chuyền công nghệ thu hồi bụi bằng hệ thống lọc bụi túi vải của nhà máy được thể hiện trong hình sau:



Hình 9. Quy trình xử lý bụi khu vực nạp liệu

Thuyết minh quy trình:

Bụi nguyên liệu từ quá trình sản xuất được hút qua các chụp hút và được dẫn vào thiết bị lọc bụi tay áo để tách bụi, tại đây bụi bị giữ lại trong các khe nhỏ của lớp vải, khí sạch đi ra ngoài môi trường. Lượng bụi thu được thực chất là sản phẩm của nhà máy nên được quay trở lại làm nguyên liệu. Khí thoát ra từ túi vải được thoát vào nhà xưởng. Lượng bụi được lưu chứa tại đáy tháp, sau một thời gian nhất định sẽ được công nhân định kỳ thu hồi và đưa quay lại làm nguyên liệu sản xuất thức ăn hỗn hợp.

Ngoài ra tại quá trình thu, xuất, nhập nguyên liệu nhà máy có sử dụng các máy hút được lắp đồng bộ trong dây chuyền sản xuất để thu bụi (các hạt nguyên liệu dạng nhỏ và đưa lại quá trình sản xuất).

Ngoài ra, cơ sở sẽ phân công nhân viên thu gom thật sạch nguyên liệu tại cửa nạp liệu để giảm thiểu bụi và mùi hôi.

Bảng 11. Thông số kỹ thuật và các thiết bị trong hệ thống lọc bụi tay áo

STT	Tên thiết bị	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
1	Thùng lọc bụi	Kích thước: 750x925x1.500mm	Cái	01
2	Túi lọc bụi	Vật liệu Polyester tổng hợp chống ẩm, không	Cái	01

		thấm nước		
3	Quạt hút	Quạt hút ly tâm Q = 47m ³ /phút. Vật liệu: Thép tấm CT3 dày 3 – 8mm Motor mặt bích truyền động trực tiếp 4Kw, N=2.900 vòng/phút	Cái	01
4	Bo mạch điều khiển		Bộ	01

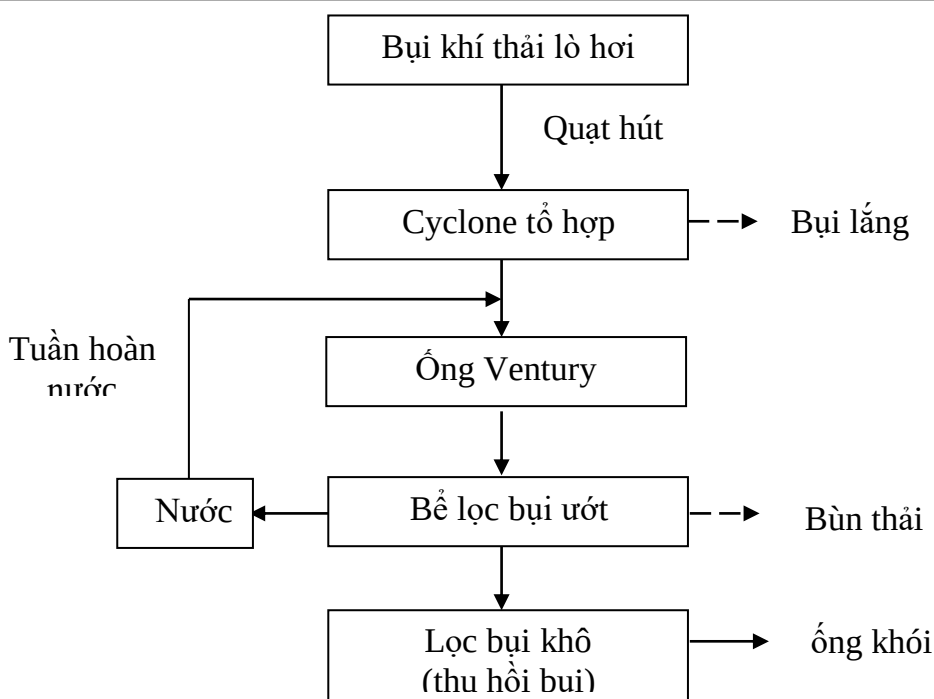
+ Hoạt động tháo dỡ nguyên liệu: Tại kho chứa và cửa nạp liệu của dây chuyền sản xuất: phân công nhân viên thường xuyên thu gom thật sạch nguyên liệu tại cửa nạp liệu của dây chuyền sản xuất cũng như nguyên liệu rơi vãi trong kho chứa để giảm thiểu bụi và mùi hôi.

+ Nguyên liệu đóng bao đã được đóng bao kín nên bụi phát sinh không nhiều, chủ yếu trong nhà nạp liệu.

b. Biện pháp giảm thiểu bụi khí thải lò hơi:

- Dự án đã tiến hành xây dựng 01 hệ thống xử lý bụi khí thải lò hơi công suất 6 tấn/h.
- Đơn vị thiết kế, thi công, lắp đặt và cung cấp thiết bị cho hệ thống xử lý khí thải lò hơi của nhà máy: Công ty TNHH Phúc Trường Hải

- Sơ đồ dây chuyền công nghệ hệ thống xử lý khí thải lò hơi được thể hiện trong hình sau:



Hình 10. Quy trình xử lý khí thải lò hơi

+ Thuyết minh quy trình:

- Dòng khói thải từ lò hơi đi vào Cyclone tổ hợp nhờ quạt hút, sau đó dòng khói được phân bố đều đến các phần tử Cyclone. Tại đây dòng khói bắt đầu chuyển động xoắn ốc theo dạng hình tròn nhờ cánh hướng (đây được gọi là dòng xoắn ngoài). Do vậy dòng khói ngày càng tăng, gây ra bởi lực ly tâm, các hạt bụi trong khói có kích thước lớn được đẩy xuyên tâm hướng tới thành phần tử Cyclone. Khi hạt va chạm tới thành thì nó sẽ bị chậm lại do lực ma sát. Các hạt này được tách khỏi dòng khí chính và đẩy xuống phần hình nón bởi các phần tử đi xuống, tại đây các hạt rắn được thu gom đi xuống phễu thu tro của bộ Cyclone. Bụi lắng xuống phễu thu và được thu gom liên tục qua các van xoáy, vớt tải vào bao chứa tập trung. Để không gây phát tán bụi ra môi trường các thiết bị xả tro được thiết kế dạng kín hoàn toàn. Sau đó lượng bụi này được xử lý cùng với tro đốt lò hơi.

- Dòng khói sau khi đi đến phần dưới cùng hình nón của phần tử Cyclone tổ hợp sẽ đổi hướng quay ngược trở lại và chuyển động lên trên hình thành dòng xoắn trong và tiếp tục qua hệ thống ống Ventury. Ventury là đường ống hình trụ ở giữa thân có cầu tạo đặc biệt miệng ra dạng loa để thay đổi vận tốc khói theo từng giai đoạn. Tại điểm thắt eo có bố trí hệ thống các vòi phun nước hấp phụ tạo sương và tạo màng nước nhờ cơ cấu chế tạo vòi phun đặc biệt.

- Dòng khói sau đó được dẫn qua ống ventury, tiếp xúc với dung dịch kiềm phun vào ống ở dạng sương tại điểm thắt của ống ventury trước khi dẫn vào tháp lọc bụi ướt. Trong ống ventury, dung dịch kiềm sẽ tiếp xúc và hấp thụ các chất khí độc hại như SO_x, NO_x,... trong dòng khói thải.

- Sau khi qua ống ventury, dòng khói được dẫn vào bể lọc bụi ướt. Tại cửa vào của bể lọc bụi ướt được thiết kế hệ thống phun dung dịch kiềm để bao phủ toàn bộ lưu lượng dòng khói đi qua. Nhằm cho các hạt bụi gặp nước kết hợp với nhau tạo thành một hợp thể có trọng lượng lớn hơn trọng lượng của dòng khói. Khi đó, bụi sẽ tách ra khỏi dòng khói rơi xuống đáy. Khí sạch được thoát vào nhà xưởng và vào tạo thành hỗn hợp nước bùn và chảy vào bể lắng bùn. Trong bể lắng bùn, bùn và nước chuyển động với tốc độ thấp - theo phương nằm ngang làm cho các hạt bụi lắng xuống đáy. Để tăng hiệu suất lắng bụi bằng cách làm các vách ngăn trong bể, có các cửa tràn đan chéo nhau. Nhằm làm cho dòng chuyển động của nước bùn bị thay đổi một cách đột ngột, làm cho các hạt bụi va vào thành của các vách ngăn bị giảm động năng rồi lắng xuống đáy. Hỗn hợp nước bùn sau khi được lắng bùn qua nhiều ngăn, đến ngăn cuối cùng bùn được tách khỏi nước; phần nước sạch bên trên được sử dụng tuần hoàn cho tháp lọc bụi ướt, không xả bỏ. Bùn lắng trong ngăn hoàn lưu được định kỳ (khoảng 2 – 3 ngày một lần) xả qua ngăn chứa bùn để tiếp tục tách nước khỏi bùn. Nước tách trong ngăn chứa bùn được bơm ngược lại để tái sử dụng xử lý khí thải, không xả bỏ. Hàng ngày chủ cơ sở bổ sung nước sạch để bù lượng nước mất đi do bay hơi.

- Bùn lắng trong ngăn chứa bùn được định kỳ thu gom, xử lý cùng tro phát sinh khi đốt nhiên liệu.

- Dòng khí sau tháp lọc bụi ướt sẽ qua tháp lọc bụi khô để bụi tiếp tục tách khỏi dòng khí trước khi theo ống khói cao 16,5m thoát ra môi trường. Bụi rơi lại đáy tháp lọc bụi khô được định kỳ thu gom, xử lý cùng tro trấu phát sinh khi đốt nhiên liệu.

Bảng 12. Danh mục các thiết bị hệ thống xử lý khí thải lò hơi

STT	Thiết bị	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
1	Bộ khử bụi Cyclone khử bụi tổ hợp	- Công suất lọc bụi max Q = 36.000m ³ /h - Số lượng Cyclone đơn vị: 36	Bộ	1

		- Kích thước: 1566x2106x3500mm - Vật liệu thân vỏ: SS400 - Hiệu suất lọc bụi: 95%		
2	Cyclone ướt	- Kích thước: 1647x2600x3309mm - Vật liệu thân vỏ: SS400	Bộ	1
3	Bể khử bụi	- Công suất lọc bụi max: 36.000m ³ /h - Hiệu suất lọc bụi: > 98% - Số lượng pec phun: 12 bec phun, xoắn ốc M16, SUS304.	Bộ	1
4	Bơm	- Công suất: 1.1kW; - Lưu lượng 300-500L/min. - Cột áp H-10.5-15m	cái	1
5	Quạt hút khói	- Công suất quạt: 45kW - Lưu lượng quạt hút: 36.000m ³ /h	cái	1
6	Ống khói	- Vật liệu bằng thép SS400 - Chiều cao 16,5m - Đường kính ống khói 300mm	Bộ	1

** Biện pháp khống chế mùi hôi từ khu vực khu tập kết rác thải:*

- Công ty bố trí nhân viên thu gom rác thải ra vị trí thu gom rác quy định hằng ngày, tránh việc lưu trữ rác trong thời gian dài, các thùng lưu trữ rác thải đều có nắp đậy kín.

- Điểm tập kết rác được bố trí ở vị trí thông thoáng .
- Các nắp cống, hố ga, nắp bể xử lý được đậy kín để tránh phát tán mùi hôi.
- Bố trí người thường xuyên quét dọn, vệ sinh khu vực giữ rác thải tạm thời.
- Bố trí ống thông hơi cho khu vực nhà vệ sinh.

3.3. Công trình, biện pháp lưu trữ, xử lý chất thải rắn thông thường:

3.3.1. Nguồn phát sinh

+ Chất thải rắn sinh hoạt:

Chất thải rắn từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên: túi nilong, giấy vụn, đồ ăn, vỏ hoa quả, loại rác này được phân loại ngay tại nguồn. Công ty TNHH thương mại Vic đã ký hợp đồng với Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hải Phòng theo hợp đồng số 150LC3/HĐ-DV ngày 01 tháng 7 năm 2024 để thu gom và vận chuyển hàng ngày.

- Rác thải phát sinh năm 2024 được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 13. Rác thải phát sinh năm 2024

STT	Chất thải rắn sinh hoạt	Khối lượng phát sinh (m ³)	Đơn vị thu gom
1	Chất thải sinh hoạt	6m ³ /tháng tương đương với 72m ³ /năm.	Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hải Phòng theo Hợp đồng số 150LC3/HĐ-DV ngày 01 tháng 7 năm 2024 .
Tổng		72m³/năm	

+ Chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Chất thải này phát sinh từ hoạt động sản xuất của công ty chủ yếu gồm các loại bao bì carton, các loại bavia thừa, xỉ tro lò hơi,...công ty đã kí hợp đồng với Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Toàn Thắng để thu gom vận chuyển và xử lý đúng quy định. Khối lượng rác thải rắn công nghiệp phát sinh trong báo cáo cuối năm 2024 được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 14. Rác thải rắn công nghiệp thông thường năm 2024

STT	Chất thải rắn công nghiệp thông thường	Khối lượng phát sinh (tấn)	Đơn vị thu gom

1	Chất thải rắn công nghiệp thông thường	1,8 tấn/tháng tương đương với 21,6 tấn/năm	Công ty TNHH TMDV Toàn Thắng để thu gom vận chuyển xử lý theo hợp đồng số 459/2024/HĐXLCT ngày 01/9/2024
Tổng		21,6	

3.3.2. Biện pháp xử lý chất thải rắn sinh hoạt

+ Đối với chất thải rắn sinh hoạt

Công ty bố trí các thùng rác 3 ngăn có dung tích 50 lít/ngăn có lắp đầy tại các khu vực phát sinh sau đó thu về 1 điểm tập kết được lưu giữ trong các thùng 200l có nắp đầy. Chất thải rắn sinh hoạt tại Công ty được phân loại theo Quyết định số 60/2023/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Chất thải rắn sinh hoạt tại Công ty được phân loại thành 3 loại như sau:

- Loại 1 (thùng màu xanh) rác thải hữu cơ, thực phẩm bao gồm: rau, củ, quả hỏng, thức ăn thừa, vỏ tôm trứng, cà phê, lá cây);
- Loại 2 (thùng màu trắng hoặc trong suốt) rác thải tái sử dụng, tái chế bao gồm: giấy, nhựa, nylon, kim loại;
- Loại 3 (thùng màu vàng) rác thải sinh hoạt khác bao gồm: sành sứ, thủy tinh vỡ, vỏ sò, vỏ ốc, bìm, hạt hút ẩm, đầu lọc thuốc lá, giấy vệ sinh.

Tần suất thu gom là 1 ngày/lần sẽ được thu gom bởi Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hải Phòng để thu gom và xử lý theo hợp đồng số 150LC3/HĐ-DV ngày 01 tháng 7 năm 2024.

+ Chất thải rắn công nghiệp thông thường

Toàn bộ chất thải rắn thông thường được thu gom vào khu chứa rác thải công nghiệp của Công ty với diện tích là 30m². Công ty đã kí hợp đồng với Công ty TNHH TMDV Toàn Thắng để thu gom vận chuyển xử lý theo hợp đồng số 459/2024/HĐXLCT ngày 01/9/2024.

3.4. Công trình, biện pháp lưu trữ, xử lý chất thải nguy hại:

3.4.1. Nguồn phát sinh

Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh của Công ty được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 15. Chất thải nguy hại phát sinh của Công ty

STT	Tên loại chất thải nguy hại	Mã chất thải nguy hại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Hộp chứa mực in thải	08 02 08	1
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	2
3	Mực in thải có chứa thành phần	08 02 06	1
4	Bao bì nhựa cứng thải	18 01 03	3
5	Các loại pin, ắc quy thải	19 06 05	5
6	Giẻ lau bị nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	50
7	Các loại dầu thải khác	17 07 03	6
Tổng			68

3.4.2. Biện pháp lưu trữ, xử lý chất thải nguy hại

Công ty đã bố trí kho chứa chất thải nguy hại diện tích 6m² (kích thước 2m × 3m). Tại khu vực lưu trữ chất thải nguy hại bố trí 7 thùng chuyên dụng thể tích 50-100 lít có nắp đậy được dán mã CTNH riêng biệt để lưu giữ. Kho lưu trữ chất thải nguy hại có dán biển cảnh báo, mặt sàn trong khu vực lưu giữ bằng bê tông cốt thép bảo đảm kín khít, không bị thấm thấu, có mái che kín và bao quanh bằng tôn cho toàn bộ khu vực lưu giữ, được phân chia thành từng ô xây gờ chống tràn chất thải nguy hại. Tần suất thu gom các loại CTNH này tùy thuộc vào khối lượng phát sinh khi khối lượng chất thải đủ lớn. Công ty đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Toàn Thắng theo hợp đồng số 458/2024/HĐXLCT ngày 01/9/2024.

Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Toàn Thắng được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép xử lý chất thải nguy hại mã số QLCTNH: 1-2-3.073 VX ngày 02/8/2021. Phương pháp xử lý từng loại chất thải được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 16. Phương pháp xử lý chất thải nguy hại

STT	Tên loại chất thải nguy hại	Mã chất thải nguy hại	Phương pháp xử lý	Đơn vị thu gom xử lý
1	Hộp mực in thải	08 02 08	TĐ (Thiêu đốt)	Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Toàn Thắng được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép xử lý chất thải nguy hại mã số QLCTNH: 1-2-3.073 VX ngày 02/8/2021
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	ĐX (đồng xử lý)	
3	Mực in thải có chứa thành phần	08 02 06	TĐ (Thiêu đốt)	
4	Bao bì cứng thải	18 01 03	Súc rửa	
5	Các loại pin, ắc quy thải	19 06 05	TC (tái chế)	
6	Giẻ lau bị nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	TĐ (Thiêu đốt)	
7	Các loại dầu thải khác	17 07 03	TĐ (Thiêu đốt)	

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

+ Nguồn phát sinh: Tiếng ồn phát sinh chủ yếu từ các hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào Cơ sở, tiếng ồn từ hoạt động của máy điều hoà, máy phát điện dự phòng (khi có sự cố mất điện xảy ra) và tiếng ồn phát sinh từ hoạt động sản xuất của cơ sở.

+ Biện pháp xử lý:

* *Tiếng ồn do các phương tiện giao thông:*

- Đối với các phương tiện giao thông ra vào tại cơ sở, Công ty đã quy định tốc độ chạy xe tối đa là 5 - 10 km/h và phải tắt máy khi dừng, đỗ trong khu vực Công ty.

- Trồng cây xanh trong khuôn viên Công ty vừa tạo cảnh quan và giảm thiểu tiếng ồn.

* *Tiếng ồn phát sinh từ máy phát điện (phát sinh không thường xuyên):*

Công ty đã mua loại máy phát điện có vỏ cách âm bằng thép, có độ dày 3mm, được sơn tĩnh điện ở cả hai mặt trong và ngoài. Đồng thời định kỳ bảo dưỡng máy phát điện để máy luôn trong tình trạng hoạt động tốt.

* *Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động sản xuất của cơ sở:*

- Nhà máy có chế độ bảo dưỡng máy móc thường xuyên, chống mòn các chi tiết

quay gây ồn. Chi tiết hỏng do mòn, rồi được thay thế kịp thời.

- Che chắn nhà xưởng để làm giảm độ ồn ra môi trường xung quanh, kiểm tra định kỳ các thiết bị, hệ thống bằng cách bảo dưỡng, bôi trơn.

- Lắp đặt đệm cao su và lò xo chống rung đối với các thiết bị có công suất lớn.

- Đối với người lao động được trang bị các thiết bị giảm âm, chống tiếng ồn tại các vị trí phát sinh tiếng ồn để tránh mắc phải các bệnh nghề nghiệp.

- Trồng cây xanh xung quanh nhà máy để giảm thiểu tiếng ồn phát ra khu vực lân cận.

Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung của cơ sở:

- + QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- + QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.6. Biện pháp giảm thiểu nhiệt dư từ lò hơi:

Để giảm thiểu ảnh hưởng của nhiệt dư cơ sở quán lớp cách nhiệt xung quanh ống dẫn hơi. Ngoài ra, cơ sở sẽ trang bị bảo hộ lao động như nón, khẩu trang, găng tay, quần áo bảo hộ, ủng cho công nhân làm việc ở khu vực lò hơi.

3.7. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

3.7.1. Sự cố và các biện pháp giảm thiểu cháy nổ của Nhà máy:

+ Sự cố cháy nổ:

Sự cố về cháy nổ xảy ra trong trường hợp vận chuyển và bảo quản nguyên liệu, thành phẩm, hệ thống cấp điện gặp sự cố. Sự cố cháy nổ gây ra các thiệt hại về người và tài sản. Có thể xác định các nguyên nhân cụ thể gây ra sự cố cháy nổ như sau:

- Toàn bộ dây chuyền sản xuất tại Nhà máy đều được vận hành bằng điện, nên sự cố cháy nổ do chập điện là có khả năng xảy ra. Ngoài ra hệ thống cấp điện của cơ sở có thể gây ra sự cố giật, chập, cháy nổ do tiết diện dây dẫn điện không phù hợp với cường độ dòng điện, cá thiết bị bảo vệ điện bị quá tải. Nhiều hoạt động cùng lúc sẽ gây quá tải về điện, mạng lưới điện do sét đánh trúng dễ dẫn đến cháy nổ.

- Do việc sử dụng các thiết bị, máy móc không đúng quy định; các máy móc không được bôi trơn tốt sẽ dễ phát sinh ra nhiệt hoặc có khi phát ra tia lửa gây cháy. Đặc biệt, việc sử dụng các thiết bị áp lực không đảm bảo an toàn hoặc quá trình quản lý, vận hành thiết bị không đúng, sai quy trình hay thao tác sai, nhầm lẫn cũng có thể gây nên cháy, nổ;

- Các trường hợp sinh ra tia lửa điện như đóng ngắt cầu dao, cháy cầu chì, mối nối dây dẫn không chặt cũng là những nguyên nhân gây ra cháy;
- Do quá trình lưu giữ, bảo quản nguyên liệu và sản phẩm;
- Công nhân hút thuốc và vứt tàn thuốc bừa bãi gần khu vực chứa nhiên liệu;
- Công tác PCCC trong Nhà xưởng không đảm bảo;
- Cháy do sét đánh và cháy do các nguyên nhân khách quan khác từ bên ngoài như cháy lan từ các khu vực lân cận.

+ Các biện pháp phòng chống cháy nổ:

- Thiết lập quy định, nội quy, biển cấm, biển báo, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn về phòng cháy và chữa cháy, thoát nạn phù hợp với kết cấu xây dựng của Nhà máy.
- Quy định và phân công chức trách, nhiệm vụ phòng cháy và chữa cháy.
- Thực hiện quy trình kỹ thuật an toàn về phòng cháy và chữa cháy phù hợp với điều kiện của Nhà máy.
- Hệ thống điện, thiết bị sử dụng điện, hệ thống chống sét, nơi sử dụng lửa, phát sinh nhiệt phải bảo đảm an toàn về PCCC.
- Bố trí lực lượng phòng cháy và chữa cháy của dự án được tổ chức huấn luyện nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy và tổ chức thường trực sẵn sàng chữa cháy đáp ứng yêu cầu chữa cháy tại chỗ.
- Xây dựng và thực hiện phương án chữa cháy, thoát nạn và đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- Có hệ thống báo cháy, chữa cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy khác, phương tiện cứu người phù hợp với tính chất, đặc điểm của Nhà máy, bảo đảm về số lượng, chất lượng và hoạt động theo quy định của Công an tỉnh và các tiêu chuẩn về phòng cháy và chữa cháy; có hệ thống giao thông, cấp nước, thông tin liên lạc phục vụ chữa cháy tại cơ sở theo quy định.
- Có hồ sơ quản lý, theo dõi hoạt động phòng cháy và chữa cháy theo quy định của Công an thành phố.
- Có dự kiến tình huống cháy, thoát nạn và biện pháp chữa cháy; có phương tiện chữa cháy phù hợp và bảo đảm về số lượng, chất lượng theo hướng dẫn của Bộ Công an.

- Đề ra phương án chữa cháy cho cán bộ chuyên trách của Nhà máy để xử lý khi sự cố xảy ra.

- Huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy đối với cán bộ, đội viên đội dân phòng, đội phòng cháy và chữa cháy của Nhà máy theo các nội dung sau:

+ Kiến thức pháp luật, kiến thức về phòng cháy và chữa cháy phù hợp với từng đối tượng.

+ Phương pháp tuyên truyền, xây dựng phong trào phòng cháy và chữa cháy.

Trang bị các phương tiện PCCC phải đảm bảo các điều sau:

- Bảo đảm về các thông số kỹ thuật theo thiết kế phục vụ cho phòng cháy và chữa cháy.

- Phù hợp với tiêu chuẩn của Việt Nam hoặc tiêu chuẩn nước ngoài, tiêu chuẩn quốc tế được phép áp dụng tại Việt Nam.

- Phương tiện phòng cháy và chữa cháy phải được phép sử dụng của cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy thành phố Hải Phòng có thẩm quyền và phải được kiểm định về chất lượng, chủng loại, mẫu mã theo quy định của Công an.

- Chất chữa cháy: nước, các loại bột, khí chữa cháy, thuốc chữa cháy.

- Vật liệu và chất chống cháy: sơn chống cháy; vật liệu chống cháy, chất ngâm tẩm chống cháy.

- Phương tiện cứu người: dây, đệm, thang và ống cứu người.

- Công cụ hỗ trợ và dụng cụ phá dỡ: máy cắt, máy kéo, máy băm, máy kích, nâng điều khiển bằng khí nén và bằng điện, kìm cộng lực, cưa tay, búa, xà beng,...

- Thiết bị, dụng cụ thông tin liên lạc, chỉ huy chữa cháy: bàn chỉ huy, lều chỉ huy chữa cháy; hệ thống chỉ huy hữu tuyến; hệ thống chỉ huy vô tuyến.

- Các hệ thống báo cháy và chữa cháy: hệ thống báo cháy tự động, bán tự động; hệ thống chữa cháy tự động (bằng khí, nước, bột bột), hệ thống chữa cháy vách tường.

Thường xuyên kiểm tra, thay thế các bóng đèn cũ bị hư hỏng để đảm bảo ánh sáng. Công nhân được hướng dẫn đầy đủ các biện pháp an toàn trong sử dụng điện, máy móc thiết bị, được khám sức khỏe định kỳ phát hiện sớm nguy cơ gây bệnh nghề nghiệp để có biện pháp khắc phục.

Lắp đặt hệ thống chống sét tại vị trí thích hợp, đảm bảo phạm vi bảo vệ của kim chống sét bao phủ tất cả các công trình xây dựng của Nhà máy.

3.7.2. Sự cố và các biện pháp giảm thiểu tai nạn lao động:

+ Sự cố tai nạn lao động:

Tai nạn lao động có thể xảy ra trong toàn quá trình hoạt động sản xuất và phụ thuộc rất lớn vào ý thức của công nhân trong việc chấp hành các quy định về an toàn lao động. Trong quá trình sản xuất, tai nạn lao động có thể xảy ra do các nguyên nhân sau:

- Việc thường xuyên làm việc trong điều kiện nhiệt độ cao, tiếng ồn lớn, tư thế làm việc gò bó, luôn trong tình trạng căng thẳng thần kinh, sức khỏe không tốt cũng là nguyên nhân gây ra tai nạn lao động.

- Việc không đảm bảo khoảng cách an toàn hay sơ xuất đối với vận hành các máy móc, thiết bị cũng sẽ làm tăng nguy cơ xảy ra tai nạn lao động.

- Người lao động vận hành máy móc không có trình độ chuyên môn, không được đào tạo cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến các sai lầm trong vận hành và dễ gây ra tai nạn lao động.

- Sự bất cẩn, chủ quan của người lao động trong quá trình bốc xếp nguyên nhiên liệu, hàng hoá...

- Công nhân không tuân thủ nghiêm ngặt những quy định khi vận hành máy móc, thiết bị trong dây chuyền sản xuất.

- Công nhân không thực hiện đầy đủ các quy định an toàn lao động.

- Rủi ro do thiên tai như gió bão làm đổ ngã cây cối, mái che, đứt dây điện... gây tai nạn cho công nhân.

Tai nạn lao động ảnh hưởng trực tiếp tới người lao động như: gây thương tật, bệnh nghề nghiệp, hoặc thiệt hại tính mạng và thiệt hại về tài sản. Do đó, chủ dự án cần có biện pháp để giảm thiểu và phòng ngừa tai nạn lao động thích hợp.

+ Biện pháp giảm thiểu tai nạn lao động:

Để phòng chống tai nạn cho công nhân làm việc, Công ty sẽ áp dụng các biện pháp như sau:

- Tuân thủ các quy phạm về chế độ vận hành, bảo trì, sửa chữa các máy móc, thiết bị sản xuất để đảm bảo hoạt động an toàn và tính hiệu quả của thiết bị;

- Sắp xếp bố trí các máy móc thiết bị đảm bảo trật tự, gọn và khoảng cách an toàn cho công nhân làm việc;

- Hệ thống dây điện, các chỗ tiếp xúc, cầu dao điện có thể gây tia lửa phải được bố trí và lắp đặt theo tiêu chuẩn an toàn;
 - Trang bị bảo hộ lao động đầy đủ cho công nhân làm việc tại Nhà máy;
 - Bố trí nhân viên chuyên trách/bán chuyên trách về vệ sinh và an toàn lao động. Kịp thời phát hiện và xử lý những trường hợp sai phạm nội quy an toàn trong nhà máy;
 - Phổ biến công tác phòng chống cháy nổ và an toàn lao động cho tất cả cán bộ công nhân viên trong toàn bộ nhà máy để mọi người có thể hiểu rõ và nhận biết được tính chất quan trọng của công tác phòng chống sự cố, chấp hành tốt nội quy trong khu vực nhà xưởng...;
 - Giáo dục ý thức vệ sinh môi trường và vệ sinh công nghiệp cho toàn bộ cán bộ công nhân viên;
 - Thực hiện đầy đủ các quy định về an toàn vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ tại doanh nghiệp;
 - Trang bị, bồi dưỡng kiến thức về an toàn vệ sinh lao động cho toàn bộ công nhân làm việc trong nhà máy;
 - Thực hiện việc hoàn thiện và cải tạo công nghệ nhằm hạn chế ô nhiễm, đơn đốc và giáo dục cán bộ công nhân viên thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về an toàn lao động và phòng chống sự cố cháy nổ;
 - Đảm bảo thực hiện nghiêm chỉnh về thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi quy định tại Nghị định 145/2020/NĐ-CP của Chính Phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của bộ luật lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động;
 - Thường xuyên kiểm tra, bảo trì các hệ thống điện, các thiết bị thông gió nội bộ nhằm an toàn cho nhà máy. Cam kết kiểm soát nhiệt độ môi trường sản xuất không vượt quá 32°C, và cường độ chiếu sáng trong xưởng sản xuất đảm bảo đạt quy định QCVN 26:2016/BYT;
 - Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch an toàn – vệ sinh lao động;
 - Chương trình kiểm tra và giám định về sức khỏe định kỳ cho công nhân. Lắp đặt các tủ thuốc y tế trong khu vực văn phòng và tại các khu vực sản xuất.
- 3.7.3. Sự cố và các biện pháp giảm thiểu trong quá trình sử dụng lò hơi:**
- + Sự cố vận hành lò hơi:

Cạn nước nghiêm trọng lò hơi nóng hơn mức bình thường: Công nhân vận hành không theo dõi ống thủy để cấp nước thêm kịp thời. Van xả đáy không kín. Bơm cấp nước hỏng, bơm vẫn chạy nhưng nước không vào được lò hơi. Hệ thống ống cấp nước bị tắc hoặc bồn chứa nước trung gian không đủ nước, bơm không có tác dụng dẫn đến không vận hành được lò hơi và có thể gây nổ lò;

- Đầy nước quá mức: Khi tiến hành cấp nước bổ sung nước cho lò hơi, công nhân không quan sát ống thủy sáng để ngưng bơm kịp thời. Nước ngập ống thủy và nghe thấy tiếng va đập thủy lực bên trong lò hơi. Áp suất hơi giảm, hơi nước cấp bên tiêu thụ lẫn nhiều nước ngưng dẫn đến không vận hành được lò hơi;

- Áp suất tăng quá mức cho phép: Van an toàn không tác động hoặc tác động không kịp thời, tác động không hết công suất do kẹt. Cường độ đốt tăng quá mức bình thường. Bên tiêu thụ ngừng việc lấy hơi, trong khi bên cung cấp vẫn hoạt động có thể gây nổ lò hơi;

- Phòng, nổ ống của phần trao đổi nhiệt nguyên nhân do các đợt định kỳ sửa chữa, bảo dưỡng, không làm vệ sinh sạch cặn, bẩn trên bề mặt kim loại của phần bị đốt nóng. Không phát hiện được các chỗ yếu cục bộ do ăn mòn để xử lý trước. Chất lượng nước cấp không bảo đảm. Lò hơi trong tình trạng cạn nước nghiêm trọng gây nổ lò hơi;

- Van an toàn hỏng do bề mặt tiếp xúc của van bị mòn không đều, bị vênh, kẹt cứng lò xo hoặc các bộ phận cơ khí, dẫn đến áp suất trong lò tăng gây nổ các đường ống trao đổi nhiệt;

Những nguyên nhân trên có thể ảnh hưởng đến hiệu suất hoạt động của lò hơi cũng như có thể gây ra cháy nổ lò hơi. Tất cả các sự cố nêu trên nếu không được khắc phục kịp thời sẽ gây tai nạn lao động hoặc gây chết người lao động tại khu vực làm việc trực tiếp do hiện tượng nổ lò hơi gây hư hỏng tài sản, giảm độ bền của lò hơi.

Phạm vi ảnh hưởng: ngay tại khu vực lò hơi sẽ bị ảnh hưởng nặng nhất, ngoài ra có thể phát sinh cháy, lúc đó phạm vi sẽ lan rộng hơn.

Trong giai đoạn hoạt động, Công ty sẽ ký hợp đồng với Công ty có chức năng cung cấp hơi cho Nhà máy. Chủ cơ sở sẽ có các biện pháp phòng ngừa, đảm bảo an toàn khi sử dụng lò hơi.

+ Biện pháp sử dụng an toàn lò hơi:

Để phòng ngừa, giảm thiểu các tác động đối với sự cố lò hơi, Công ty sẽ thực hiện các biện pháp phòng ngừa và giảm thiểu sau đây:

- Lò hơi chỉ được đưa vào vận hành khi đã được cơ quan chức năng kiểm định, kiểm tra, nghiệm thu an toàn sử dụng lò hơi theo quy định và duy trì kiểm định định kỳ trong suốt quá trình hoạt động.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng lò hơi cũng như hệ thống cấp điện cho lò hơi;

- Vận hành lò hơi đúng kỹ thuật, chuẩn bị các thiết bị dự phòng đối với các bộ phận, thiết bị dễ bị hư hỏng;

- Lò hơi được đặt ở vị trí riêng biệt, không đặt lò hơi gần những thiết bị có khả năng cháy nổ cao, hay vị trí có phát sinh nhiệt;

- Nhân viên vận hành lò hơi được đào tạo lành nghề, am hiểu kỹ thuật và các vấn đề về lò hơi. Đảm bảo quy trình vận hành đúng kỹ thuật, kịp thời phát hiện những phát sinh không đúng và sửa chữa kịp thời.

Trong trường hợp lò hơi xảy ra sự cố đối với hệ thống cấp nước dẫn đến lò hơi bị cạn nước quá mức hoặc đầy nước quá mức thì chủ dự án sẽ thực hiện các biện pháp sau:

Cạn nước quá mức:

- Đóng chặt van thông hơi, thông nước ra ống thủy. Mở van xả đáy ống thủy cho thoát hơi nước trong ống thủy thoát ra ngoài, sau đó nhanh chóng đóng chặt van xả đáy ống thủy lại và từ từ mở van nước ra.

- Tắt ngay quạt gió, quạt khói của lò hơi, đóng các lá chắn gió ở gầm ghi lò. Chạy bơm cấp nước vào, khi mở van cho nước chảy vào phải từ từ, thận trọng, nghe ngóng những tiếng động phía trong lò, chú ý theo dõi mức nước trong ống thủy.

- Nếu không có hiện tượng gì bất thường xảy ra thì tiếp tục cung cấp nước đến mức thấp nhất của ống thủy (vạch quy định dưới) thì tắt bơm, ngừng cung cấp nước vào nồi hơi. Sau đó chừng 5 phút tiếp tục (mở) chạy bơm cung cấp nước vào lò hơi cho đến mức trung bình của ống thủy.

Nước đầy quá mức

- Nếu đang cung cấp nước vào lò hơi thì tắt ngay bơm và khoá chặt van cấp nước lại.

- Kiểm tra ống thủy, thông rửa ống thủy, rồi cho ống thủy làm việc lại, nếu thấy mực nước vẫn đang kín ống thủy, thì phải kiểm tra mực nước của ống thủy tối đa. Nếu thấy phù hợp với mực nước của ống thủy sáng, thì nhanh chóng thao tác như sau:

- + Xả van xả đáy nồi, xả từng hồi cho tới khi thấy mực nước ống thủy ở mức cao nhất, sẽ tạm ngừng xả;

- + Sau đó 3 phút sẽ tiếp tục xả cho mức nước trong nồi hơi xuống mức bình thường;

- + Nếu hơi cung cấp cho máy tiêu dùng hơi yêu cầu phẩm chất hơi phải khô: chạy tuốc bin hơi, sấy thực phẩm... thì có thể phải đóng chặt van hơi chính, ngừng cấp hơi sang sản xuất, xả hơi ra ngoài trời, hoặc kênh van an toàn cho hơi thoát ra ngoài;

- + Khi mức nước đã ổn định, ở mức bình thường và phẩm chất hơi đã tốt, khi ấy lại mở van chính cung cấp hơi sang sản xuất, hạ van an toàn xuống hoặc đóng kín van xả hơi lại.

- Trong trường hợp không thể khắc phục sự cố ngay thời điểm xảy ra sự cố, Công ty phải ngưng hoạt động lò hơi và chỉ hoạt động lại sau khi sự cố đã được khắc phục xong.

3.7.4. Sự cố và các biện pháp giảm thiểu đối với công trình bảo vệ môi trường:

**** Đối với hệ thống thu gom, xử lý sơ bộ nước thải:***

- + Sự cố:

Cơ sở không xây dựng hệ thống XLNT mà chỉ thực hiện các biện pháp xử lý sơ bộ đối với các dòng nước thải phát sinh tại cơ sở, do đó các sự cố có thể xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải sơ bộ này bao gồm:

- Sự cố nổ khí ga đối với bể tự hoại khi bể quá đầy.

- Sự nứt, vỡ đường ống dẫn nước thải gây rò rỉ nước thải ra ngoài môi trường: Khi xảy ra sự cố, không thể vận hành hệ thống thu gom, xử lý nước thải, nước thải sẽ tràn ra bên ngoài gây ô nhiễm môi trường khu vực gây ảnh hưởng đến môi trường;

Các sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải sơ bộ của dự án là tương đối nhỏ, không gây quá nhiều tác động đến môi trường cũng như hoạt động của nhà máy. Tuy nhiên chủ cơ sở vẫn sẽ thực hiện các biện pháp để giảm thiểu cũng như phòng ngừa các sự cố nêu trên.

- + Biện pháp giảm thiểu:

- Đối với bể tự hoại: Công ty sẽ thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ để hạn chế thấp nhất tình trạng rò rỉ nước thải ra môi trường, bể tự hoại đầy phải tiến hành hút hầm cầu;

- Thường xuyên kiểm tra bơm nước thải, các van xả nước, kiểm tra, bảo trì bảo dưỡng và khắc phục kịp thời khi phát hiện;

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì hệ thống đường ống thu gom và thoát nước thải của cơ sở, không để nứt, vỡ thấm nước thải vào đất.

- Thường xuyên vệ sinh mặt bằng nhà máy, nạo vét các tuyến mương thoát nước mưa, nước thải.

* Sự cố đối với hệ thống xử lý bụi, khí thải:

+ Các sự cố:

- Sự cố hư hỏng hệ thống túi vải thu bụi bị rách làm phát tán bụi ra môi trường xung quanh, bị tắt nghẽn xử lý không đảm bảo hiệu quả.

- Đối với lò hơi nếu trong quá trình vận hành công nhân không tuân thủ quy trình vận hành như cho nhiều nhiên liệu vào lò cùng lúc, hoặc chọc tro trong thời gian hoạt động, không duy trì đảm bảo nhiệt độ cháy trong lò, ... thì sẽ xảy ra tình trạng phát thải khói đen gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

+ Biện pháp giảm thiểu:

- Đảm bảo bụi, khí thải được thu gom và đạt quy chuẩn quy định trước khi thải ra môi trường.

- Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải phải đảm bảo thiết kế được duyệt, vận hành đúng quy trình vận hành hệ thống của nhà cung cấp.

- Xây dựng, lắp đặt ống khói đảm bảo chiều cao đề xuất.

- Thường xuyên kiểm tra, vệ sinh sạch sẽ khu vực lưu chứa tro, nhiên liệu lò hơi, khu vực này phải đảm bảo che chắn được bụi phát tán ra môi trường; không để tro, nhiên liệu tích lũy trên mặt bằng gây phát tán theo gió ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

- Bảo dưỡng định kỳ thiết bị; Kiểm tra thường xuyên các thiết bị túi vải, cyclone, đường ống, quạt hút trong hệ thống xử lý bụi, khí thải nhằm kịp thời phát hiện các trường hợp hư hỏng để sửa chữa.

- Kiểm tra chế độ vận hành theo thiết kế và sửa chữa kịp thời khi có sự cố. Đội ngũ nhân viên kỹ thuật và công nhân trong nhà máy luôn sẵn sàng ứng phó khi có sự cố xảy ra.

- Công nhân vận hành dây chuyền sản xuất, lò sấy được đào tạo cơ bản, đúng tay nghề theo yêu cầu của thiết bị và có kiến thức về xử lý sự cố và được cử đi học tập, tập huấn khi cơ quan chức năng tổ chức các lớp này; hoặc cử học các khóa học nâng cao khi cần thiết.

- Quan trọng để giảm thiểu sự cố phát tán khói thải đen ra môi trường, ảnh hưởng đến các doanh nghiệp xung quanh, Chủ cơ sở sẽ quán triệt cán bộ, công nhân vận hành phải thường xuyên kiểm tra hệ thống thu gom, xử lý khí thải, không để xảy ra tình trạng khô nước trong bể dập bụi; vệ sinh hệ thống bể dập bụi, tháp hấp thụ thường xuyên để đảm bảo hiệu quả xử lý khói; yêu cầu công nhân không được sử dụng củi ướt để đưa vào lò, không chọc tro khi đang vận hành lò; công nhân vận hành phải thực hiện vận hành lò đảm bảo nhiệt độ đốt, đặc biệt trong thời gian đầu mới nhóm lò để hạn chế tình trạng phát tán khí CO vượt chuẩn cho phép.

* Trường hợp có xảy ra sự cố phát tán khói thải hoặc bụi ảnh hưởng đến các doanh nghiệp lân cận, Chủ dự án sẽ cho kiểm tra ngay và cam kết khắc phục ngay không để ảnh hưởng đến các doanh nghiệp.

3.7.5. Sự cố và các biện pháp giảm thiểu môi trường, dịch bệnh:

+ Sự cố môi trường, dịch bệnh:

Trong quá trình hoạt động có khả năng xảy ra sự cố về môi trường, sẽ dẫn đến gây hư hỏng nguyên liệu, ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm của nhà máy. Một số nguyên nhân có thể xảy ra là:

- Do mưa lớn dài ngày ẩm ướt kho, mưa bão vận chuyển sắp xếp hàng hóa không kịp dẫn đến nước tràn vào gây ướt,... khiến cho nguyên liệu bị ẩm, không kịp thời đưa vào sản xuất dẫn đến phát sinh môi trường;

- Nhà xưởng lưu chứa nguyên liệu không đảm bảo thông thoáng, quá trình lưu chứa không đúng quy trình;

- Chất lượng nguyên liệu nhập về nhà máy không đảm bảo yêu cầu,....

- Nguyên liệu nhập về để lâu ngày chưa kịp đưa vào sản xuất nhưng không thực hiện đảm bảo giải pháp thông thoáng, sấy khô.

- Ngoài ra, sự cố dịch bệnh như sốt rét, sốt xuất huyết, Covid-19 diễn biến phức tạp,... nếu không có kế hoạch, giải pháp phòng ngừa thì khi sự cố xảy ra cũng gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất của nhà máy, kể cả việc triển khai thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.

+ Biện pháp:

- Không nhập nguyên liệu nhiều, lưu trữ lâu, tồn đọng tại khu vực Công ty.
- Đảm bảo nguyên liệu nhập về Công ty đạt yêu cầu về độ ẩm; kho lưu chứa thông thoáng không bị ẩm ướt.

- Thường xuyên thực hiện các công tác bảo quản nguyên liệu, sản phẩm như: thường xuyên vệ sinh, có biện pháp chống mối mọt ngay từ đầu trong quá trình gia cố, xử lý nền móng nhà xưởng; định kỳ phun thuốc chống mối mọt – loại thuốc này là thuốc có tên trong danh sách được phép sử dụng,....

- Định kỳ 03 tháng/lần (tần suất này sẽ thay đổi tùy thuộc vào chất lượng nguyên liệu, trường hợp mối mọt phát sinh sớm hơn Công ty sẽ thực hiện phun trùng ngay không để phát sinh nhiều) thực hiện công tác phun thuốc sát trùng, khử trùng để ngăn ngừa mối mọt.

- Khi xảy ra sự cố trong quá trình sản xuất, công ty sẽ di dời nguyên liệu, sản phẩm khỏi nơi có mối mọt, cách ly và khoanh vùng bị mối mọt, tránh ảnh hưởng đến nguyên liệu và sản phẩm của Công ty và thuê đơn vị có chức năng thực hiện ngay biện pháp sát trùng, khử trùng để tiêu diệt.

- Thu gom lượng nguyên liệu, sản phẩm bị hư hỏng do mối mọt không thể tái sử dụng, thuê đơn vị chức năng xử lý theo quy định, không đưa nguyên liệu bị hỏng vào sản xuất thức ăn gia súc.

3.8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã có:

Trong quá trình hoạt động, Công ty có một số thay đổi so với ĐTM được phê duyệt nhằm phù hợp với tình hình hoạt động hiện tại của nhà máy. Một số nội dung điều chỉnh của dự án như sau:

Bảng 17. Một số điều chỉnh thay đổi so với ĐTM đã được cấp

TT	Hạng	Theo báo	Sau điều	Nội dung giải trình
----	------	----------	----------	---------------------

	mục	cáo ĐTM phê duyệt	chính	
1	Nguyên liệu sử dụng cho Lò hơi	Sử dụng nguyên liệu đốt cho lò hơi là dầu DO	Nguyên liệu sử dụng cho lò hơi là gỗ dăm	Do thời điểm ban đầu xây dựng nhà máy, dự kiến lắp lò hơi sử dụng dầu DO là nguyên liệu đốt tuy nhiên: - Lò hơi hoạt động thường xuyên nếu vẫn sử dụng dầu DO là nguyên liệu đốt thì sẽ cần một lượng khá lớn mà hiện nay giá dầu DO trên thị trường ngày một tăng cao nếu vẫn tiếp tục sử dụng thì giá thành sản phẩm tăng lên, hiệu quả kinh tế sẽ không cao và không còn phù hợp với tình hình thực tế. - Khi sử dụng dầu DO là nguyên liệu đốt sẽ tạo ra lượng khí thải độc hại lớn ảnh hưởng tới môi trường xung quanh so với khi sử dụng gỗ dăm làm nguyên liệu. Vì vậy trong quá trình sản xuất Công ty đã đổi nguyên liệu sử dụng cho lò hơi từ dầu DO sang gỗ dăm để hạn chế phát thải các khí độc ra môi trường xung quanh.

CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải.

A. Nội dung cấp phép xả nước thải:

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải (do nước thải sinh hoạt của Công ty sau xử lý bằng bể phốt 3 ngăn sau đó nước thải được thoát vào hố ga thu gom nước thải của Cụm Công nghiệp Vĩnh Niệm sau đó được dẫn về Nhà máy xử lý nước thải Vĩnh Niệm, công suất 36.000m³/ngày.đêm, không xả ra môi trường).

B. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom xử lý nước thải

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh:

+ Nước thải vệ sinh bao gồm:

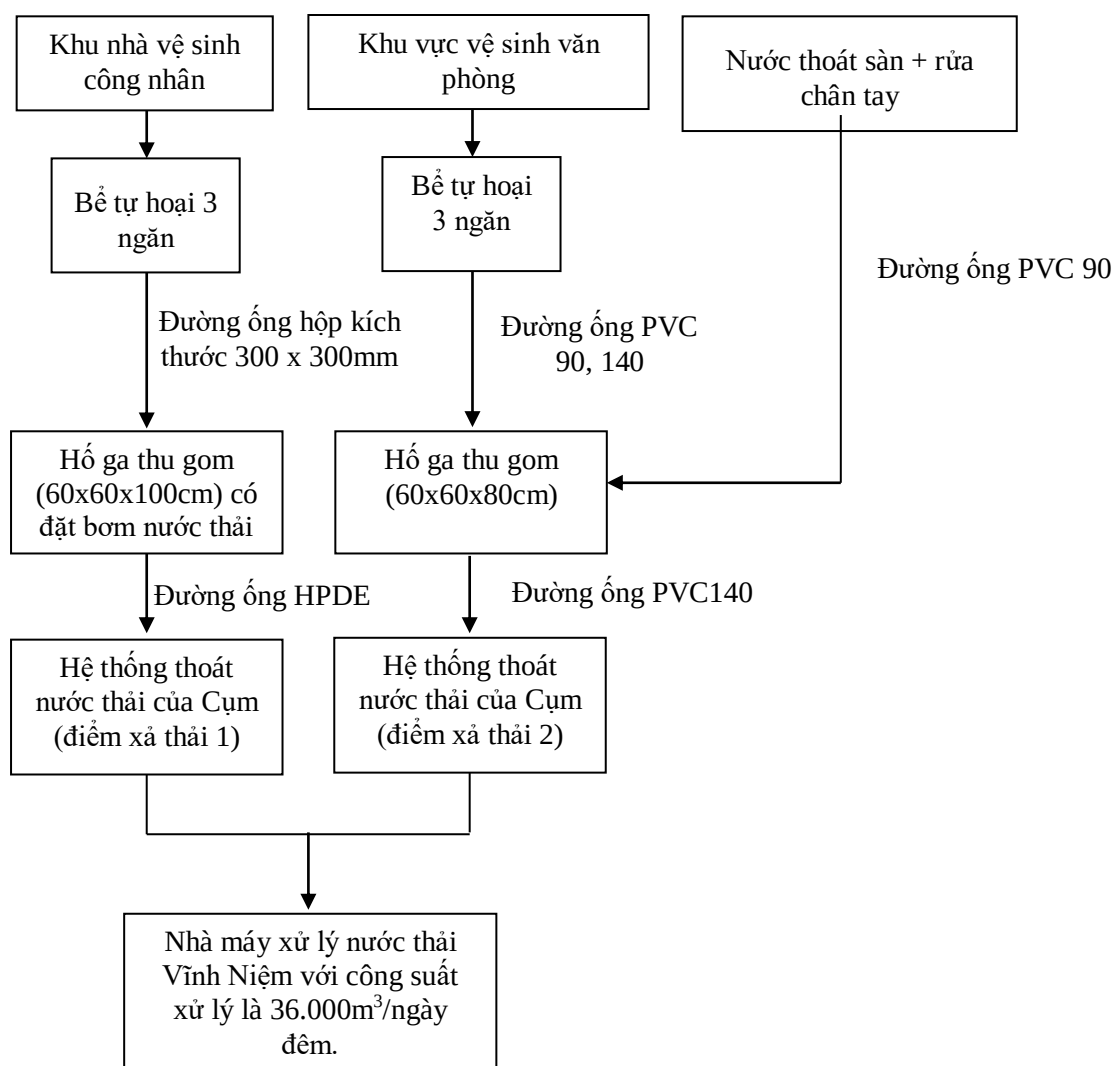
- Nước thải vệ sinh từ khu nhà văn phòng: được xử lý sơ bộ qua bể phốt 3 ngăn có thể tích 5m³. Nước thải sau bể phốt được dẫn thu gom tự chảy về hố ga có kích thước 60 x 60 x 80cm bằng đường ống nhựa PVC D90, 140. Đường ống thu gom tổng chiều dài là 56m.

- Nước thải vệ sinh từ khu vệ sinh công nhân: được xử lý sơ bộ qua bể phốt 3 ngăn có thể tích 5m³. Nước thải sau bể phốt được dẫn thu gom tự chảy qua rãnh hộp thoát nước kín có kích thước 300 x 300mm dài 69m về hố ga trung gian, tại đây có đặt bơm để đẩy nước thải ra hố ga nước thải chung của cụm Công nghiệp Vĩnh Niệm bằng đường ống HDPE 25. Đường ống HDPE 25 có tổng chiều dài là 40m.

+ Nước thoát sàn từ khu rửa tay được thoát ra hố ga có kích thước 60 x 60 x 80cm bằng đường ống nhựa PVC D90. Đường ống thu gom có tổng chiều dài là 69m.

* Sơ đồ mạng lưới thu gom nước thải của Cơ sở

Sơ đồ hệ thống thu gom, thoát nước thải sinh hoạt cụ thể như sau:



1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Toàn bộ nước thải sinh hoạt của Công ty được xử lý sơ bộ qua bể phốt 3 ngăn sau đó thoát ra hệ thống thoát nước thải của CNN Vĩnh Niệm dẫn về trạm bơm Vĩnh Niệm → trạm bơm PS3-Tây Nam → trạm bơm Chợ Hàng → nhà máy xử lý nước thải Vĩnh Niệm có công suất 36.000m³/ngày hiện do Công ty TNHH MTV thoát nước Hải Phòng quản lý, vận hành

- Công suất thiết kế:

Nước thải vệ sinh từ khu nhà văn phòng: được xử lý sơ bộ qua 1 bể phốt 3 ngăn có thể tích 5m³.

Nước thải vệ sinh từ khu nhà vệ sinh công nhân: được xử lý sơ bộ qua 1 bể phốt 3 ngăn có thể tích 5m³.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng bắt buộc phải lắp đặt (theo quy định tại khoản 2 điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống thoát nước thải.

- Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn; vỡ các đường ống thu gom.

- Khi hệ thống thu gom nước thải xảy ra sự cố, trong quá trình sửa chữa, khắc phục sự cố sẽ không xả nước thải. Nước thải từ các nguồn phát sinh chảy về hố thu gom. Khi sự cố của hệ thống thu gom nước thải không thể khắc phục được ngay và các hố thu không còn khả năng lưu chứa thì sẽ thuê đơn vị có chức năng đến thu gom nước thải từ các bể mang đi xử lý theo quy định.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần A phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của Cơ sở. Trong trường hợp công suất, công nghệ của hệ thống xử lý nước thải không đáp ứng yêu cầu xử lý về lưu lượng, thành phần, tính chất nước thải phát sinh, Chủ cơ sở có trách nhiệm cải tạo và hoàn thiện các thủ tục về môi trường theo quy định.

3.3. Đầu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các quy định về bảo vệ môi trường trong quá trình vận hành Cơ sở; chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thống số nào không đạt yêu cầu về tiêu thoát nước và các quy định về bảo vệ môi trường trong quá trình vận hành Cơ sở.

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

A. Nội dung cấp phép xả khí thải

1. Nguồn phát sinh khí thải:

Nguồn khí thải của Công ty bao gồm các nguồn chính sau:

+ Nguồn số 1: Khí thải phát sinh sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải: tại ống thoát hơi sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi

Tọa độ xả khí thải: X (m) = 2304410; Y(m) = 595671

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°)

2.2. Lưu lượng xả khí thải.

+ Nguồn thải số 1:

- Ống thoát hơi sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi với lưu lượng lớn nhất là: 36.000m³/h;

2.2.1. Phương thức xả khí thải: cưỡng bức bằng quạt hút

2.2.2. Chất lượng khí thải: Khí thải ra môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường, QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Bảng 18. Thông số ô nhiễm tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý lò hơi

STT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị	Giới hạn cho phép theo QCVN 19:2009/BTNMT (cột B)
1	Lưu lượng	-	-
2	Hàm lượng bụi tổng	mg/Nm ³	200
3	CO	mg/Nm ³	1000
4	SO ₂	mg/Nm ³	500
5	NO _x	mg/Nm ³	850

B. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

Khí thải phát sinh lò hơi → Cyclon tổ hợp có kích thước 1566x2106x3500mm, → hệ thống ống Ventury → bể đập bụi ướt có kích thước: 1647x2600x3309mm → lọc bụi khô → khí sạch thoát ra ngoài qua ống thoát khí cao 16,5m có đường kính D300.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

Khí thải phát sinh lò hơi → Cyclon tổ → hệ thống ống Ventury → bể đập bụi ướt → lọc bụi khô → khí sạch thoát ra ngoài qua ống thoát khí.

- Công suất thiết kế HTXL khí thải:

+ Lưu lượng khí thải: 36.000m³/h

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải tự động, liên tục được quy định tại Khoản 2, Điều 98, Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Đào tạo nhân viên kỹ thuật nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý khí thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải.

Thường xuyên thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

- Trang bị các thiết bị dự phòng (đường ống, quạt hút,...) để thay thế cho các thiết bị của hệ thống xử lý khí thải khi xảy ra sự cố.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của lò hơi đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực thiết bị dự phòng để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống xử lý khí thải.

4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

A. Nội dung cấp phép về tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh:

+ Nguồn số 01: Hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào Cơ sở.

+ Nguồn số 02: Khu vực sản xuất.

+ Nguồn số 03: Khu vực máy phát điện dự phòng.

- Vị trí phát sinh:

+ Nguồn số 01: Hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào Cơ sở

Toạ độ X(m) = 2304429; Y(m) = 595711

+ Nguồn số 02: Khu vực xưởng sản xuất.

Toạ độ X(m) = 2304375; Y(m) = 595712

+ Nguồn số 03: Khu vực máy phát điện dự phòng.

Toạ độ X(m) = 2304396; Y(m) = 595736

(Hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3^0)

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:

Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2025/BNNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

Bảng 19. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức tiếng ồn cho phép (dBA)			Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến trước 18 giờ	Từ 18 giờ đến trước 22 giờ	Từ 18 giờ đến trước 6 giờ		
1					
2	70	65	60	-	Khu vực E (quy định tại bảng 1 theo QCVN 26:2025/BNNMT)

Bảng 20. Giá trị giới hạn đối với độ rung

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần xuất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến trước 22 giờ	Từ 22 giờ đến trước 6 giờ		
1				
2	70	60	-	Khu vực D (quy định tại bảng 1 theo QCVN 27:2025/BNNMT)

B. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung:

+ Công trình biện pháp giảm thiểu:

- Lắp đặt, bố trí các thiết bị này tại vị trí hợp lý tránh ảnh hưởng nhất tới môi trường xung quanh.

- Thường xuyên bảo dưỡng các thiết bị máy móc nhằm đảm bảo mức ồn được giữ ở mức thiết kế bởi nhà sản xuất.

+ Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép.

- Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn các thiết bị máy móc để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

4.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

A. Quản lý chất thải

4.4.1. Đối với chất thải sinh hoạt

+ Nguồn phát sinh:

Chất thải rắn từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên: túi nilong, giấy vụn, đồ ăn, vỏ hoa quả, loại rác này được phân loại ngay tại nguồn. Công ty TNHH thương mại Vic đã ký hợp đồng với Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hải Phòng theo hợp đồng số 150LC3/HĐ-DV ngày 01 tháng 7 năm 2024 để thu gom và vận chuyển hàng ngày.

- Rác thải phát sinh năm 2024 được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 21. Rác thải sinh hoạt phát sinh năm 2024

STT	Chất thải rắn sinh hoạt	Khối lượng phát sinh (m ³)	Đơn vị thu gom
1	Chất thải sinh hoạt	6m ³ /tháng tương đương với 72m ³ /năm.	Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hải Phòng theo Hợp đồng số 150LC3/HĐ-DV ngày 01 tháng 7 năm 2024 .
Tổng		72m³/năm	

+ Biện pháp lưu trữ và xử lý:

Công ty bố trí các thùng rác 3 ngăn có dung tích 50 lít/ngăn có lắp đầy tại các khu vực phát sinh sau đó thu về 1 điểm tập kết được lưu giữ trong các thùng 200l có nắp đầy. Chất thải rắn sinh hoạt tại Công ty được phân loại theo Quyết định số 60/2023/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ban hành quy định về quản lý chất thải rắn trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Chất thải rắn sinh hoạt tại Công ty được phân loại thành 3 loại như sau:

- Loại 1 (thùng màu xanh) rác thải hữu cơ, thực phẩm bao gồm: rau, củ, quả hỏng, thức ăn thừa, vỏ tôm trứng, cà phê, lá cây);
- Loại 2 (thùng màu trắng hoặc trong suốt) rác thải tái sử dụng, tái chế bao gồm: giấy, nhựa, nylon, kim loại;
- Loại 3 (thùng màu vàng) rác thải sinh hoạt khác bao gồm: sành sứ, thủy tinh vỡ, vỏ sò, vỏ ốc, bìm, hạt hút ẩm, đầu lọc thuốc lá, giấy vệ sinh.

Tần suất thu gom là 1 ngày/lần sẽ được thu gom bởi Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hải Phòng để thu gom và xử lý theo hợp đồng số 150LC3/HĐ-DV ngày 01 tháng 7 năm 2024.

4.4.2. Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường

+ Nguồn phát sinh:

Chất thải này phát sinh từ hoạt động sản xuất của công ty chủ yếu gồm các loại bao bì carton, các loại bavia thừa, xỉ tro lò hơi,...công ty đã kí hợp đồng với Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Toàn Thắng để thu gom vận chuyển và xử lý đúng quy định. Khối lượng rác thải rắn công nghiệp phát sinh trong báo cáo cuối năm 2024 được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 22. Rác thải rắn công nghiệp thông thường năm 2024

STT	Chất thải rắn công nghiệp thông thường	Khối lượng phát sinh (tấn)	Đơn vị thu gom
1	Chất thải rắn công nghiệp thông thường	1,8 tấn/tháng tương đương với 21,6 tấn/năm	Công ty TNHH TMDV Toàn Thắng để thu gom vận chuyển xử lý theo hợp đồng số 459/2024/HĐXLCT ngày 01/9/2024
Tổng		21,6	

+ Biện pháp lưu trữ và xử lý:

Toàn bộ chất thải rắn thông thường được thu gom vào khu chứa rác thải công nghiệp của Công ty với diện tích là 30m². Công ty đã kí hợp đồng với Công ty TNHH TMDV Toàn Thắng để thu gom vận chuyển xử lý theo hợp đồng số 459/2024/HĐXLCT ngày 01/9/2024.

4.4.3. Đối với chất thải nguy hại

+ Nguồn phát sinh:

Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh của Công ty được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 23. Chất thải nguy hại phát sinh của Công ty

STT	Tên loại chất thải nguy hại	Mã chất thải nguy hại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Hộp chứa mực in thải	08 02 08	1

2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	2
3	Mực in thải có chứa thành phần	08 02 06	1
4	Bao bì nhựa cứng thải	18 01 03	3
5	Các loại pin, ắc quy thải	19 06 05	5
6	Giẻ lau bị nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	50
7	Các loại dầu thải khác	17 07 03	6
Tổng			68

+ Biện pháp lưu trữ và xử lý:

Công ty đã bố trí kho chứa chất thải nguy hại diện tích 6m² (kích thước 2m × 3m). Tại khu vực lưu trữ chất thải nguy hại bố trí 7 thùng chuyên dụng thể tích 50-100 lít có nắp đậy được dán mã CTNH riêng biệt để lưu giữ. Kho lưu trữ chất thải nguy hại có dán biển cảnh báo, mặt sàn trong khu vực lưu giữ bằng bê tông cốt thép bảo đảm kín khít, không bị thấm thấu, có mái che kín và bao quanh bằng tôn cho toàn bộ khu vực lưu giữ, được phân chia thành từng ô xây gờ chống tràn chất thải nguy hại. Tần suất thu gom các loại CTNH này tùy thuộc vào khối lượng phát sinh khi khối lượng chất thải đủ lớn. Công ty đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Toàn Thắng theo hợp đồng số 459/2024/HĐXLCT ngày 01/9/2024.

Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Toàn Thắng được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép xử lý chất thải nguy hại mã số QLCTNH: 1-2-3.073 VX ngày 02/8/2021. Phương pháp xử lý từng loại chất thải được thể hiện qua bảng sau:

STT	Tên loại chất thải nguy hại	Mã chất thải nguy hại	Phương pháp xử lý	Đơn vị thu gom xử lý
1	Hộp mực in thải	08 02 08	TĐ (Thieu đốt)	Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Toàn Thắng được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	ĐX (đồng xử lý)	
3	Mực in thải có chứa thành phần	08 02 06	TĐ (Thieu đốt)	

4	Bao bì cứng thải	18 01 03	Súc rửa	phép xử lý chất thải nguy hại mã số QLCTNH: 1-2-3.073 VX ngày 02/8/2021
5	Các loại pin, ắc quy thải	19 06 05	TC (tái chế)	
6	Giẻ lau bị nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	TĐ (Thieu đốt)	
7	Các loại dầu thải khác	17 07 03	TĐ (Thieu đốt)	

B. YÊU CẦU PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong báo cáo này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kết hoạch ứng phó cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

4.5. Các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường:

- Thực hiện trách nhiệm và phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Tuân thủ các quy định về phòng chống cháy, nổ; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng chống cháy, nổ trong quá trình hoạt động của cơ sở .

- Tuân thủ các yêu cầu vệ sinh môi trường, an toàn lao động trong quá trình cơ sở hoạt động theo các quy định của pháp luật hiện hành.

- Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao về nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn phòng chống cháy, nổ đối với cư dân, công nhân viên trong phạm vi cơ sở.

- Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các chất thải rắn thông thường theo quy định của Luật bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định

4.6. Thời gian xin cấp phép: Thời gian xin cấp phép: 10 năm.

CHƯƠNG V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường:

Công ty TNHH Thương mại Vic đã được cấp Quyết định về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 1154/QĐ-UB ngày 07 tháng 06 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

Trong thời gian qua, Công ty TNHH Thương mại Vic đã nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật về Bảo vệ môi trường:

- Đối với rác thải phát sinh tại Cơ sở chủ yếu là rác thải sinh hoạt, đã được Cơ sở phân loại tại nguồn theo đúng quy định. Cơ sở đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định với sẽ được thu gom bởi Công ty TNHH MTV môi trường đô thị Hải Phòng theo hợp đồng dịch vụ thu gom rác thải sinh hoạt số 150LC3/HĐ-DV. Tần suất thu gom là 1 ngày/1 lần.

- Đối với rác thải công nghiệp Công ty đã thực hiện phân loại ngay tại nguồn, bố trí kho chứa riêng biệt và đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển với Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Toàn Thắng theo hợp đồng số 459/2024/HĐXLCT ngày 01/9/2024.

- Đối với rác thải nguy hại: Với khối lượng phát sinh thấp, lượng chất thải nguy hại được lưu trữ tại kho chất thải nguy hại có diện tích 6m² của Cơ sở. Tại khu vực lưu trữ chất thải nguy hại bố trí 7 thùng chuyên dụng thể tích 50-100 lít có nắp đậy được dán mã CTNH riêng biệt để lưu giữ. Kho lưu trữ chất thải nguy hại có dán biển cảnh báo, mặt sàn trong khu vực lưu giữ bằng bê tông cốt thép bảo đảm kín khít, không bị thấm thấu, có mái che kín và bao quanh bằng tôn cho toàn bộ khu vực lưu giữ, được phân chia thành từng ô xây gờ chống tràn chất thải nguy hại. Tần suất thu gom các loại CTNH này tùy thuộc vào khối lượng phát sinh khi khối lượng chất thải đủ lớn. Công ty đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Toàn Thắng theo hợp đồng số 458/2024/HĐXLCT ngày 01/9/2024.

- Đối với hệ thống xử lý khí thải: Cơ sở đã cử nhân viên có chuyên môn vận hành hệ thống xử lý khí thải, theo dõi thường xuyên không để xảy ra các sự cố gây ra việc xả khí thải không đạt quy chuẩn cho phép ra ngoài môi trường.

5.2. Kết quả hoạt động quan trắc nước thải của cơ sở:

5.2.1. Kết quả hoạt động quan trắc nước thải định kỳ năm 2024

Công ty TNHH Thương mại Vic đã tiến hành lấy mẫu quan trắc nước thải định kỳ năm 2024 ngày 11/7/2024. Kết quả được thể hiện như sau:

Bảng 24. Kết quả phân tích mẫu nước thải của công ty năm 2024

STT	Tên các thông số ô nhiễm	Đơn vị	NT1	NT2	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B), $C=C_{\max}$
1	pH	-	7,05	7,61	5,5-9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/L	6,0	4,4	50
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	<15	<15	100
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	156	165	1000
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	0,09	0,07	4,0
6	Amoni (tính theo N)	mg/L	1,91	6,5	10
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/L	0,85	0,44	50
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	<0,9	<0,9	20
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	<0,06	0,17	10
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/L	0,11	0,14	10
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	2.800	2.400	5.000

Ghi chú:

NT1: Mẫu nước thải tại cống thải cuối

NT2: Mẫu nước thải tại khu nhà ăn

QCVN 14:2008/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt, Cột B quy định giá trị C của các thông số và chất gây ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải khi thải vào các nguồn nước dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt. ($C_{\max} = C \times K$; $K = 1,0$)

5.2.3. Kết quả hoạt động quan trắc nước thải định kỳ năm 2025

Công ty TNHH Thương mại Vic đã tiến hành lấy mẫu quan trắc nước thải định kỳ năm 2025 ngày 10/7/2025. Kết quả được thể hiện như sau:

Bảng 25. Bảng kết quả phân tích nước thải năm 2025 của Công ty

STT	Tên các thông số ô nhiễm	Đơn vị	NT1	NT2	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B), $C=C_{\max}$
1	pH	-	7,0	7,2	5,5-9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/L	26	38	50
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	24	47	100
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	538	897	1000
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/L	0,13	0,12	4,0
6	Amoni (tính theo N)	mg/L	3,75	4,85	10
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/L	2,73	2,95	50
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	1,4	1,4	20
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/L	0,42	0,39	10
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/L	0,94	3,03	10
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	2.100	3.000	5.000

Ghi chú:

NT1: Mẫu nước thải sau toà nhà văn phòng

NT2: Mẫu nước thải tại cống thải cuối

QCVN 14:2008/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt, Cột B quy định giá trị C của các thông số và chất gây ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải khi thải vào các nguồn nước dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt. ($C_{\max} = C \times K$; $K = 1,0$)

* Nhận xét: Qua bảng phân tích trên cho thấy tất cả các thông số đều nằm trong giới hạn cho phép đối với nước thải. Hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Công ty vẫn hoạt động tốt.

5.3. Kết quả hoạt động của công trình xử lý bụi, khí thải:

5.3.1. Kết quả hoạt động quan trắc mẫu không khí định kỳ của cơ sở.

a. Kết quả các đợt quan trắc năm 2024

+ Trong suốt quá trình hoạt động sản xuất Nhà máy đã quan trắc mẫu không khí trong xưởng, không khí xung quanh, kết quả các đợt quan trắc năm 2024 được thể hiện qua các bảng sau:

Bảng 26. Thống kê thời gian điểm quan trắc

STT	Tên điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Ký hiệu	Ghi chú
1	Điểm quan trắc 1	10/6/2024	K1	Khu vực văn phòng
2	Điểm quan trắc 2	10/6/2024	K2	Khu vực xưởng sản xuất
3	Điểm quan trắc 3	10/6/2024	K3	Mẫu không khí khu vực cuối hướng gió giáp khu dân cư

Kết quả quan trắc định kỳ năm 2024 được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 27. Kết quả quan trắc mẫu không khí năm 2024

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả 2024		QCVN 03:2019/BYT
			K1	K2	
1	Tiếng ồn	dBA	49	56,6	85 ⁽¹⁾
2	SO ₂	mg/m ³	0,048	0,047	10
3	CO	mg/m ³	3,4	3,03	40
4	NO ₂	mg/m ³	0,026	0,027	10
5	Bụi	mg/m ³	0,03303	0,1988	8 ⁽²⁾
6	Nhiệt độ	°C	35,2	34,3	18-32 ⁽³⁾
7	Độ ẩm	%	69,5	73,9	40-80 ⁽³⁾
8	Tốc độ gió	m/s	0,4	0,5	0,2-1,5 ⁽³⁾

(Nguồn: Kết quả quan trắc môi trường năm 2024 của Nhà máy cung cấp)

Ghi chú:

QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;

(1) – QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;

(2) – QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi.

(3) - QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về vi khí hậu.

Bảng 28. Kết quả quan trắc mẫu không khí khu vực cổng nhà máy

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT
			K3	
1	Nhiệt độ	°C	34,5	-
2	Độ ẩm	%	69,9	-
3	Tốc độ gió	m/s	1,1	-
4	Tiếng ồn	dBA	61,5	70⁽¹⁾
5	Bụi	µg/Nm ³	28,1	300
6	SO ₂	µg/Nm ³	50,6	350
7	NO ₂	µg/Nm ³	30,5	200
8	CO	µg/Nm ³	<4.500	30.000

(Nguồn: Kết quả quan trắc môi trường của Nhà máy năm 2024 cung cấp)

Ghi chú:

QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí;

(1): QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

Nhận xét: Qua các bảng trên ta thấy tất cả các thông số quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép, vì vậy việc sản xuất của Nhà máy không ảnh hưởng tới môi trường lao động của công nhân và môi trường xung quanh.

b. Kết quả các đợt quan trắc năm 2025

+ Trong suốt quá trình hoạt động sản xuất Nhà máy đã quan trắc mẫu không khí trong xưởng, không khí xung quanh và mẫu khí thải năm 2025, kết quả được thể hiện qua các bảng sau:

Bảng 29. Thống kê thời gian điểm quan trắc

STT	Tên điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Ký hiệu	Ghi chú
1	Điểm quan trắc 1	10/7/2025	KK1	Khu vực kho thành phẩm
2	Điểm quan trắc 2	10/7/2025	KK2	Khu vực xưởng sản xuất
3	Điểm quan trắc 3	10/7/2025	KK3	Khu vực văn phòng
4	Điểm quan trắc 4	10/7/2025	KK4	Khu vực cổng Công ty

Kết quả quan được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 30. Kết quả quan trắc mẫu không khí năm 2025

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả			QCVN 03:2019/BYT
			KK1	KK2	KK3	
1	Tiếng ồn	dBA	65	80	66	85 ⁽¹⁾
2	SO ₂	mg/m ³	<0,262	<0,262	<0,262	10
3	CO	mg/m ³	3,270	3,436	2,290	40
4	NO ₂	mg/m ³	<0,188	<0,188	<0,188	10
5	Bụi	mg/m ³	0,13	0,84	0,03	8 ⁽²⁾
6	Nhiệt độ	°C	29	30	28	18-32 ⁽³⁾
7	Độ ẩm	%	81	79	70	40-80 ⁽³⁾
8	Tốc độ gió	m/s	0,4	0,2	0,3	0,2-1,5 ⁽³⁾

(Nguồn: Kết quả quan trắc môi trường năm 2025 của Nhà máy cung cấp)

Ghi chú:

QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;

(1) – QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;

(2) – QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi.

(3) - QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về vi khí hậu.

Bảng 31. Kết quả quan trắc mẫu không khí khu vực cổng nhà máy

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT
			KK4	
1	Nhiệt độ	⁰ C	28	-
2	Độ ẩm	%	84	-
3	Tốc độ gió	m/s	1,3	-
4	Tiếng ồn	dBA	60	70 ⁽¹⁾
5	Bụi	µg/Nm ³	117	300
6	SO ₂	µg/Nm ³	92	350
7	NO ₂	µg/Nm ³	75	200
8	CO	µg/Nm ³	<4.100	30.000

(Nguồn: Kết quả quan trắc môi trường của Nhà máy năm 2025 cung cấp)

Ghi chú:

QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí;

(1): QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

Nhận xét: Qua các bảng trên ta thấy tất cả các thông số quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép, vì vậy việc sản xuất của Nhà máy không ảnh hưởng tới môi trường lao động của công nhân và môi trường xung quanh.

+ Mẫu khí thải năm 2025:

Bảng thống kê điểm quan trắc và thời gian quan trắc khí thải

Bảng 32. Thống kê thời gian điểm quan trắc

STT	Tên điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Ký hiệu	Ghi chú
1	Điểm quan trắc 1	10/7/2025	KT	Mẫu khí thải sau hệ thống xử lý nổi hơi

Kết quả quan được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 33. Kết quả quan trắc mẫu khí thải 2025

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN
-----	----------	--------	---------	------

			KT	19:2009/BTNMT Cột B
1	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	46,37	850
2	SO ₂	mg/Nm ³	2,62	500
3	CO	mg/Nm ³	26,6	1.000
4	CO ₂	mg/Nm ³	2,18	-

Ghi chú:

QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;

Nhận xét: qua các bảng phân tích trên ta thấy tất cả các thông số ô nhiễm đều nằm trong giới hạn cho phép không ảnh hưởng tới môi trường làm việc trong các xưởng sản xuất và môi trường xung quanh. Điều đó cũng chứng tỏ rằng các hệ thống xử lý khí thải tại các nhà xưởng đều hoạt động rất tốt đảm bảo xử lý khí thải tại các khu vực phát sinh.

5.4. Tình hình phát sinh, xử lý chất thải:

- Đối với rác thải sinh hoạt phát sinh tại Cơ sở đã được Cơ sở phân loại tại nguồn theo đúng quy định. Cơ sở đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định với sẽ được thu gom bởi Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hải Phòng theo hợp đồng số 150LC3/HĐ-DV ngày 01 tháng 7 năm 2024 để thu gom và vận chuyển hàng ngày. Tần suất thu gom là 1 ngày/1 lần.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường: Chất thải này phát sinh từ hoạt động sản xuất của công ty chủ yếu gồm các loại bao bì carton, các loại bavia thừa, xỉ tro lò hơi,...công ty đã ký hợp đồng với Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Toàn Thắng để thu gom vận chuyển và xử lý đúng quy định.

- Đối với rác thải nguy hại: Công ty đã bố trí kho chứa chất thải nguy hại diện tích 6m² (kích thước 2m × 3m). Tại khu vực lưu trữ chất thải nguy hại bố trí 7 thùng chuyên dụng thể tích 50-100 lít có nắp đậy được dán mã CTNH riêng biệt để lưu giữ. Kho lưu trữ chất thải nguy hại có dán biển cảnh báo, mặt sàn trong khu vực lưu giữ bằng bê tông cốt thép bảo đảm kín khít, không bị thấm thấu, có mái che kín và bao quanh bằng tôn cho toàn bộ khu vực lưu giữ, được phân chia thành từng ô xây gờ chống

tràn chất thải nguy hại. Tần suất thu gom các loại CTNH này tùy thuộc vào khối lượng phát sinh khi khối lượng chất thải đủ lớn. Công ty đã ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Toàn Thắng theo hợp đồng số 459/2024/HĐXLCT ngày 01/9/2024.

5.5. Kết quả kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở:

Trong năm 2023, Công ty TNHH Thương mại Vic có Đoàn kiểm tra của Sở Tài nguyên và Môi trường theo Quyết định số 562/QĐ-STNMT ngày 13/12/2023. Trong biên bản kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường ngày 21/12/2023 với kết luận của Đoàn là :

- Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ để được cơ quan thẩm quyền cấp Giấy phép Môi trường ;
- Tăng cường vệ sinh môi trường công nghiệp ; bố trí các khu vực lưu trữ chất thải nguy hại, chất thải nguy hại chất thải công nghiệp.
- Nghiêm túc chấp hành đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường, các nội dung theo Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Công ty có quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1136/QĐ-XPHC ngày 10/4/2025 về việc đang hoạt động mà không có giấy phép môi trường theo quy định với hình thức xử phạt là phạt tiền 320.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi triệu đồng). Công ty TNHH Thương mại Vic đã nộp tiền vào ngân sách nhà nước vào ngày 18/4/2025. (Quyết định và giấy nộp tiền được đóng trong phần phụ lục của báo cáo).

CHƯƠNG VI KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:

6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:

Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải như sau:

Bảng 34. Các công trình xử lý chất thải và thời gian vận hành thử nghiệm

TT	Các công trình xử lý chất thải	Công suất của hệ thống xử lý	Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm
1	01 Hệ thống xử lý khí thải lò hơi	36.000m ³ /h	Dự kiến từ tháng 12/2025 đến tháng 05/2026

6.1.2. Kế hoạch quan trắc nước thải, đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý chất thải:

a, Kế hoạch quan trắc và thời gian dự kiến lấy mẫu

- Thời gian vận hành thử nghiệm:

Thời gian bắt đầu: tháng 12/2025

Thời gian kết thúc: tháng 05/2026

- Công trình, thiết bị phải vận hành thử nghiệm:

• 01 Hệ thống xử lý bụi khí thải lò hơi 36.000 m³/h.

- Vị trí lấy mẫu:

Ống thoát hơi sau hệ thống xử lý bụi khí thải lò hơi:

Tọa độ xả khí thải: X (m) = 2304410; Y(m) = 595671

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰45', múi chiều 3⁰)

- Chất ô nhiễm và giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

+Thông số ô nhiễm khí thải lò hơi

Bảng 35. Thông số quan trắc và giới hạn khí thải khu vực mạ kẽm

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 19:2024/BTNMT Cột C
1	SO ₂	mg/Nm ³	≤300
2	CO	mg/Nm ³	≤ 450
3	Bụi	mg/Nm ³	≤100
4	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	≤500

- Tần suất lấy mẫu: 01 lần/ngày, số lần lấy mẫu là 03 lần (03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định); số lượng mẫu: 03 mẫu hơi thoát ra sau xử lý.

Chú ý: Thời gian lấy mẫu phụ thuộc vào thời tiết cũng như quá trình vận hành thử nghiệm các công trình, vì vậy thời gian lấy mẫu có thể thay đổi để phù hợp với thực tế.

b. Kế hoạch đo đạc, lấy mẫu và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý khí thải.

Việc lấy mẫu, phân tích sẽ được Nhà máy dự kiến sẽ phối hợp với đơn vị có chức năng phân tích môi trường lấy mẫu và phân tích mẫu. Việc lấy mẫu và phân tích mẫu sẽ tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành. Thông tin về phương pháp phân tích như sau:

Bảng 36. Thông tin về phương pháp phân tích phục vụ cho công tác quan trắc khí thải của Nhà máy

STT	Thông số	Phương pháp sử dụng
1	SO ₂	QT.HT.45
2	Bụi	QT.HT.45
3	CO	QT.HT.45
4	NO _x	QT.HT.45

c. Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch

Để đánh giá kết quả vận hành các công trình xử lý, Nhà máy phối hợp với Công ty cổ phần Công nghệ Môi trường Hải Việt lấy mẫu và phân tích mẫu.

Công ty CP công nghệ môi trường Hải Việt đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường số hiệu: VIMCERTS 312 ngày 14/08/2025.

6.2. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ của Nhà máy

6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ nước thải

- Nhà máy không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ (theo quy định tại Khoản 2,3 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ).

6.2.2. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ khí thải

- Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải tự động, liên tục được quy định tại Khoản 2, Điều 98, Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

6.2.3. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

- Nhà máy không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục chất thải (theo quy định tại Khoản 2 Điều 97; Khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ).

6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

- Không phát sinh kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.

CHƯƠNG VII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi – Công ty TNHH Thương mại Vic cam kết rằng mọi thông tin, số liệu đưa ra tại hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường nói trên là hoàn toàn trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu có gì sai phạm.

Công ty cam kết về các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường đã nêu sẽ thực hiện trong suốt quá trình hoạt động của Công ty.

Công ty cam kết không tồn trữ dầu Diesel tại địa điểm kinh doanh (*ngoài lượng dầu trong thiết bị*).

Thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng ngừa giảm thiểu các tác động xấu tới môi trường đã nêu trong hồ sơ này.

Khi xảy ra sự cố Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi – Công ty TNHH Thương mại Vic sẽ tiến hành các biện pháp giảm thiểu sự cố khẩn cấp và báo cáo kịp thời với các cơ quan chức năng về sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời. Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi – Công ty TNHH Thương mại Vic thường xuyên phối hợp với các cơ quan chức năng về phòng chống thiên tai, an ninh trật tự và các biện pháp xử lý sự cố môi trường khác (bão lụt, phá hoại của kẻ xấu...).

Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi – Công ty TNHH Thương mại Vic sẽ kết hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý về môi trường của địa phương trong việc thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ môi trường, đảm bảo giảm thiểu tác động môi trường trong suốt quá trình hoạt động sản xuất.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

- Giấy đăng ký kinh doanh của Công ty.
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Cơ sở.
- Bản vẽ tổng quy hoạch mặt bằng.
- Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường
- Giấy chứng nhận thẩm duyệt PCCC
- Phiếu kết quả quan trắc môi trường
- Hoá đơn điện nước của cơ sở
- Hợp đồng thu gom chất thải sinh hoạt
- Bản vẽ hoàn công lò hơi.
- Các biên bản kiểm tra về môi trường

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0200358184

Đăng ký lần đầu: ngày 21 tháng 07 năm 1999

Đăng ký thay đổi lần thứ: 17, ngày 08 tháng 09 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIC**

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **VIC TRADING COMPANY LIMITED**

Tên công ty viết tắt: **VIC CO.,LTD**

2. Địa chỉ trụ sở chính

Cụm Công nghiệp Vĩnh Niệm, Phường An Biên, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại: **0225.3742976**

Số Fax: **0225.3742978**

Thư điện tử:

Website:

3. Vốn điều lệ : 100.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên là cá nhân; Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Quyết định thành lập/giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN VIỆT HÙNG	Việt Nam	Số 9/17 đường Lương Khánh Thiện, Phường Gia Viên, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	44.000.000.000	44,000	031090013666	

2	TRẦN THỊ MỸ DUNG	Việt Nam	Số 9/17 đường Lương Khánh Thiện, Phường Gia Viên, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	30.000.000.000	30,000	031164004825	
3	NGUYỄN NGỌC HÀ	Việt Nam	Số 9/17 đường Lương Khánh Thiện, Phường Gia Viên, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	20.000.000.000	20,000	031186005296	
4	NGUYỄN HỮU LỢI	Việt Nam	Số 9/17 đường Lương Khánh Thiện, Phường Gia Viên, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	5.000.000.000	5,000	031054002190	
5	ĐỖ TÁT TRUNG	Việt Nam	Số 2/170 đường Phạm Hữu Đĩnh, Phường An Biên, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	1.000.000.000	1,000	031064014095	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: NGUYỄN HỮU LỢI

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 05/08/1954

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 031054002190

Chức danh: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Địa chỉ liên lạc: Số 9/17 đường Lương Khánh Thiện, Phường Gia Viên, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

* Họ, chữ đệm và tên: NGUYỄN VIỆT HUNG

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 15/05/1990

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 031090013666

Chức danh: Giám đốc điều hành

Địa chỉ liên lạc: Số 9/17 đường Lương Khánh Thiện, Phường Gia Viên, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Phạm Đình Phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0200358184

Đăng ký lần đầu: ngày 21 tháng 07 năm 1999

Đăng ký thay đổi lần thứ: 17, ngày 08 tháng 09 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIC

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIC TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: VIC CO.,LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

Cụm Công nghiệp Vĩnh Niệm, Phường An Biên, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại: 0225.3742976

Số Fax: 0225.3742978

Thư điện tử:

Website:

3. Vốn điều lệ : 100.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên là cá nhân; Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Quyết định thành lập/giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN VIỆT HÙNG	Việt Nam	Số 9/17 đường Lương Khánh Thiện, Phường Gia Viên, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	44.000.000.000	44,000	031090013666	

2	TRẦN THỊ MỸ DUNG	Việt Nam	Số 9/17 đường Lương Khánh Thiện, Phường Gia Viên, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	30.000.000.000	30,000	031164004825	
3	NGUYỄN NGỌC HÀ	Việt Nam	Số 9/17 đường Lương Khánh Thiện, Phường Gia Viên, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	20.000.000.000	20,000	031186005296	
4	NGUYỄN HỮU LỢI	Việt Nam	Số 9/17 đường Lương Khánh Thiện, Phường Gia Viên, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	5.000.000.000	5,000	031054002190	
5	ĐỖ TÁT TRUNG	Việt Nam	Số 2/170 đường Phạm Hữu Đĩnh, Phường An Biên, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	1.000.000.000	1,000	031064014095	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: NGUYỄN HỮU LỢI

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 05/08/1954

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 031054002190

Chức danh: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Địa chỉ liên lạc: Số 9/17 đường Lương Khánh Thiện, Phường Gia Viên, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

* Họ, chữ đệm và tên: NGUYỄN VIỆT HUNG

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 15/05/1990

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 031090013666

Chức danh: Giám đốc điều hành

Địa chỉ liên lạc: Số 9/17 đường Lương Khánh Thiện, Phường Gia Viên, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

**KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Phạm Đình Phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VIC

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp 0200358184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký lần đầu ngày 21/7/1999, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 19/12/2014.

Địa chỉ trụ sở chính: Cụm Công nghiệp Vĩnh Niệm, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

CD 688842

IV. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận	
Nội dung bổ sung, thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

"Kèm theo Giấy chứng nhận này có Trang bổ sung số 01"
Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



311140716000102

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- Thừa đất số: "00", tờ bản đồ số: "00"
- Địa chỉ: Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.
- Diện tích: 1.522,3 m² (Bằng chữ: Một nghìn, năm trăm hai mươi hai phẩy ba mét vuông).
- Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng.
- Mục đích sử dụng: Xây dựng cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi.
- Thời hạn sử dụng: Thời hạn sử dụng đất đến ngày 01/01/2051.
- Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

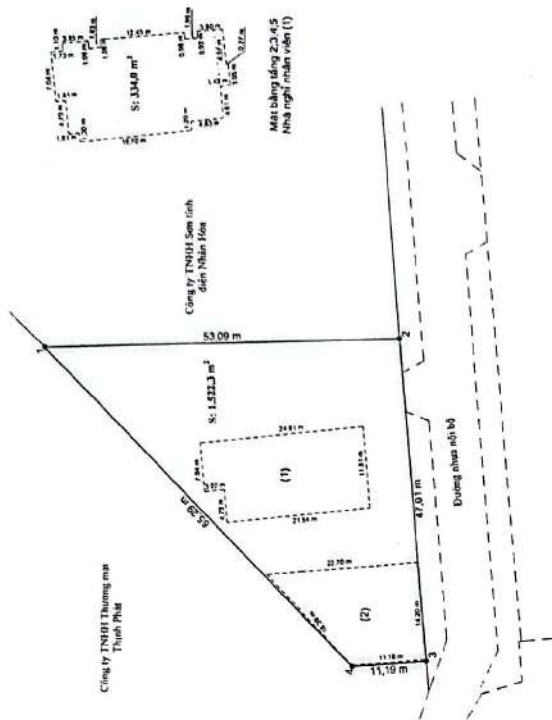
2. Công trình xây dựng:

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn (m ²)	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
Nhà nghỉ nhân viên (1)	275,8	1.611,8	Số hữu riêng	-/-	-/-
Nhà ăn + bếp (2)	240,5	240,5	Số hữu riêng	-/-	-/-

3. Ghi chú:

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Tỷ lệ: 1/750



BẢNG THÔNG KÊ TOA ĐỘ MỐC ĐO KHU ĐẤT

TÊN MỐC	X (m)	Y (m)	Khoảng cách (m)
1	3204401,925	995603,476	53,09
2	3204430,640	995603,476	47,01
3	3204430,640	995644,207	11,10
4	3204401,925	995644,207	62,20

IV. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận

Nội dung bổ sung, thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Hải Phòng, ngày 08 tháng 8 năm 2016

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

TU. CHỦ TỊCH

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Phạm Quốc Ka

Số vào sổ cấp GCN: 6705845

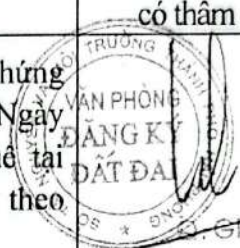
**TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT,
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT**

Số hiệu thửa đất:

Số tờ bản đồ: "00" .

Số phát hành GCN: CD 688842

Số vào sổ cấp GCN: 6705815

IV. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận	
Nội dung bổ sung, thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Chuyển nội dung đăng ký thế chấp từ Giấy chứng nhận số BB 538061 cấp ngày 31/12/2010 như sau: "Ngày 21/4/2011: Thế chấp tài sản gắn liền với đất thuộc tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Duyên Hải theo hồ sơ số 67./."	 TRƯỞNG VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI Đ. GIÁM ĐỐC <i>Phạm Văn Sơn</i>



Trang bổ sung số 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VIC

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn thành viên
trở lên, mã số doanh nghiệp 0200358184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố
Hải Phòng cấp, đăng ký lần đầu ngày 21/7/1999, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày
19/12/2014.

Địa chỉ trụ sở chính: Cụm Công nghiệp Vĩnh Niệm, phường Vĩnh Niệm,
quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

CD 688843

IV. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận

Nội dung bổ sung, thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

"Kèm theo Giấy chứng nhận này có 1 trang bổ sung số 01"

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ
sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận, khi bị tẩy hoặc hư
hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



311140716000084

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- Thửa đất số: , tờ bản đồ số: "00"
- Địa chỉ: Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.
- Diện tích: 1.531,4 m²
(Bằng chữ: Một nghìn, năm trăm ba mươi một phẩy bốn mét vuông).
- Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng.
- Mục đích sử dụng: Xây dựng cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi.
- Thời hạn sử dụng: Thời hạn sử dụng đất đến ngày 01/01/2051.
- Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

2. Công trình xây dựng:

HẠNG MỨC CÔNG TRÌNH	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m ²)	DIỆN TÍCH SẢN HOẶC CÔNG SUẤT	HÌNH THỨC SỞ HỮU	CẤP CÔNG TRÌNH	THỜI HẠN SỞ HỮU
Nhà xưởng (1)	900,6	900,6	Sở hữu riêng		-/-

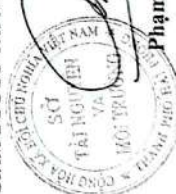
3. Ghi chú:

Hải Phòng, ngày 08 tháng 8 năm 2016

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

TUQ. CHỦ TỊCH

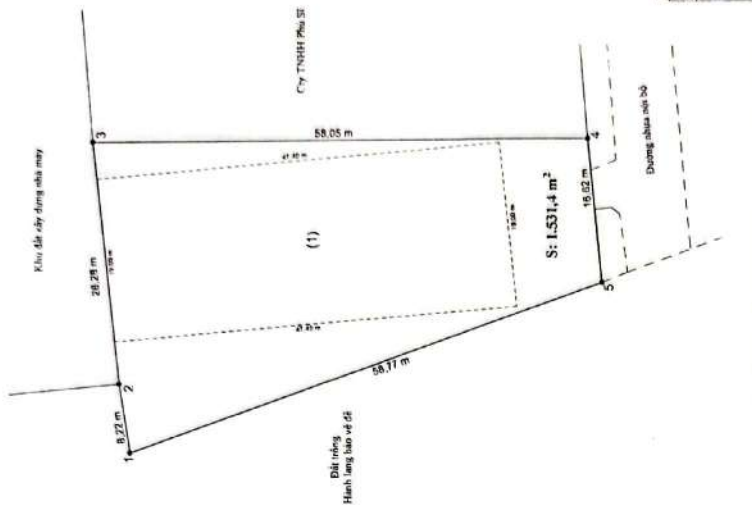
GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG


Phạm Quốc Ka

Số vào sổ cấp GCN: CT05816

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Tỷ lệ: 1 / 600



BẢNG THỐNG KÊ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

TÊN	TỔA ĐỘ	PHẠM VI	PHẠM VI
1	230434 700	56648 82	8 30
2	230431 500	56652 08	8 30
3	230434 700	56652 08	8 30
4	230434 700	56652 08	8 30
5	230434 700	56652 08	8 30
6	230434 700	56652 08	8 30
7	230434 700	56652 08	8 30
8	230434 700	56652 08	8 30
9	230434 700	56652 08	8 30
10	230434 700	56652 08	8 30

IV. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận

Nội dung bổ sung, thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

**TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT,
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT**

Số hiệu thửa đất:
Số phát hành GCN: CD.6888.43.

Số tờ bản đồ: "00"
Số vào sổ cấp GCN: 0105816

IV. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận	
Nội dung bổ sung, thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Chuyển nội dung đăng ký thế chấp từ Giấy chứng nhận số BB 538062 cấp ngày 31/12/2010 như sau: "Ngày 21/4/2011: Thế chấp tài sản gắn liền với đất thuê tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Duyên Hải theo hồ sơ số 68./."	 GIÁM ĐỐC <i>Phạm Văn Sơn</i>

Trang bổ sung số 1



GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VIC

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên
trở lên, mã số doanh nghiệp 0200358184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố
Hải Phòng cấp, đăng ký lần đầu ngày 21/7/1999, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày
19/12/2014.

Địa chỉ trụ sở chính: Cụm Công nghiệp Vĩnh Niệm, phường Vĩnh Niệm,
quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

CD 688841

IV. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận

Nội dung bổ sung, thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

"Kèm theo Giấy chứng nhận này có Trang bổ sung số 01"

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ
sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư
hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



311140716000168

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- Thửa đất số: , tờ bản đồ số: "00"
- Địa chỉ: Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.
- Diện tích: 9.419,43 m² (Bằng chữ: Chín nghìn, bốn trăm mười chín phẩy bốn mươi ba mét vuông).
- Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng.
- Mục đích sử dụng: Xây dựng nhà máy thức ăn gia súc.
- Thời hạn sử dụng: Thời hạn sử dụng đất đến ngày 01/8/2051.
- Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

2. Công trình xây dựng:

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn (m ²)	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
Nhà kho (1)	2.508,0	2.508,0	Số hữu riêng	-/-	-/-
Nhà văn phòng (2)	268,3	787,3	Số hữu riêng	-/-	-/-
Nhà xưởng (3)	1.274,0	1.274,0	Số hữu riêng	-/-	-/-
Nhà kho (4)	2.640,0	2.640,0	Số hữu riêng	-/-	-/-

3. Ghi chú:

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Tỷ lệ: 1 / 1200



BẢNG THỐNG KÊ TỌA ĐỘ MỐC GHI NHU CẦU

TÊN	TỌA ĐỘ X (m)	TỌA ĐỘ Y (m)	LOẠI MỐC
1	2504420,450	950503,889	137,04
2	2504420,450	950503,889	79,77
3	2504420,450	950503,889	79,77
4	2504420,450	950503,889	79,77
5	2504420,450	950503,889	79,77
6	2504420,450	950503,889	79,77
7	2504420,450	950503,889	79,77
8	2504420,450	950503,889	79,77
9	2504420,450	950503,889	79,77
10	2504420,450	950503,889	79,77



Hải Phòng, ngày 08 tháng 8 năm 2016
 TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
 T. CHỦ TỊCH

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Phạm Quốc Ka

Số vào sổ cấp GCN: C1058/4

IV. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận

Nội dung bổ sung, thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

**TRANG BỔ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT,
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT**

Số hiệu thửa đất:

Số tờ bản đồ: "00" .

Số phát hành GCN: CD 688841

Số vào sổ cấp GCN: CT05844

IV. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận	
Nội dung bổ sung, thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Chuyển nội dung đăng ký thế chấp từ Giấy chứng nhận số AB 091698 cấp ngày 11/8/2005 như sau: "Ngày 31/3/2009: Thế chấp tài sản gắn liền với đất thuộc tại Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Hải Phòng theo hợp đồng thế chấp tài sản số HAP.DN.04250309 TCTS ngày 25/3/2009 và đơn yêu cầu đăng ký thế chấp ngày 28/3/2009./."	 <i>Phạm Văn Sơn</i>

Trang bổ sung số 1

Mẫu số 03a

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u> Hải Phòng, ngày 13 tháng 12 năm 2024 PHIẾU YÊU CẦU XÓA ĐĂNG KÝ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM BẰNG QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT Kính gửi: Văn phòng đăng ký đất đai - Sở Tài nguyên & Môi trường – Thành phố Hải Phòng	PHÂN GHI CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ Vào Sổ tiếp nhận hồ sơ: Quyền số... 21... Số thửa t. 2778... Người tiếp nhận (Ký và ghi rõ họ, tên) Bùi Văn Nam
--	--

PHẦN KÊ KHAI CỦA NGƯỜI YÊU CẦU XÓA ĐĂNG KÝ
1. Người yêu cầu xóa đăng ký ☐ Bên nhận bảo đảm ☒ Bên bảo đảm ☐ Người nhận chuyển giao tài sản bảo đảm ☐ Quản tài viên/Doanh nghiệp ☐ Cơ quan thi hành án ☐ Cơ quan khác có thẩm quyền/ quản lý, thanh lý tài sản dân sự, Chấp hành viên Người khác có thẩm quyền ☐ Chi nhánh của pháp nhân, người đại diện Họ và tên đầy đủ đối với cá nhân/tên đầy đủ đối với tổ chức: (viết chữ IN HOA) CÔNG TY TNHH ĐỆM MÚT NGỌC SƠN GCN đăng ký kinh doanh số 0202002630 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 21/04/2005.
2. Căn cứ xóa đăng ký Căn cứ theo thông báo giải chấp ngày 13/12/2024 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lê Chân về việc giải chấp Toàn bộ hệ thống nhà làm việc, nhà xưởng và các vật kiến trúc được xây dựng trên diện tích 6.496,20m² đất thuê tại phường Quán Trữ, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng. Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số phát hành: AD 789675, số vào sổ

cấp GCNQSDĐ: T00248 do Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường – TUQ Chủ tịch UBND thành phố Hải Phòng cấp ngày 22/12/2006, cho người đứng tên sử dụng đất là Công ty TNHH Đệm mứt Ngọc Sơn.

3. Thuộc đối tượng không phải nộp phí đăng ký ☐

4. Giấy tờ kèm theo:

- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số phát hành: AD 789675, sổ vào sổ cấp GCNQSDĐ: T00248 do Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường – TUQ Chủ tịch UBND thành phố Hải Phòng cấp ngày 22/12/2006, cho người đứng tên sử dụng đất là Công ty TNHH Đệm mứt Ngọc Sơn.
- Thông báo giải chấp ngày 1.5.2024 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lê Chân.

5. Cách thức nhận kết quả đăng ký

- ☐ Nhận trực tiếp tại cơ quan đăng ký
- ☐ Nhận qua dịch vụ bưu chính (ghi rõ tên và địa chỉ người nhận):
- ☐ Cách thức điện tử (nếu pháp luật quy định):
- ☐ Cách thức khác (nếu được cơ quan đăng ký đồng ý):

Người yêu cầu đăng ký chịu trách nhiệm trước pháp luật về trung thực trong kê khai và về tính chính xác của thông tin được kê khai trong Phiếu yêu cầu này.

**BÊN BẢO ĐẢM
(HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN)**

Ký, ghi rõ họ và tên, chức danh (nếu có), đóng dấu
(nếu có)

**BÊN NHẬN BẢO ĐẢM
(HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN)**

Ký, ghi rõ họ và tên, chức danh (nếu có),
đóng dấu (nếu có)



PHÓ GIÁM ĐỐC
Lê Anh Quân

TRƯỚC
PH
ANG
DATE
2024

111248-6
AN HANG
CÓ PHẢI
VIỆT NAM
HÀNH
CHÂN
TP. HẢI PHÒNG

PHÂN CHỨNG NHẬN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ

Cơ quan đăng ký có thẩm quyền: Liên phòng Đăng ký Đất đai
Chúng nhận đã xóa đăng ký biện pháp bảo đảm theo nội dung được kê khai tại Phiếu yêu cầu này
tại thời điểm: 08 giờ 30 phút, ngày 20 tháng 12 năm 2024

Hai Phó T.Đ., ngày 20 tháng 12 năm 2024

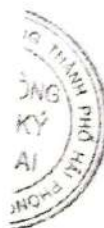
NGƯỜI CÓ THẨM QUYỀN

CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ

(Ký, ghi rõ họ và tên, chức danh, đóng dấu)



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Chi Khanh



Số 1154 /QĐ-UB

Hải Phòng, ngày 07 tháng 06 năm 2005

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê chuẩn Báo cáo đánh giá tác động môi trường của
Nhà máy thực phẩm gia súc Con Heo vàng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân
- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 27/12/1993;
- Căn cứ Nghị định số 175/CP ngày 18/10/1994 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 143/2004/NĐ - CP ngày 12/07/2004 về sửa đổi, bổ sung điều 14 Nghị định 175/CP;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường ngày 05/05/2005 của Nhà máy thực phẩm gia súc Con Heo vàng;
- Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 105/TT-STN&MT ngày 06/05/2005 về việc phê chuẩn báo cáo ĐTM của Nhà máy thực phẩm gia súc Con Heo vàng.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Phê chuẩn nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Nhà máy thực phẩm gia súc Con Heo vàng - Công ty Trách nhiệm hữu hạn thương mại VIC tại cụm công nghiệp Vĩnh Niệm đã được Hội đồng thẩm định thông qua ngày 06/05/2005 và những nội dung đã được bổ sung theo yêu cầu.

Điều 2: Chủ cơ sở có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã được nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường và những yêu cầu bắt buộc sau đây:

1. Thực hiện các giải pháp về vệ sinh môi trường đã được duyệt trong báo cáo ĐTM trong quá trình thực hiện dự án, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng xấu đến hệ sinh thái, các công trình khác xung quanh.

2. Xây dựng, vận hành và bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải, khí thải cho hoạt động của toàn bộ Nhà máy Chế biến rác thành phân vi sinh theo đúng quy trình kỹ thuật, đảm bảo đạt tiêu chuẩn cho phép về môi trường trước khi thải ra ngoài. Chỉ được phép cho nhà máy đi vào hoạt động khi các công trình xử lý ô nhiễm đạt TCVN về môi trường.

3. Thực hiện các phương án xử lý nước thải, thu gom chất thải rắn, chất thải sinh hoạt đảm bảo đạt TCVN về môi trường trước khi thải ra ngoài, tăng cường mật độ cây xanh tạo cảnh quan đẹp cho môi trường.

4. Trước khi đi vào hoạt động và định kỳ 12 tháng/lần phải đo đạc các thông số môi trường theo kế hoạch quan trắc đã cam kết, đánh giá chất lượng môi trường khu vực và xung quanh trên cơ sở các tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành về môi trường và báo cáo bằng văn bản gửi cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường Hải Phòng để theo dõi, quản lý.

5. Khi có thay đổi về công suất neo đậu, quy mô hoạt động, điều chỉnh quy hoạch các công trình...phải có báo cáo ĐTM bổ sung gửi cơ quan có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt trước khi xây dựng.

Điều 3: Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án và những yêu cầu bắt buộc trên là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra việc thực hiện Luật Bảo vệ môi trường của Nhà máy thực phẩm gia súc Con Heo vàng.

Điều 4: Sau khi hoàn thành các hạng mục công trình về bảo vệ môi trường của nhà máy, Công ty TNHH thương mại VIC phải báo cáo bằng văn bản gửi cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường để kiểm tra, theo dõi.

Điều 5: Giao Sở Tài nguyên và Môi trường theo dõi, giám sát việc thực hiện bảo vệ môi trường của Công ty TNHH thương mại VIC đối với Nhà máy thực phẩm gia súc Con Heo vàng.

Điều 6: Các ông (bà) Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, lãnh đạo các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Công nghiệp, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lãnh đạo Công ty TNHH thương mại VIC, thủ trưởng các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

T/M. ỦY BAN NHÂN DÂN TP. HẢI PHÒNG

K/T. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Thành

Nơi nhận:

- CT, PCT Nguyễn Văn Thành.
- Các: Sở TN&MT, NN, KH-CN.
- BQL cụm công nghiệp Vĩnh Niệm.
- CVP.
- CV: TS-MT, ĐC, KHCN.
- Lưu VP.

CHỨNG NHẬN
SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

12-06-2007

SỐ: 255 QUYẾT

PHÒNG QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG SỐ 2 TP. HẢI PHÒNG



CÔNG CHỨNG VIÊN
LÊ THỊ TUYẾT MÂY

ĐẠI LƯU
LÊ PHÍ CÔNG CHỨNG



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KỸ THUẬT, THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA

Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P. Dương Nội, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
Web: www.nguyengiaentech.com Email: labnguyengia.vimcerts251@gmail.com
Hotline: 0338572255

VIMCERTS_251

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Testing Results

Số/No.: 03061/2024/PKQ (HPX/24.1150)

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG – Client Information

Khách hàng - Client	: CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG XANH
Địa chỉ - Address	: số 330 Lô 22 Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng
Địa điểm lấy mẫu - Sampling site:	Công ty TNHH Thương mại VIC - Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.
Loại mẫu - Type of Sample:	Nước thải NT2: Mẫu nước thải tại khu nhà ăn
Ngày quan trắc – Monitoring date:	11/07/2024
Ngày nhận mẫu - Sample receiving date:	12/07/2024

II. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM - Testing results

Ngày trả kết quả - Results date: 22/07/2024

STT No	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing methods	Đơn vị Unit	Giới hạn phát hiện MDL	Kết quả Testing result	QCVN 40:2011/ BTNMT Standard
					NT2	
1	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	-	7,61	5,5 - 9
2	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) ^(*)	NG.QT.N.01 ^(a)	mg/L	-	165	-
3	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅) (20°C)	TCVN 6001-1:2008	mg/L	1	4,4	50
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	mg/L	5	<15 ^(**)	100
5	Sunfua	TCVN 6637:2000	mg/L	0,02	0,07	0,5
6	Amoni (tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	0,01	6,5	10
7	Dầu mỡ động, thực vật	SMEWW 5520B&F:2017	mg/L	0,3	<0,9 ^(**)	-
8	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	SMEWW 4500 NO3-E:2017	mg/L	0,03	0,44	-
9	Phosphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P)	TCVN 6202:2008	mg/L	0,01	0,14	-
10	Coliform	SMEWW 9222B:2017	Vi khuẩn/ 100mL	1	2.400	5.000
11	Tổng các chất hoạt động bề mặt	TCVN 6622-1:2009	mg/L	0,02	0,17	-



**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KỸ THUẬT, THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA**

Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P. Dương Nội, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
Web: www.nguyengiaentech.com Email: labnguyengia.vimcerts251@gmail.com
Hotline: 0338572255

VIMCERTS_251

Ghi chú – Remark:

- NT2: NG.WW.120724.05298;
- (*): Thông số đo nhanh tại hiện trường;
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp - Cột B;
- (a): Phương pháp nội bộ;
- (**): Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn định lượng LOQ của phương pháp;
- (-): Không quy định;
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PQT & PTMT lấy về;
- Quá thời hạn lưu mẫu 5 ngày kể từ ngày trả kết quả, PQT & PPT không giải quyết việc khiếu nại.

Hà Nội, ngày 22 tháng 07 năm 2024

Quản lý chất lượng
QA/QC

Trưởng phòng thí nghiệm
Supervised by

Giám đốc
Director

Nguyễn Thị Nữ

Vũ Thị Thanh Nga



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Hưng





CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KỸ THUẬT, THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA

Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P. Dương Nội, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
Web: www.nguyengiaentech.com Email: labnguyengia.vimcerts251@gmail.com
Hotline: 0338572255

VIMCERTS_251

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Testing Results

Số/No.: 02979/2024/PKQ (HPX/24.1133)

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG – Client Information

Khách hàng - Client	: CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG XANH
Địa chỉ - Address	: số 330 Lô 22 Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng
Địa điểm lấy mẫu - Sampling site:	Công ty TNHH Thương mại VIC - Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.
Loại mẫu - Type of Sample:	Nước thải NT1: Mẫu nước thải tại cống thải cuối
Ngày quan trắc – Monitoring date:	10/07/2024
Ngày nhận mẫu - Sample receiving date:	11/07/2024

II. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM - Testing results

Ngày trả kết quả - Results date: 19/07/2024

STT No	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing methods	Đơn vị Unit	Giới hạn phát hiện MDL	Kết quả Testing result	QCVN 40:2011/ BTNMT Standard
					NT1	
1	pH ^(*)	TCVN 6492:2011	-	-	7,05	5,5 - 9
2	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) ^(*)	NG.QT.N.01 ^(a)	mg/L	-	156	-
3	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅) (20°C)	TCVN 6001-1:2008	mg/L	1	6,0	50
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	mg/L	5	<15 ^(**)	100
5	Sunfua	TCVN 6637:2000	mg/L	0,02	0,09	0,5
6	Amoni (tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	0,01	1,91	10
7	Dầu mỡ động, thực vật	SMEWW 5520B&F:2017	mg/L	0,3	<0,9 ^(**)	-
8	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	SMEWW 4500 NO3-E:2017	mg/L	0,03	0,85	-
9	Phosphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P)	TCVN 6202:2008	mg/L	0,01	0,11	-
10	Coliform	SMEWW 9222B:2017	Vi khuẩn/ 100mL	1	2.800	5.000
11	Tổng các chất hoạt động bề mặt	TCVN 6622-1:2009	mg/L	0,02	<0,06 ^(**)	-



**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KỸ THUẬT, THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA**

Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P. Dương Nội, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
Web: www.nguyengiaentech.com Email: labnguyengia.vimcerts251@gmail.com
Hotline: 0338572255

VIMCERTS_251

Ghi chú – Remark:

- NT1: NG.WW.110724.05293;
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp - Cột B;
- (a): Phương pháp nội bộ;
- (*): Thông số đo nhanh tại hiện trường;
- (**): Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn định lượng LOQ của phương pháp;
- (-): Không quy định;
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PQT & PTMT lấy về;
- Quá thời hạn lưu mẫu 5 ngày kể từ ngày trả kết quả, PQT & PPT không giải quyết việc khiếu nại.

Hà Nội, ngày 19 tháng 07 năm 2024

Quản lý chất lượng
QA/QC

Nguyễn Thị Nữ

Trưởng phòng thí nghiệm
Supervised by

Vũ Thị Thanh Nào



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Hưng





NGUYEN GIA

BC/SYT_275

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KỸ THUẬT, THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA**

Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P. Dương Nội, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
Web: www.nguyengiaentech.com Email: labnguyengia.vimcerts251@gmail.com
Hotline: 0338572255

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Testing Results

Số/No.: 02296/2024/PKQ (HPX/24.785)

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG – Client Information

Khách hàng - Client	: CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG XANH
Địa chỉ - Address	: số 330 Lô 22 Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng
Địa điểm lấy mẫu- Sampling site:	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIC Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.
Loại mẫu - Type of Sample:	Khí làm việc K1: Mẫu không khí khu vực văn phòng
Ngày quan trắc – Monitoring date:	10/06/2024
Ngày nhận mẫu - Sample receiving date:	11/06/2024

II. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM - Testing results

Ngày thí nghiệm - Testing date: 11/06/2024

Ngày trả kết quả - Results date: 24/06/2024

STT No.	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing methods	Đơn vị Unit	Kết quả Testing result	QCVN 03:2019/ BYT Standard
				K1	
1	Nhiệt độ(*)	Thông tư 26/2016/TT-BYT	°C	35,2	18-32 ⁽¹⁾
2	Độ ẩm(*)	Thông tư 26/2016/TT-BYT	%RH	69,5	40-80 ⁽¹⁾
3	Tốc độ gió(*)	Thông tư 26/2016/TT-BYT	m/s	0,4	0,2-1,5 ⁽¹⁾
4	Tiếng ồn(*)	Thông tư 24/2016/TT-BYT	dBA	49	85 ⁽²⁾
5	CO	NG.PT.KK.01 ^(a)	mg/m ³	3,4	20
6	NO ₂	TCVN 6137:2009	mg/m ³	0,026	5
7	SO ₂	TCVN 5971: 1995	mg/m ³	0,048	5
8	Bụi toàn phần(*)	NG.QT.KLV.01 ^(a)	mg/m ³	0,03303	8 ⁽³⁾

Ghi chú – Remark:

- K1: NG.WA.110624.23;
- (*): Thông số đo nhanh tại hiện trường;
- (a): Phương pháp nội bộ;
- QCVN 03:2019 /BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học; - Giới hạn tiếp xúc ca làm việc (TWA); hóa học tại nơi làm việc;
- (1): QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; - Loại lao động trung bình;
- (2): QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;
- (3): QCVN 02:2019 /BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn cho phép bụi tại nơi làm việc; -Bảng 3. Giá trị giới hạn tiếp xúc tối đa cho phép bụi không chứa silic tại nơi làm việc; Bụi hữu cơ và vô cơ không có quy định khác; - Giới hạn tiếp xúc ca làm việc (TWA);
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PQT & PTMT lấy về;
- Quá thời hạn lưu mẫu 5 ngày kể từ ngày trả kết quả, PQT&PPT không giải quyết việc khiếu nại.

Hà Nội, ngày 24 tháng 06 năm 2024

Quản lý chất lượng *[Signature]*
QA/QC

Trưởng phòng thí nghiệm
Supervised by

[Signature]

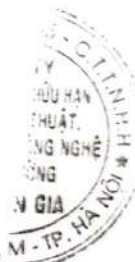
[Signature]

Phạm Thị Vi

Vũ Thị Thanh Nga



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Hưng





NGUYEN GIA

BC/SYT_275

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KỸ THUẬT, THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA**

Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P. Dương Nội, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
Web: www.nguyengiaentech.com Email: labnguyengia.vimcerts251@gmail.com
Hotline: 0338572255

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Testing Results

Số/No.: 02298/2024/PKQ (HPX/24.785)

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG – Client Information

Khách hàng - Client	: CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG XANH
Địa chỉ - Address	: số 330 Lô 22 Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng
Địa điểm lấy mẫu - Sampling site:	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIC Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.
Loại mẫu - Type of Sample:	Khí làm việc K2: Mẫu không khí khu vực sản xuất
Ngày quan trắc – Monitoring date:	10/06/2024
Ngày nhận mẫu - Sample receiving date:	11/06/2024

II. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM - Testing results

Ngày thí nghiệm - Testing date: 11/06/2024

Ngày trả kết quả - Results date: 24/06/2024

STT Số	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing methods	Đơn vị Units	Kết quả Testing result	QCVN 03-2019 BYT Standard
				K2	
1	Nhiệt độ(*)	Thông tư 26/2016/TT-BYT	°C	34,3	18-32 ⁽¹⁾
2	Độ ẩm(*)	Thông tư 26/2016/TT-BYT	%RH	73,9	40-80 ⁽¹⁾
3	Tốc độ gió(*)	Thông tư 26/2016/TT-BYT	m/s	0,5	0,2-1,5 ⁽¹⁾
4	Tiếng ồn(*)	Thông tư 24/2016/TT-BYT	dBA	56,6	85 ⁽²⁾
5	CO	NG.PT.KK.01 ^(a)	mg/m ³	3,03	20
6	NO ₂	TCVN 6137:2009	mg/m ³	0,027	5
7	SO ₂	TCVN 5971: 1995	mg/m ³	0,047	5
8	Bụi toàn phần(*)	NG.QT.KLV.01 ^(a)	mg/m ³	0,1988	8 ⁽³⁾



Ghi chú – Remark:

- K2: NG.WA.110624.24;
- (*): Thông số đo nhanh tại hiện trường;
- (a): Phương pháp nội bộ;
- QCVN 03:2019 /BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học; - Giới hạn tiếp xúc ca làm việc (TWA); hóa học tại nơi làm việc;
- (1): QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; - Loại lao động trung bình;
- (2): QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;
- (3): QCVN 02:2019 /BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn cho phép bụi tại nơi làm việc; -Bảng 3. Giá trị giới hạn tiếp xúc tối đa cho phép bụi không chứa silic tại nơi làm việc; Bụi hữu cơ và vô cơ không có quy định khác; - Giới hạn tiếp xúc ca làm việc (TWA);
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PQT & PTMT lấy về;
- Quá thời hạn lưu mẫu 5 ngày kể từ ngày trả kết quả, PQT & PPT không giải quyết việc khiếu nại.

Hà Nội, ngày 24 tháng 06 năm 2024

Quản lý chất lượng
QA/QC

Trưởng phòng thí nghiệm
Supervised by

Giám đốc
Director

Phạm Thị Vi

Vũ Thị Thanh Nga

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Hùng

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Testing Results

Số/No.: 02294/2024/PKQ (HPX/24.785)

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG – Client Information

Khách hàng - Client	: CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ MÔI TRƯỜNG HẢI PHÒNG XANH
Địa chỉ - Address	: số 330 Lô 22 Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng
Địa điểm lấy mẫu- Sampling site:	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIC Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.
Loại mẫu - Type of Sample:	Không khí xung quanh K3: Mẫu không khí khu vực cuối hướng gió giáp dân cư
Ngày quan trắc – Monitoring date:	10/06/2024
Ngày nhận mẫu - Sample receiving date:	11/06/2024

II. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM - Testing results

Ngày thí nghiệm - Testing date: 11/06/2024

Ngày trả kết quả - Results date: 24/06/2024

STT Ng	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing methods	Đơn vị Unit	Giới hạn phát hiện MDE	Kết quả Testing result	QCVN 05:2023/BTNMT (TB-1h) Standard
1	Tiếng ồn(*)	TCVN 7878-2:2010	dBA	-	61,5	70 ⁽¹⁾
2	Nhiệt độ(*)	QCVN 46:2012/BTNMT	°C	-	34,5	-
3	Độ ẩm(*)	QCVN 46:2012/BTNMT	%	-	69,9	-
4	Tốc độ gió(*)	QCVN 46:2012/BTNMT	m/s	-	1,1	-
5	SO ₂	TCVN 5971: 1995	µg/Nm ³	10	50,6	350
6	CO	NG.PT.KK.01 ^(a)	µg/Nm ³	1.500	<4500**	30.000
7	NO ₂	TCVN 6137:2009	µg/Nm ³	8	30,5	200
8	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	TCVN 5067:1995	µg/Nm ³	5	28,1	300

Ghi chú – Remark:

- K3: NG.AA.110624.13;
- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí;
- (1): QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- (a): Phương pháp nội bộ;



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KỸ THUẬT, THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA

Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P. Dương Nội, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
Web: www.nguyengiaentech.com Email: labnguyengia.vimcerts251@gmail.com

Hotline: 0338572255

VIMCERTS_251

- (-): Không quy định;
- (*): Thông số đo nhanh ngoài hiện trường;
- (**): Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn định lượng LOQ của phương pháp;
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PQT & PTMT lấy về;
- Quá thời hạn lưu mẫu 5 ngày kể từ ngày trả kết quả, PQT & PPT không giải quyết việc khiếu nại.

Quản lý chất lượng QA/QC

Phạm Thị Vi

Trưởng phòng thí nghiệm
Supervised by

Vũ Thị Thanh Nga



Hà Nội ngày 24 tháng 06 năm 2024

Giám đốc
Director

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Hưng



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: NT.1585/31.07.2025_KQ

1. Tên khách hàng : Công ty TNHH Thương mại VIC
2. Địa chỉ : Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm, phường An Biên, thành phố Hải Phòng
3. Địa điểm quan trắc : Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm, phường An Biên, thành phố Hải Phòng
4. Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 02
5. Ngày lấy mẫu : 10/07/2025
6. Thời gian phân tích : 10/07/2025 đến ngày 31/07/2025

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích		QCVN 14:2008/ BTNMT (cột B)
				NT1	NT2	
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,0	7,2	5 - 9
2.	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	24	47	100
3.	TDS	mg/L	QT-HT.38	538	897	1.000
4.	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2008	26	38	50
5.	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	3,75	4,85	10
6.	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ B&D:2017	0,13	0,12	4
7.	Nitrat (NO ₃ ⁻ -N)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017	2,73	2,95	50
8.	Phosphat (PO ₄ ³⁻ -P)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,94	3,03	10
9.	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	SMEWW 5520B&F:2017	1,4	1,4	20
10.	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	0,42	0,39	10
11.	Coliform	MPN/ 100mL	SMEWW 9221B:2017	2.100	3.300	5.000

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ NT1: Nước thải sau toà nhà văn phòng. Tọa độ: X(m) = 2304405; Y(m) = 595726.

+ NT2: Nước thải tại cống thải cuối. Tọa độ: X(m) = 2304422; Y(m) = 595696.

- Quy chuẩn so sánh:

QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

Hải Phòng, ngày 31 tháng 07 năm 2025

GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC

Khổng Minh Thanh

- "": Không quy định

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

- Quá thời gian lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại về kết quả thử nghiệm

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: KK.1582/31.07.2025_KQ

- Tên khách hàng : Công ty TNHH Thương mại VIC
- Địa chỉ : Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm, phường An Biên, thành phố Hải Phòng
- Địa điểm quan trắc : Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm, phường An Biên, thành phố Hải Phòng
- Loại mẫu : Không khí làm việc Số lượng: 03
- Ngày lấy mẫu : 10/07/2025
- Thời gian phân tích : 10/07/2025 đến ngày 31/07/2025

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích			QCVN 03:2019/ BYT
				KK1	KK2	KK3	
1.	Nhiệt độ	°C	TCVN 5508:2009	29	30	28	18-32 ⁽³⁾
2.	Độ ẩm	%		81	79	70	40-80 ⁽³⁾
3.	Tốc độ gió	m/s		0,4	0,2	0,3	0,2-1,5 ⁽³⁾
4.	Tiếng ồn	dBA	TCVN 9799:2013	65	80	66	85 ⁽²⁾
5.	Bụi toàn phần	mg/m ³	QCVN 02:2019/ BYT (PL3)	0,13	0,84	0,03	8 ⁽¹⁾
6.	CO	mg/m ³	QCVN 03:2019/ BYT (PL50)	3,270	3,436	2,290	20
7.	SO ₂	mg/m ³		<0,262	<0,262	<0,262	5
8.	NO ₂	mg/m ³		<0,188	<0,188	<0,188	5

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

- + KK1: Mẫu khí khu vực kho thành phẩm. Tọa độ: X(m)= 2304401; Y(m)= 595682
- + KK2: Mẫu khí khu vực xưởng sản xuất. Tọa độ: X(m)= 2304373; Y(m)= 595688
- + KK3: Mẫu khí khu vực văn phòng. Tọa độ: X(m)= 2304416; Y(m)= 595727

- Quy chuẩn so sánh:

- + QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc (Giới hạn tiếp xúc ca làm việc);
- + ⁽¹⁾QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc (Giới hạn tiếp xúc ca làm việc);
- + ⁽²⁾QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;
- + ⁽³⁾QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

Hải Phòng, ngày 31 tháng 07 năm 2025



Không Minh Thanh
GIÁM ĐỐC

- "": Không quy định

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

- Quá thời gian lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại về kết quả thử nghiệm

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: KT.1584/31.07.2025_KQ

1. Tên khách hàng : Công ty TNHH Thương mại VIC
2. Địa chỉ : Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm, phường An Biên, thành phố Hải Phòng
3. Địa điểm quan trắc : Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm, phường An Biên, thành phố Hải Phòng
4. Loại mẫu : Khí thải Số lượng mẫu: 01
5. Ngày lấy mẫu : 10/07/2025
6. Thời gian phân tích : 10/07/2025 đến ngày 31/07/2025

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích (KT)	QCVN 19:2009/ BTNMT
1.	CO	mg/Nm ³	QT.HT.45	26,6	1.000
2.	NO _x (Tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	QT.HT.45	46,37	850
3.	SO ₂	mg/Nm ³	QT.HT.45	2,62	500
4.	CO ₂	%	QT.HT.45	2,18	-

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

KT: Khí thải tại nôi hơi. Tọa độ: X(m)= 2304416; Y(m)= 595667.

- Quy chuẩn so sánh:

QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Hải Phòng, ngày 31 tháng 07 năm 2025



GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC

Khổng Minh Thanh

- "-": Không quy định

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

- Quá thời gian lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại về kết quả thử nghiệm

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: KK.1583/31.07.2025_KQ

- Tên khách hàng : Công ty TNHH Thương mại VIC
- Địa chỉ : Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm, phường An Biên, thành phố Hải Phòng
- Địa điểm quan trắc : Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm, phường An Biên, thành phố Hải Phòng
- Loại mẫu : Không khí xung quanh Số lượng mẫu: 01
- Ngày lấy mẫu : 10/07/2025
- Thời gian phân tích : 10/07/2025 đến ngày 31/07/2025

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích (KK4)	QCVN 05:2023/ BTNMT
1.	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	28	-
2.	Độ ẩm	%	QCVN 46:2012/BTNMT	84	-
3.	Tốc độ gió	m/s	QCVN 46:2012/BTNMT	1,3	-
4.	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	60	70 ⁽¹⁾
5.	Bụi lơ lửng	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	117	300
6.	CO	µg/Nm ³	QT-PT.33	<4.100	30.000
7.	SO ₂	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	92	350
8.	NO ₂	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	75	200

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

KK4: Mẫu khí khu vực cổng công ty. Tọa độ: X(m)=2304430; Y(m)=595709.

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí (trung bình 1 giờ);

+ ⁽¹⁾ QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (từ 6h đến 21h).

Hải Phòng, ngày 31 tháng 07 năm 2025

GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC
Hong Minh Thanh

- "-": Không quy định

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm

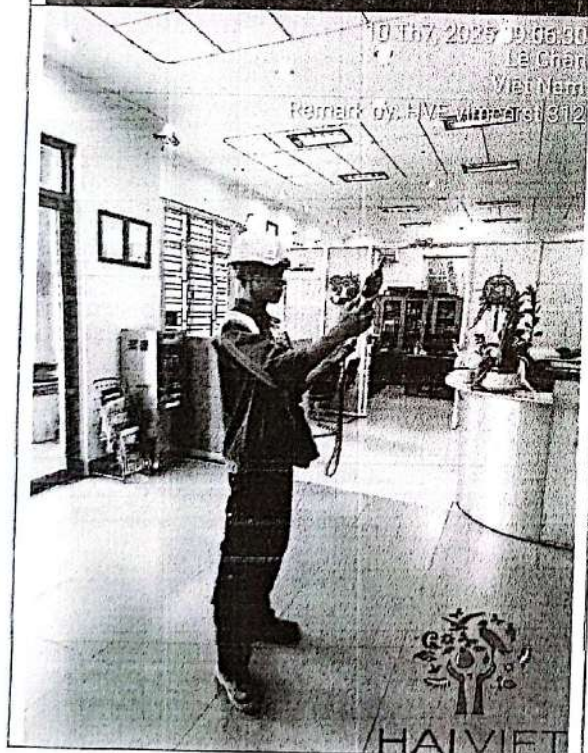
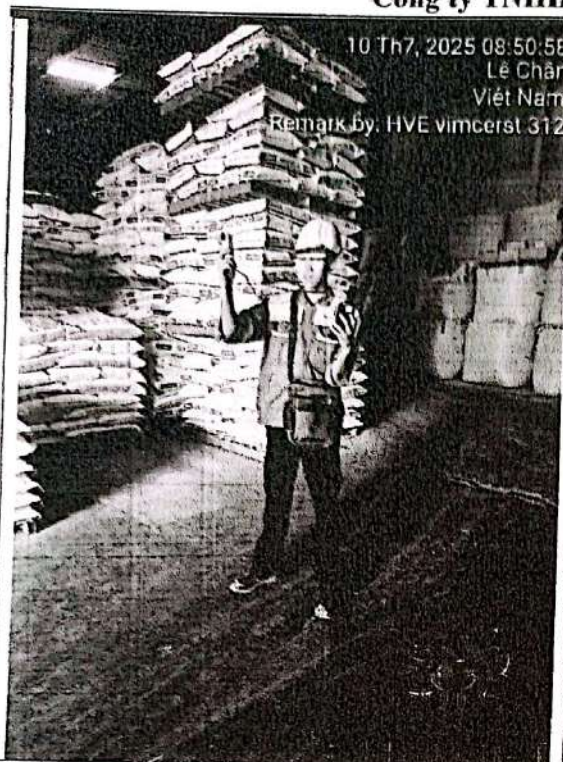
- Quá thời gian lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại về kết quả thử nghiệm

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

Ngày: 01/11/2025

Trang: 1/1

BÁO CÁO KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG
Công ty TNHH Thương mại VIC



MỘT SỐ HÌNH ẢNH QUAN TRẮC



Đơn vị tư vấn: Công ty Cổ phần Công nghệ môi trường Hải Việt
Địa chỉ: Nhà số 02 lô L7B, khu đô thị PG An Đồng, An Hải, HP
Điện thoại: 02253.737.499 Fax: 02253.825.279

Số: 139/2025/HV

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC HẢI PHÒNG****Mã số thuế (Tax Code): 0200340211****Địa chỉ (Address):** Số 9 Trần Hưng Đạo, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam**Điện thoại (Phone Number):** 19006769**Thông tin thanh toán (Payment Information):** Chi nhánh Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng - Điện lực Lê Chân - Số TK: 0921000399009 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hải Phòng**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)****Bản thể hiện của hóa đơn điện tử***(Electronic invoice display)***Ngày (Date)** 16 tháng (month) 04 năm (year) 2025**Ký hiệu (Serial): 1K25TCP****Số (No): 244703****Họ tên người mua hàng (Buyer name):****Tên đơn vị (Company name):** C Ty TNHH Thương mại VIC**Mã số thuế (Tax code):** 0200358184**Địa chỉ (Address):** Cụm CN Vĩnh Niệm - Lê Chân - HP**Mã khách hàng (Customer's Code):** PH02959118111**Số tài khoản (Account No):****Hình thức thanh toán (Payment method):** TM/CK**Đồng tiền thanh toán (Payment currency):** VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 4 năm 2025 từ ngày 01/04/2025 đến ngày 15/04/2025 (kèm theo hàng kê số 1592699548 ngày 16 tháng 04 năm 2025)	kWh	39.498	-	90.419.023
Cộng tiền hàng (Total amount):					90.419.023
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			7.233.522
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			97.652.545
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Chín mươi bảy triệu sáu trăm năm mươi hai nghìn năm trăm bốn mươi lăm đồng.					

Người mua hàng (Buyer)**Người bán hàng (Seller)**

Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC HẢI PHÒNG
Ngày ký: 16/04/2025 (04/04/25)

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC HẢI PHÒNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0200340211

Địa chỉ (Address): Số 9 Trần Hưng Đạo, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Chi nhánh Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng - Điện lực Lê Chân - Số TK: 0921000399009 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hải Phòng

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 05 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TCP

Số (No): 326332

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): C Ty TNHH Thương mại VIC

Mã số thuế (Tax code): 0200358184

Địa chỉ (Address): Cụm CN Vĩnh Niệm - Lê Chân - HP

Mã khách hàng (Customer's Code): PH0295911811

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 4 năm 2025 từ ngày 16/04/2025 đến ngày 30/04/2025	kWh	48.878	-	113.041.408
	(kèm theo bảng kê số 1599202799 ngày 02 tháng 05 năm 2025)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					113.041.408
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			9.043.313
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			122.084.721
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm hai mươi hai triệu không trăm tám mươi bốn nghìn bảy trăm hai mươi một đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH
VIÊN ĐIỆN LỰC HẢI PHÒNG
Ngày ký: 02/05/2025 15:00:07

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC HẢI PHÒNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0200340211

Địa chỉ (Address): Số 9 Trần Hưng Đạo, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Chi nhánh Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng - Điện lực Lê Chân - Số TK: 0921000399009 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hải Phòng

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 16 tháng (month) 05 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TCP

Số (No): 326440

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): C Ty TNHH Thương mại VIC

Mã số thuế (Tax code): 0200358184

Địa chỉ (Address): Cụm CN Vĩnh Niệm - Lê Chân - HP

Mã khách hàng (Customer's Code): PH02959118111

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 5 năm 2025 từ ngày 01/05/2025 đến ngày 15/05/2025	kWh	48.303	-	112.081.785
	(kèm theo bảng kê số 1605530698 ngày 16 tháng 05 năm 2025)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					112.081.785
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			8.966.543
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			121.048.328
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm hai mươi một triệu không trăm bốn mươi tám nghìn ba trăm hai mươi tám đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC HẢI PHÒNG
Ngày ký: 16/05/2025 17:02:13

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC HẢI PHÒNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0200340211

Địa chỉ (Address): Số 9 Trần Hưng Đạo, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Chi nhánh Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng - Điện lực Lê

Chân - Số TK: 0921000399009 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hải Phòng

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 03 tháng (month) 06 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TCP

Số (No): 408056

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): C Ty TNHH Thương mại VIC

Mã số thuế (Tax code): 0200358184

Số định danh (ID No):

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): Cụm CN Vĩnh Niệm - Lê Chân - HP

Mã khách hàng (Customer's Code): PH02959118111

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 5 năm 2025 từ ngày 16/05/2025 đến ngày 31/05/2025 (kèm theo bảng kê số 1618952947 ngày 03 tháng 06 năm 2025)	kWh	51.647	-	122.835.028
Cộng tiền hàng (Total amount):					122.835.028
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 9.826.802
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 132.661.830
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm ba mươi hai triệu sáu trăm sáu mươi một nghìn tám trăm ba mươi đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH
VIÊN ĐIỆN LỰC HẢI PHÒNG
Ngày ký: 03/06/2025 17:20:04

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC HẢI PHÒNG**

Mã số thuế (Tax Code): 0200340211

Địa chỉ (Address): Số 9 Trần Hưng Đạo, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19006769

Thông tin thanh toán (Payment Information): Chi nhánh Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng - Điện lực Lê

Chân - Số TK: 0921000399009 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hải Phòng

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 16 tháng (month) 06 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TCP

Số (No): 408229

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): C Ty TNHH Thương mại VIC

Mã số thuế (Tax code): 0200358184

Số định danh (ID No):

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):

Số hộ chiếu (Passport No):

Địa chỉ (Address): Cụm CN Vĩnh Niệm - Lê Chân - HP

Mã khách hàng (Customer's Code): PH02959118111

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 6 năm 2025 từ ngày 01/06/2025 đến ngày 15/06/2025	kWh	51.382	-	122.045.310
	(kèm theo bảng kê số 1619236340 ngày 16 tháng 06 năm 2025)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					122.045.310
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%		Tiền thuế GTGT (VAT amount):			9.763.625
Tỷ giá (Exchanged rate):		Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):			131.808.935
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm ba mươi một triệu tám trăm linh tám nghìn chín trăm ba mươi lăm đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

✓ Được ký bởi: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH
VIÊN ĐIỆN LỰC HẢI PHÒNG
Ngày ký: 17/06/2025 10:31:17



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐIỆN LỰC HẢI PHÒNG

Mã số thuế (Tax Code): 0200340211
Địa chỉ (Address): Số 9 Trần Hưng Đạo, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Điện thoại (Phone Number): 19006769
Thông tin thanh toán (Payment Information): Chi nhánh Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng - Điện lực Lê Chân - Số TK: 0921000399009 - Tại NH: Ngân hàng TMCP An Bình - CN Hải Phòng



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)
Ngày (Date) 30 tháng (month) 06 năm (year) 2025

Ký hiệu (Serial): 1K25TCP
Số (No): 489890

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): C Ty TNHH Thương mại VIC

Mã số thuế (Tax code): 0200358184

Mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (State budget related unit code):

Địa chỉ (Address): Cụm CN Vĩnh Niệm - Lê Chân -HP

Mã khách hàng (Customer's Code): PH02959118111

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Số định danh (ID No):

Số hộ chiếu (Passport No):

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1*2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 6 năm 2025 từ ngày 16/06/2025 đến ngày 30/06/2025 (Kèm theo bảng kê số 1628203780 ngày 30 tháng 06 năm 2025)	kWh	48.459	-	114.190.058
Tổng tiền hàng (Total amount):					114.190.058
Thuế suất GTGT (VAT rate): 8%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 9.135.205
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 123.325.263
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm hai mươi ba triệu hai nghìn hai trăm sáu mươi ba đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)





CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG

HAI PHONG WATER JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Số 54 Đinh Tiên Hoàng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng

Mã số thuế : 0200171274

Số tài khoản: 1120 0000 9342 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng

Website: www.capnuochaiphong.com.vn

E-mail: cnhp@vnn.vn

Trung tâm hỗ trợ khách hàng (Call Center)

Tel 0225 3 51 58 58 - Fax: 0225 3 823 748

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG TIỀN NƯỚC

Ngày 09 tháng 06 năm 2025

Ký hiệu: 1K25TAA

Số HĐ: 2082743

Tên khách hàng: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại VIC

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm, P. Vĩnh Niệm, Q. Lê Chân, Thành phố Hải Phòng .

Địa chỉ điểm dùng nước: Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm, P. Vĩnh Niệm, Q. Lê Chân, Thành phố Hải Phòng .

Mã số thuế: 0200358184

Mã số QHVN:

Số ĐDCN:

Điện thoại: 0947706447

Số tài khoản:

Mã khách hàng: 6792804

Hình thức thanh toán: TM/CK

Kỳ hóa đơn: 06/2025	Từ ngày: 09/05/2025	Chỉ số cũ: 68721	Tuyến: 7814
Mã hóa đơn: 73292293	Đến ngày: 09/06/2025	Chỉ số mới: 69438	Số m³ tiêu thụ: 717

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Số lượng (m³)	Đơn giá (đ/m³)	Thành tiền chưa có thuế GTGT (đ)	Thuế suất GTGT (%)	Tiền thuế GTGT (đ)	Thành tiền có thuế GTGT (đ)
1	Nước tiêu thụ Sản xuất	717	18.300	13.121.100	5%	656.055	13.777.155
2	Dịch vụ thoát nước DVTN Sản xuất	573,6	3.660	2.099.376	8%	167.950	2.267.326
Tổng tiền chưa có thuế GTGT:							15.220.476
Tổng tiền thuế GTGT theo thuế suất 5%							656.055
Tổng tiền thuế GTGT theo thuế suất 8%							167.950
Tổng tiền thuế GTGT:							824.005
Tổng cộng:							16.044.481

Tổng số tiền viết bằng chữ: Mười sáu triệu không trăm bốn mươi tư nghìn bốn trăm tám mươi một đồng

Người mua hàng

Ký bởi: Công ty Cổ phần cấp nước Hải Phòng

Ký ngày: 09/06/2025 ✓

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

(Xuat bởi phần mềm Invoice, ThaiSon Co., Ltd - MST: 0101300842 - www.einvoice.vn)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG**

HAI PHONG WATER JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Số 54 Đinh Tiên Hoàng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng

Mã số thuế: 0200171274

Số tài khoản: 1120 0000 9342 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng

Website: www.capnuochaiphong.com.vn

E-mail: cnhp@vnn.vn

Trung tâm hỗ trợ khách hàng (Call Center) Tel 0225 3 51 58 58 - Fax: 0225 3 823 748

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG TIỀN NƯỚC

Ngày 09 tháng 05 năm 2025

Ký hiệu: 1K25TAA

Số HĐ: 1709232

Tên khách hàng: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại VIC

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm, P. Vĩnh Niệm, Q. Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.

Địa chỉ điểm dùng nước: Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm, P. Vĩnh Niệm, Q. Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.

Mã số thuế: 0200358184

Mã số QHVN:

Số ĐDCN:

Điện thoại: 0947706447

Số tài khoản:

Mã khách hàng: 6792804

Hình thức thanh toán: TM/CK

Kỳ hóa đơn: 05/2025	Từ ngày: 09/04/2025	Chỉ số cũ: 68039	Tuyến: 7814
Mã hóa đơn: 72918416	Đến ngày: 09/05/2025	Chỉ số mới: 68721	Số m ³ tiêu thụ: 682

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Số lượng (m ³)	Đơn giá (đ/m ³)	Thành tiền chưa có thuế GTGT (đ)	Thuế suất GTGT (%)	Tiền thuế GTGT (đ)	Thành tiền có thuế GTGT (đ)
1	Nước tiêu thụ Sản xuất	682	18.300	12.480.600	5%	624.030	13.104.630
2	Dịch vụ thoát nước DVTN Sản xuất	545,6	3.660	1.996.896	8%	159.752	2.156.648
Tổng tiền chưa có thuế GTGT:							14.477.496
Tổng tiền thuế GTGT theo thuế suất 5%							624.030
Tổng tiền thuế GTGT theo thuế suất 8%							159.752
Tổng tiền thuế GTGT:							783.782
Tổng cộng:							15.261.278

Tổng số tiền viết bằng chữ: Mười lăm triệu hai trăm sáu mươi một nghìn hai trăm bảy mươi tám đồng

Người mua hàng

Ký bởi: Công ty Cổ phần cấp nước Hải Phòng

Ký ngày: 09/05/2025 ✓

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

(Xuất bởi phần mềm EInvoice, ThaiSon Co., Ltd - MST: 0101300842 - www.einvoice.vn)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG**

HAI PHONG WATER JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Số 54 Đinh Tiên Hoàng - Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng
Mã số thuế : 0200171274

Số tài khoản: 1120 0000 9342 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng

Website: www.capnuochaiphong.com.vn E-mail: cnhp@vnn.vn

Trung tâm hỗ trợ khách hàng (Call Center) Tel 0225 3 51 58 58 - Fax: 0225 3 823 748

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG TIỀN NƯỚC

Ngày 09 tháng 04 năm 2025

Ký hiệu: 1K25TAA

Số HĐ: 1338836

Tên khách hàng: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại VIC

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm, P. Vĩnh Niệm, Q. Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.

Địa chỉ điểm dùng nước: Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm, P. Vĩnh Niệm, Q. Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.

Mã số thuế: 0200358184

Điện thoại: 0947706447

Số tài khoản:

Mã khách hàng: 6792804

Hình thức thanh toán: TM/CK

Kỳ hóa đơn: 04/2025	Từ ngày: 09/03/2025	Chỉ số cũ: 67319	Tuyến: 7814
Mã hóa đơn: 72547481	Đến ngày: 09/04/2025	Chỉ số mới: 68039	Số m ³ tiêu thụ: 720

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Số lượng (m ³)	Đơn giá (đ/m ³)	Thành tiền chưa có thuế GTGT (đ)	Thuế suất GTGT (%)	Tiền thuế GTGT (đ)	Thành tiền có thuế GTGT (đ)
1	Nước tiêu thụ Sản xuất	720	18.300	13.176.000 13.176.000	5%	658.800 658.800	13.834.800 13.834.800
2	Dịch vụ thoát nước DVTN Sản xuất	576	3.660	2.108.160 2.108.160	8%	168.653 168.653	2.276.813 2.276.813
Tổng tiền chưa có thuế GTGT:							15.284.160
Tổng tiền thuế GTGT theo thuế suất 5%							658.800
Tổng tiền thuế GTGT theo thuế suất 8%							168.653
Tổng tiền thuế GTGT:							827.453
Tổng cộng:							16.111.613

Tổng số tiền viết bằng chữ: Mười sáu triệu một trăm mười một nghìn sáu trăm mười ba đồng

Người mua hàng

Ký bởi: Công ty Cổ phần cấp nước Hải Phòng

Ký ngày: 09/04/2025 ✓

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

(Xuất bởi phần mềm ElInvoice, ThaiSon Co., Ltd - MST: 0101300842 - www.elinvoice.vn)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG**

HAI PHONG WATER JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Số 54 Đinh Tiên Hoàng - Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng

Mã số thuế : 0200171274

Số tài khoản: 1120 0000 9342 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng

Website: www.capnuochaiphong.com.vn E-mail: cnhp@vnn.vn

Trung tâm hỗ trợ khách hàng (Call Center) Tel 0225 3 51 58 58 - Fax: 0225 3 823 748

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG TIỀN NƯỚC

Ngày 09 tháng 03 năm 2025

Ký hiệu: 1K25TAA

Số HĐ: 964108

Tên khách hàng: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại VIC

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm, P. Vĩnh Niệm, Q. Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.

Địa chỉ điểm dùng nước: Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm, P. Vĩnh Niệm, Q. Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.

Mã số thuế: 0200358184

Điện thoại: 0947706447

Số tài khoản:

Mã khách hàng: 6792804

Hình thức thanh toán: TM/CK

T3725

Kỳ hóa đơn: 03/2025	Từ ngày: 09/02/2025	Chỉ số cũ: 66646	Tuyến: 7814
Mã hóa đơn: 72171692	Đến ngày: 09/03/2025	Chỉ số mới: 67319	Số m ³ tiêu thụ: 673

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Số lượng (m ³)	Đơn giá (đ/m ³)	Thành tiền chưa có thuế GTGT (đ)	Thuế suất GTGT (%)	Tiền thuế GTGT (đ)	Thành tiền có thuế GTGT (đ)
1	Nước tiêu thụ			12.315.900		615.795	12.931.695
	Sản xuất	673	18.300	12.315.900	5%	615.795	12.931.695
2	Dịch vụ thoát nước			1.970.544		157.644	2.128.188
	DVTN Sản xuất	538,4	3.660	1.970.544	8%	157.644	2.128.188
Tổng tiền chưa có thuế GTGT:							14.286.444
Tổng tiền thuế GTGT theo thuế suất 5%							615.795
Tổng tiền thuế GTGT theo thuế suất 8%							157.644
Tổng tiền thuế GTGT:							773.439
Tổng cộng:							15.059.883

Tổng số tiền viết bằng chữ: Mười lăm triệu không trăm năm mươi chín nghìn tám trăm tám mươi ba đồng

Người mua hàng

Ký bởi: Công ty Cổ phần cấp nước Hải Phòng

Ký ngày: 09/03/2025 ✓

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

(Xuất bởi phần mềm EInvoice, ThaiSon Co., Ltd - MST: 0101300842 - www.einvoice.vn)



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG

HAI PHONG WATER JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Số 54 Đinh Tiên Hoàng - Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng
Mã số thuế : 0200171274

Số tài khoản: 1120 0000 9342 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng

Website: www.capnuochaiphong.com.vn E-mail: cnhp@vnn.vn

Trung tâm hỗ trợ khách hàng (Call Center) Tel 0225 3 51 58 58 - Fax: 0225 3 823 748

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG TIỀN NƯỚC

Ngày: 09 tháng 02 năm 2025

Ký hiệu: 1K25TAA

Số HĐ: 598273

Tên khách hàng: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại VIC

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm, P. Vĩnh Niệm, Q. Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.

Địa chỉ điểm dùng nước: Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm, P. Vĩnh Niệm, Q. Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.

Mã số thuế: 0200358184

Điện thoại: 0947706447

Số tài khoản:

Mã khách hàng: 6792804

Hình thức thanh toán: TM/CK

Kỳ hóa đơn: 02/2025	Từ ngày: 09/01/2025	Chỉ số cũ: 65978	Tuyến: 7814
Mã hóa đơn: 71805123	Đến ngày: 09/02/2025	Chỉ số mới: 66646	Số m ³ tiêu thụ: 668

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Số lượng (m ³)	Đơn giá (đ/m ³)	Thành tiền chưa có thuế GTGT (đ)	Thuế suất GTGT (%)	Tiền thuế GTGT (đ)	Thành tiền có thuế GTGT (đ)
1	Nước tiêu thụ Sản xuất	668	18.300	12.224.400	5%	611.220	12.835.620
2	Dịch vụ thoát nước DVTN Sản xuất	534,4	3.660	1.955.904	8%	156.472	2.112.376
Tổng tiền chưa có thuế GTGT:							14.180.304
Tổng tiền thuế GTGT theo thuế suất 5%							611.220
Tổng tiền thuế GTGT theo thuế suất 8%							156.472
Tổng tiền thuế GTGT:							767.692
Tổng cộng:							14.947.996

Tổng số tiền viết bằng chữ: Mười bốn triệu chín trăm bốn mươi bảy nghìn chín trăm chín mươi sáu đồng

Người mua hàng

Ký bởi: Công ty Cổ phần cấp nước Hải Phòng

Ký ngày: 09/02/2025 ✓

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

(Xuất bởi phần mềm Elnvoice, ThaiSon Co., Ltd - MST: 0101300842 - www.elnvoice.vn)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG**

HAI PHONG WATER JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Số 54 Đinh Tiên Hoàng - Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng

Mã số thuế: 0200171274

Số tài khoản: 1120 0000 9342 Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng

Website: www.capnuochaiphong.com.vn E-mail: cnhp@vnn.vn

Trung tâm hỗ trợ khách hàng (Call Center) Tel 0225 3 51 58 58 - Fax: 0225 3 823 748

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG TIỀN NƯỚC

Ngày 09 tháng 01 năm 2025

Ký hiệu: 1K25TAA

Số HĐ: 234178

Tên khách hàng: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại VIC

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm, P. Vĩnh Niệm, Q. Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.

Địa chỉ điểm dùng nước: Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm, P. Vĩnh Niệm, Q. Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.

Mã số thuế: 0200358184

Điện thoại: 0947706447

Số tài khoản:

Mã khách hàng: 6792804

Hình thức thanh toán: TM/CK

Kỳ hóa đơn: 01/2025	Từ ngày: 04/12/2024	Chỉ số cũ: 65036	Tuyến: 7814
Mã hóa đơn: 71439273	Đến ngày: 09/01/2025	Chỉ số mới: 65978	Số m ³ tiêu thụ: 942

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Số lượng (m ³)	Đơn giá (đ/m ³)	Thành tiền chưa có thuế GTGT (đ)	Thuế suất GTGT (%)	Tiền thuế GTGT (đ)	Thành tiền có thuế GTGT (đ)
1	Nước tiêu thụ			17.238.600		861.930	18.100.530
	Sản xuất	942	18.300	17.238.600	5%	861.930	18.100.530
2	Dịch vụ thoát nước			2.758.176		220.654	2.978.830
	DVTN Sản xuất	753,6	3.660	2.758.176	8%	220.654	2.978.830
Tổng tiền chưa có thuế GTGT:							19.996.776
Tổng tiền thuế GTGT theo thuế suất 5%							861.930
Tổng tiền thuế GTGT theo thuế suất 8%							220.654
Tổng tiền thuế GTGT:							1.082.584
Tổng cộng:							21.079.360

Tổng số tiền viết bằng chữ: Hai mươi một triệu không trăm bảy mươi chín nghìn ba trăm sáu mươi đồng

Người mua hàng

Ký bởi: Công ty Cổ phần cấp nước Hải Phòng

Ký ngày: 09/01/2025 ✓

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

(Xuất bởi phần mềm EInvoice, ThaiSon Co., Ltd - MST: 0101300842 - www.einvoice.vn)

DỊCH VỤ VỆ SINH

KHÁCH HÀNG:.....Gông ty Bách niên.....
.....Hải sản.....Thị trường mai.....v.v.....
TRỤ SỞ:.....Lâm.....làng.....nguyên.....Kính.....mềm.....

PHƯƠNG: ...Vĩnh... Niệm.

QUẬN: Lê Chân.

ĐIỂM THU:

МАН КН:

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ YẾU SINH

- Căn cứ Bộ luật Dân sự của Nước Cộng hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam số 01/5/QH13 ngày 24/11/2015.
 - Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam sửa đổi và bổ sung một số điều tại ngày 01/10/2006;
 - Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022;
 - Căn cứ Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 20/04/2021 của UBND Thành phố Hải Phòng "Về giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt tại Phường "Về giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt tại khu vực đô thị trên địa bàn Thành phố Hải Phòng".
 - Căn cứ Quyết định số 194B/QĐ-MTĐT ngày 29/4/2021 của Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Hải Phòng "Về việc giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt tại khu vực đô thị trên địa bàn Thành phố Hải Phòng".
- Căn cứ nhu cầu và khả năng thực tế các các bên trong hợp đồng.

Hôm nay, ngày 01. tháng 7. năm 2024, tại Thành phố Hải Phòng

ĐƠN

chúng tôi gồm có:

1. Bên sử dụng dịch vụ vệ sinh (bên A):

1. Ben sử dụng dịch vụ về sản phẩm (dịch vụ).....
 Công ty..... địa chỉ..... Tên người bán.....
 địa chỉ.....

Dài diện là Ông (Bà): *Nguyễn Văn Kiệt Thuận*

[illegible][illegible]

Email: tyu@hawaii.edu or tyu@mail.com

Mã số thuế: 0222.358.184..... Điện thoại: 034.7.326.4447.....

Tài khoản: Tại:

2. Bên cung cấp dịch vụ vệ sinh (bên B):

2. Bên cạnh cấp diện và tự sản (tự trồng, tự nuôi), Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Hải Phòng

Chức vụ: Phó TGD Công ty

Trụ sở: Số 1 Lý Tự Trọng, P. Minh Khai, Q. Hồng Bàng, Hải Phòng

Tài khoản số: 2112201022230
Tài: NH Nông nghiệp và Ph

triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Đồng Hải Phòng.
Số fax: 0300140536 Điện thoại: 02253-747787

Mã số thuế: 0200149536

Điện thoại: 02253-747181

nh sau khi bên A thanh toán đầy đủ các khoản nợ tiền dịch vụ
lực hiện đầy đủ Quyết định xử lý của cấp có thẩm quyền và
lũ các chi phí khác phục vì phạm theo quyết định.

um bảo cung cấp dịch vụ vận chuyển, xử lý chất thải ôn định

1 A:

ời gian: *Quỹ Nam Á*.....

iêm: *Đang chờ*.....

.....

ừ ngừng cung cấp dịch vụ vì lý do sự cố, phải thông báo cho
trong vòng 24h bằng điện thoại hoặc các phương tiện khác.

ấp nhận và giải quyết các kiến nghị, yêu cầu của bên A về các
liên quan đến việc cung cấp dịch vụ vệ sinh đã được thỏa
ại hợp đồng này và theo các quy định hiện hành.

ic nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

± Thay đổi, sửa đổi hợp đồng:

một trong hai bên có thông báo hoặc đề nghị bằng văn bản
/ đổi, bỏ sung điều khoản có liên quan đến việc thực hiện hợp
ày thì hai bên thỏa thuận bằng văn bản, phụ lục hợp đồng.

trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

± Chấm dứt hợp đồng:

đồng này chấm dứt trong các trường hợp sau:

ên A giải thể và đề nghị chấm dứt hợp đồng theo quy định
ợp đồng hết hạn.

1.2. Bên B đơn phương hủy bỏ hợp đồng do bên A vi phạm hợp
đồng hoặc được xác định là không còn nhu cầu sử dụng dịch vụ vệ
sinh trên thực tế.

2. Khi hợp đồng chấm dứt, bên B ngừng cung cấp dịch vụ vệ sinh
môi trường. Nếu bên A có nhu cầu dịch vụ vệ sinh trở lại phải ký
kết hợp đồng mới sau khi đã giải quyết xong các vấn đề còn vướng
mắc trong việc thực hiện hợp đồng cũ với bên B.

Điều 8: Giải quyết tranh chấp và vi phạm hợp đồng:

1. Nếu một trong hai bên vi phạm hợp đồng thì bên kia có quyền
đơn phương đình chỉ, hủy bỏ hợp đồng, yêu cầu bên vi phạm phải
chịu bồi thường mọi tổn thất do bên đó gây ra.

2. Khi phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng thương lượng; nếu
không thương lượng được thì các bên có quyền đề nghị cơ quan có
thẩm quyền giải quyết hoặc khởi kiện tại toà án theo quy định pháp luật.

Điều 9: Sự kiện bất khả kháng:

1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính chất khách
quan nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên, không dự đoán được
hoặc không khắc phục được.

2. Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất
khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng.

Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

- + Thông báo ngay cho bên kia trong vòng 3 ngày ngay sau sự kiện xảy ra.
- + Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa cần thiết để hạn chế tới đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.



Điều 10: Điều khoản chung:

Hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt này có hiệu lực kể từ ngày.....*21/7/2022*.....

Các phụ lục kèm theo hợp đồng này có hiệu lực thực hiện như hợp đồng. Nếu trong quá trình thực hiện có các văn bản mang tính rõ ràng, thống nhất giữa hai bên hoặc các thông báo để chi tiết, bổ sung, sửa đổi các thông tin liên quan đến việc thực hiện hợp đồng thì cũng được coi là phụ lục của hợp đồng này.

Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng, phụ lục hợp đồng và các quy định hiện hành về vệ sinh môi trường đô thị. Nếu một trong hai bên thực hiện không đúng thì được coi là vi phạm hợp đồng.

Hợp đồng này được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.



GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Nguyễn Việt Hưng

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Thị Thu An

**ĐIỆN THOẠI LIÊN HỆ CẦN THIẾT
CỦA CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HP**

1. Phòng Kinh doanh:

Số điện thoại liên hệ: **02253.746058**

2. Trưởng phòng Điều hành sản xuất:

Số điện thoại liên hệ: **0919.265.885**

Nội dung liên hệ: *Tư vấn, giải đáp các khiếu nại, thắc mắc liên quan đến việc thực hiện hợp đồng, giá dịch vụ vệ sinh.*

Điều 10: Điều khoản chung:

- Hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt này có hiệu lực kể từ ngày.....*21/7/2024*.....
- Các phụ lục kèm theo hợp đồng này có hiệu lực thực hiện như hợp đồng. Nếu trong quá trình thực hiện có các văn bản mang tính rõ ràng, thống nhất giữa hai bên hoặc các thông báo đề nghị chi tiết, bổ sung, sửa đổi các thông tin liên quan đến việc thực hiện hợp đồng thì cũng được coi là phụ lục của hợp đồng này.
- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng, phụ lục hợp đồng và các quy định hiện hành về vệ sinh môi trường đô thị. Nếu một trong hai bên thực hiện không đúng thì được coi là vi phạm hợp đồng.

- Hợp đồng này được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản.



GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
Nguyễn Việt Hùng



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Phạm Thị Thu An

**DIỆN THOẠI LIÊN HỆ CÁN THIẾT
CỦA CÔNG TY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ HP**

1. Phòng Kinh doanh:

Số điện thoại liên hệ: 02253.746058

2. Trưởng phòng Điều hành sản xuất:

Số điện thoại liên hệ: 0919.265.885

Nội dung liên hệ: *Tư vấn, giải đáp các khiếu nại, thắc mắc liên quan đến việc thực hiện hợp đồng, giá dịch vụ vệ sinh.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

====o0o=====

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 458 /2024/HDXLCT

Về việc "Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại"

- Căn cứ vào Bộ Luật Dân Sự số: 91/2015/QH13 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

- Căn cứ vào Bộ luật thương mại số: 36/2005/QH11 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 27/06/2005.

- Căn cứ vào luật Bảo vệ Môi trường số: 72/2020/QH14 đã được Quốc hội khóa 14, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 17/11/2020 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2022.

- Căn cứ Nghị định số: 08/2022/NĐ – CP ngày 10/01/2022 của chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Căn cứ Thông tư số: 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Căn cứ Giấy phép xử lý chất thải nguy hại mã số QLCTNH: 1- 2- 3.073.VX của Công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng được Bộ tài nguyên Môi trường cấp ngày 02/08/2021.

- Căn cứ nhu cầu của Công ty TNHH Thương Mại Vic và khả năng của Công ty TNHH TMDV Toàn Thắng.

Hôm nay, ngày 1 tháng 9 năm 2024, Tại Công ty TNHH TMDV Toàn Thắng, chúng tôi gồm có:

BÊN A : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIC

Địa chỉ : Cụm Công nghiệp Vĩnh Niệm - Phường Vĩnh Niệm - Quận Lê Chân - Tp. Hải Phòng - Việt Nam.

Điện thoại : 02253742976

Mã số thuế : 0200358184

Đại diện : Ông Nguyễn Việt Hưng Chức vụ : Giám đốc điều hành

ĐẠI DIỆN BÊN B : CÔNG TY TNHH TM DV TOÀN THẮNG

Địa chỉ : My Sơn - Ngũ Lão - Thủy Nguyên - Hải Phòng.

Điện thoại : 02253.875.413 Fax: 02253.875.413

Mã số thuế : 0200575090

Số TK : 0031000236309 tại Ngân hàng Vietcombank - chi nhánh Hải Phòng.

Đại diện : Bà Phạm Thị Toàn Chức vụ: Giám đốc

Sau khi bàn bạc thỏa thuận hai bên cùng thống nhất ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với những nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung công việc

1.1. Bên A đồng ý giao cho bên B thực hiện việc thu gom, vận chuyển và xử lý các loại chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất của bên A phù hợp với khả năng, năng lực xử lý của bên B.

1.2. Bên B thu gom, vận chuyển các loại chất thải nguy hại (có mã số quản lý chất thải nguy hại phù hợp với Giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại của bên B đã được Tổng cục Môi trường cấp) và việc thu gom vận chuyển của bên B phải theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường của Việt Nam.

1.3. Quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải Bên B phải đảm bảo các điều kiện thực hiện dịch vụ dưới đây:

1.3.1. Địa điểm giao nhận chất thải: Tại khu lưu trữ chất thải của bên A được ghi theo địa chỉ của hợp đồng.

1.3.2. Địa điểm lưu giữ và xử lý chất thải của bên B:

- Địa chỉ bãi trung chuyển, lưu giữ chất thải (nếu cần): Thôn Đồng Rục, xã Phục Lễ, huyện Hải Nguyên, TP Hải Phòng.

- Địa chỉ xử lý chất thải: Tại Nhà máy xử lý chất thải của Công ty TNHH TMDV Toàn Thắng - Khu vực Phía Tây Núi Thần Vi, Thị trấn Minh Đức, Thủy Nguyên, TP Hải Phòng.

1.3.3. Thời gian giao nhận: Bên B tiến hành thu gom, vận chuyển và xử lý, tiêu hủy chất thải theo lịch yêu cầu của bên A, nhưng phải đảm bảo thời gian để bên B bố trí được nhân lực và phương tiện (do hai bên thống nhất, thỏa thuận).

1.3.4. Số lượng hàng hóa:

- Căn cứ vào lượng phát sinh chất thải của chủ nguồn thải dựa trên thỏa thuận giữa hai bên được thể hiện trong hợp đồng, khối lượng chất thải phát sinh của từng đợt giao nhận phải đảm bảo thuận tiện cho việc bốc xếp và vận chuyển cho bên B.

- **Khối lượng chất thải bàn giao không quá 600kg/năm (theo thời hạn của hợp đồng), số lần thu thải không vượt quá 2 lần/năm (theo thời hạn hợp đồng).**

1.3.5. Phương tiện thu gom và vận chuyển:

- Bên B có trách nhiệm bố trí phương tiện vận chuyển phù hợp theo quy định của Pháp luật để vận chuyển chất thải cho bên A.

- Đối với chất thải nặng hoặc khó bốc xếp thì bên A phải bố trí phương tiện và nhân lực kết hợp cùng với bên B để đưa chất thải lên xe.

1.3.6. Nhân sự:

- Cán bộ làm việc với bên A phải là người được ủy quyền hợp pháp của bên B.

Điều 2: Đơn giá và phương thức thanh toán

2.1 Đơn giá

- Bên A trả cho bên B phí thu gom vận chuyển và xử lý chất thải với số tiền là 15.000.000 đồng/năm (theo thời hạn hợp đồng) cho khối lượng chất thải thỏa thuận tại Điều 1 khoản 1.3.4 của hợp đồng này. Nếu khối lượng vượt quá quy định trong hợp đồng

+) Đơn vị hành chính: Việt Nam đồng

Country	Year	Rate
Algeria	2000	0.00
Algeria	2001	0.00
Algeria	2002	0.00
Algeria	2003	0.00
Algeria	2004	0.00
Algeria	2005	0.00
Algeria	2006	0.00
Algeria	2007	0.00
Algeria	2008	0.00
Algeria	2009	0.00
Algeria	2010	0.00
Algeria	2011	0.00
Algeria	2012	0.00
Algeria	2013	0.00
Algeria	2014	0.00
Algeria	2015	0.00
Algeria	2016	0.00
Algeria	2017	0.00
Algeria	2018	0.00
Algeria	2019	0.00
Algeria	2020	0.00
Algeria	2021	0.00
Algeria	2022	0.00
Algeria	2023	0.00
Algeria	2024	0.00
Algeria	2025	0.00
Algeria	2026	0.00
Algeria	2027	0.00
Algeria	2028	0.00
Algeria	2029	0.00
Algeria	2030	0.00
Algeria	2031	0.00
Algeria	2032	0.00
Algeria	2033	0.00
Algeria	2034	0.00
Algeria	2035	0.00
Algeria	2036	0.00
Algeria	2037	0.00
Algeria	2038	0.00
Algeria	2039	0.00
Algeria	2040	0.00
Algeria	2041	0.00
Algeria	2042	0.00
Algeria	2043	0.00
Algeria	2044	0.00
Algeria	2045	0.00
Algeria	2046	0.00
Algeria	2047	0.00
Algeria	2048	0.00
Algeria	2049	0.00
Algeria	2050	0.00
Algeria	2051	0.00
Algeria	2052	0.00
Algeria	2053	0.00
Algeria	2054	0.00
Algeria	2055	0.00
Algeria	2056	0.00
Algeria	2057	0.00
Algeria	2058	0.00
Algeria	2059	0.00
Algeria	2060	0.00
Algeria	2061	0.00
Algeria	2062	0.00
Algeria	2063	0.00
Algeria	2064	0.00
Algeria	2065	0.00
Algeria	2066	0.00
Algeria	2067	0.00
Algeria	2068	0.00
Algeria	2069	0.00
Algeria	2070	0.00
Algeria	2071	0.00
Algeria	2072	0.00
Algeria	2073	0.00
Algeria	2074	0.00
Algeria	2075	0.00
Algeria	2076	0.00
Algeria	2077	0.00
Algeria	2078	0.00
Algeria	2079	0.00
Algeria	2080	0.00
Algeria	2081	0.00
Algeria	2082	0.00
Algeria	2083	0.00
Algeria	2084	0.00
Algeria	2085	0.00
Algeria	2086	0.00
Algeria	2087	0.00
Algeria	2088	0.00
Algeria	2089	0.00
Algeria	2090	0.00
Algeria	2091	0.00
Algeria	2092	0.00
Algeria	2093	0.00
Algeria	2094	0.00
Algeria	2095	0.00
Algeria	2096	0.00
Algeria	2097	0.00
Algeria	2098	0.00
Algeria	2099	0.00
Algeria	2100	0.00
Algeria	2101	0.00
Algeria	2102	0.00
Algeria	2103	0.00
Algeria	2104	0.00
Algeria	2105	0.00
Algeria	2106	0.00
Algeria	2107	0.00
Algeria	2108	0.00
Algeria	2109	0.00
Algeria	2110	0.00
Algeria	2111	0.00
Algeria	2112	

Thanh toán đầy đủ cho bên Đ theo thỏa thuận tại điều 2

- Cùng người hướng dẫn nội quy ra vào cơ sở của mình và xác nhận khối lượng công tác thu gom, vận chuyển để làm cơ sở nghiệm thu khối lượng thanh toán.

-Bên Alpha là một cơ sở lý luận toán học tiếp xúc về những chất thái của vũ trụ
của mình và thông báo cho bên Beta lý

Bản giao chất thải phát sinh dùng chỉ hoạt động quản lý chất thải

- Gửi cho bên A bộ giấy phép hành nghề (công chứng) còn giá trị để bên A trình cho

cơ quan chức năng khi bên A có sự kiểm tra.

- Nhanh chóng bố trí phương tiện vận chuyển, nhân lực thu gom khi có yêu cầu bàn giao chất thải và thông báo cho bên A thời gian đến nhận chất thải.

- Hỗ trợ tư vấn bên A trong vấn đề phân loại lưu trữ chất thải (nếu cần)

- Thực hiện nghiêm túc các nội quy, quy định ra vào cơ quan, nội quy PCCC, an toàn về sinh môi trường trong suốt quá trình làm việc tại địa bàn bên A. Đồng thời chịu trách nhiệm nêu xảy ra sự cố cháy nổ, gây tai nạn lao động, ô nhiễm môi trường trước bên A và pháp luật về quá trình vận chuyển, xử lý và tiêu hủy các loại chất thải thu gom từ bên A.

- Thực hiện nhận bàn giao CTNH theo hợp đồng, tổ chức bốc xếp và vận chuyển CTNH bằng phương tiện chuyên dụng đã được cấp phép theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

- Đảm bảo đúng các quy định về thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải và bảo vệ môi trường của Việt Nam. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về các sự cố xảy ra trong quá trình

thu gom, vận chuyển và xử lý các loại chất thải (kể từ lúc nhận chất thải nguy hại và khi ra khỏi công của bên A).

Hoàn thành bộ chứng từ xử lý chất thải cho bên A theo quy định của Pháp luật như sau:

- Liên số 1: Lưu tại Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1 hoặc đơn vị thực hiện việc vận chuyển CTNH;

- Liên số 3: Lưu tại chủ nguồn thải (sau khi Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại 1 hoặc đơn vị thực hiện việc vận chuyển CTNH tiếp nhận chất thải);

- Liên số 4: Lưu tại chủ nguồn thải (Chủ cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại gửi lại sau khi đã hoàn thành việc xử lý CTNH);

Điều 4: Điều khoản chung

Hai bên cam kết chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện hợp đồng. nếu có gì vướng mắc kịp thời thông báo cho nhau, cùng bàn bạc tìm cách giải quyết trên cơ sở hợp tác đảm bảo lợi ích của hai bên. Trường hợp có tranh chấp không tự giải quyết được sẽ khiếu nại tới tòa án kinh tế Hải Phòng để giải quyết. Phán quyết của tòa án kinh tế là quyết định cuối cùng buộc các bên phải thực thi. Chi phí cho việc giải quyết tranh chấp vi phạm hợp đồng và hậu quả kinh tế phát sinh do bên vi phạm hợp đồng chịu.

Điều 5: Hiệu lực hợp đồng

- Thời hạn hợp đồng: Hợp đồng có thời hạn một (01) năm kể từ ngày ký .

- Khi hết hạn hợp đồng thì hai bên gặp nhau để gia hạn hợp đồng hoặc hợp đồng tự thanh lý sau khi mỗi bên đã hoàn thành trách nhiệm đối với bên kia.

- Hợp đồng này được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 02 bản, bên B giữ 02 bản để làm cơ sở thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
Nguyễn Việt Hưng

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC
Phạm Thị Loan

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

=====o0o=====

HỢP ĐỒNG

Số: 459 /2024/HDXLCT

Về việc "Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường"

- Căn cứ vào Bộ Luật Dân Sự số: 91/2015/QH13 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

- Căn cứ vào Bộ luật thương mại số: 36/2005/QH11 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 27/06/2005.

- Căn cứ vào luật Bảo vệ Môi trường số: 72/2020/QH14 đã được Quốc hội khóa 14, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 17/11/2020 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2022.

- Căn cứ Nghị định số: 08/2022/NĐ – CP ngày 10/01/2022 của chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Căn cứ Thông tư số: 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Căn cứ Giấy phép xử lý chất thải nguy hại mã số QLCTNH: 1- 2- 3.073.VX của Công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng được Bộ tài nguyên Môi trường cấp ngày 02/08/2021.

- Căn cứ nhu cầu của Công ty TNHH Thương Mại Vic và khả năng của Công ty TNHH TMDV Toàn Thắng.

Hôm nay, ngày 1 tháng 9 năm 2024, Tại Công ty TNHH TMDV Toàn Thắng, chúng tôi gồm có:

BÊN A : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIC

Địa chỉ : Cụm Công nghiệp Vĩnh Niệm - Phường Vĩnh Niệm - Quận Lê Chân - Tp. Hải Phòng - Việt Nam.

Điện thoại : 02253742976

Mã số thuế : 0200358184

Đại diện : Ông Nguyễn Việt Hưng Chức vụ : Giám đốc điều hành

ĐẠI DIỆN BÊN B : CÔNG TY TNHH TM DV TOÀN THẮNG

Địa chỉ : My Sơn - Ngũ Lão - Thủy Nguyên - Hải Phòng.

Điện thoại : 02253.875.413 Fax: 02253.875.413

Mã số thuế : 0200575090

Số TK : 0031000236309 tại Ngân hàng Vietcombank - chi nhánh Hải Phòng.

Đại diện : Bà Phạm Thị Toan Chức vụ: Giám đốc

Sau khi bàn bạc thỏa thuận hai bên cùng thống nhất kí hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường với những nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung công việc

1.1. Bên A đồng ý giao cho bên B thực hiện việc thu gom, vận chuyển và xử lý các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trong quá trình sản xuất của bên A phù hợp với khả năng, năng lực xử lý của bên B.

1.2. Bên B thu gom, vận chuyển các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường (phù hợp với Giấy phép của bên B đã được Bộ Tài Nguyên Và Môi Trường Cấp) và việc thu gom vận chuyển của bên B phải theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường của Việt Nam.

1.3. Quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải Bên B phải đảm bảo các điều kiện thực hiện dịch vụ dưới đây:

1.3.1. Địa điểm giao nhận chất thải: Tại khu lưu trữ chất thải của bên A được ghi theo địa chỉ của hợp đồng.

1.3.2. Địa điểm lưu giữ và xử lý chất thải của bên B:

- Địa chỉ bãi trung chuyển, lưu giữ chất thải (nếu cần): Thôn Đồng Rục, xã Phục Lễ, huyện Thủy Nguyên, TP Hải Phòng.

- Địa chỉ xử lý chất thải: Tại Nhà máy xử lý chất thải của Công ty TNHH TMDV Toàn Thắng - Khu vực Phía Tây Núi Thần Vi, Thị trấn Minh Đức, Thủy Nguyên, TP Hải Phòng.

1.3.3. Thời gian giao nhận: Bên B tiến hành thu gom, vận chuyển và xử lý, tiêu hủy chất thải theo lịch yêu cầu của bên A, nhưng phải đảm bảo thời gian để bên B bố trí được nhân lực và phương tiện (do hai bên thống nhất, thỏa thuận).

1.3.4. Số lượng hàng hóa:

- Căn cứ vào lượng phát sinh chất thải của chủ nguồn thải dựa trên thỏa thuận giữa hai bên được thể hiện trong hợp đồng, khối lượng chất thải phát sinh của từng đợt giao nhận phải đảm bảo thuận tiện cho việc bốc xếp và vận chuyển cho bên B.

1.3.5. Phương tiện thu gom và vận chuyển:

- Bên B có trách nhiệm bố trí phương tiện vận chuyển phù hợp theo quy định của Pháp luật để vận chuyển chất thải cho bên A.

- Đối với chất thải nặng hoặc khó bốc xếp thì bên A phải bố trí phương tiện và nhân lực kết hợp cùng với bên B để đưa chất thải lên xe.

1.3.6. Nhân sự:

- Cán bộ làm việc với bên A phải là người được ủy quyền hợp pháp của bên B.

Điều 2: Đơn giá và phương thức thanh toán

2.1 Đơn giá

- Đơn giá vận chuyển, xử lý đối với chất thải công nghiệp được áp dụng theo thỏa thuận của cả hai bên.

- Ngay sau khi ký hợp đồng bên A phải trả cho bên B phí duy trì hợp đồng số tiền **15.000.000 Đ / năm** (Mười lăm triệu đồng/ năm).

- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT .

- Trường hợp bên A không bàn giao chất thải cho bên B thì bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các vấn đề có liên quan đến chất thải không bàn giao. Và

bên A vẫn phải trả cho bên B khoản tiền theo thỏa thuận của hợp đồng và được tính vào phí duy trì hợp đồng mà bên B được hưởng.

2.2. Phương thức thanh toán

- Thời hạn thanh toán: Thanh toán trong vòng 5 ngày kể từ khi nhận được hoá đơn và đề nghị thanh toán của bên B.

- Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.

- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

Điều 3: Trách nhiệm của mỗi bên

3.1. Trách nhiệm của bên A

- Thanh toán đầy đủ cho bên B theo thỏa thuận tại điều 2.

- Trước mỗi đợt giao nhận chất thải thì bên A báo trước cho bên B 48h để bên B bố trí nhân lực, phương tiện vận chuyển.

- Cử người hướng dẫn nội quy ra vào cơ sở của mình và xác nhận khối lượng chất thải thu gom, vận chuyển để làm cơ sở nghiệm thu khối lượng thanh toán

- Khi có sự thay đổi về thành phần chất thải thì phải có thông báo bằng văn bản cho bên B để phối hợp giải quyết.

- Bên A phải chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về những chất thải phát sinh của mình mà không bàn giao cho bên B xử lý.

- Bàn giao chất thải phát sinh đúng chủ hành nghề quản lý chất thải.

3.2. Trách nhiệm của bên B

- Gửi cho bên A bộ giấy phép hành nghề (công chứng) còn giá trị để bên A trình cho cơ quan chức năng khi bên A có sự kiểm tra.

- Nhanh chóng bố trí phương tiện vận chuyển, nhân lực thu gom khi có yêu cầu bàn giao chất thải và thông báo cho bên A thời gian đến nhận chất thải.

- Hỗ trợ tư vấn bên A trong vấn đề phân loại lưu trữ chất thải (nếu cần).

- Thực hiện nghiêm túc các nội quy, quy định ra vào cơ quan, nội quy PCCC, an toàn vệ sinh môi trường trong suốt quá trình làm việc tại địa bàn bên A. Đồng thời chịu trách nhiệm nếu xảy ra sự cố cháy nổ, gây tai nạn lao động, ô nhiễm môi trường trước bên A và pháp luật về quá trình vận chuyển, xử lý và tiêu hủy các loại chất thải thu gom từ bên A.

- Thực hiện nhận bàn giao CTCNTT theo hợp đồng, tổ chức bốc xếp và vận chuyển CTCNTT bằng phương tiện chuyên dụng đã được cấp phép theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

- Đảm bảo đúng các quy định về thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải và bảo vệ môi trường của Việt Nam. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về các sự cố xảy ra trong quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý các loại chất thải (kể từ lúc nhận chất thải nguy hại và khi ra khỏi cổng của bên A).

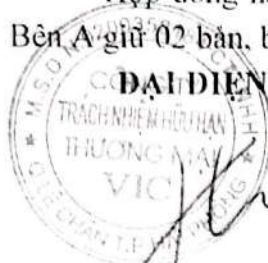
Điều 4: Điều khoản chung

Hai bên cần chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện hợp đồng, nếu có gì vướng mắc kịp thời thông báo cho nhau, cùng bàn bạc tìm cách giải quyết trên cơ sở hợp tác đảm bảo lợi ích của hai bên. Trường hợp có tranh chấp không tự giải quyết được sẽ khiếu nại tới tòa án kinh tế Hải Phòng để giải quyết. Phán quyết của tòa án kinh tế là quyết

định cuối cùng buộc các bên phải thực thi. Chi phí cho việc giải quyết tranh chấp vi phạm hợp đồng và hậu quả kinh tế phát sinh do bên vi phạm hợp đồng chịu.

Điều 5: Hiệu lực hợp đồng

- Thời hạn hợp đồng: Hợp đồng có thời hạn một (01) năm kể từ ngày ký .
- Khi hết hạn hợp đồng thì hai bên gặp nhau để gia hạn hợp đồng hoặc hợp đồng tự thanh lý sau khi mỗi bên đã hoàn thành trách nhiệm đối với bên kia.
- Hợp đồng này được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 02 bản, bên B giữ 02 bản để làm cơ sở thực hiện.



ĐẠI DIỆN BÊN A

GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Nguyễn Việt Hưng



ĐẠI DIỆN BÊN B

GIÁM ĐỐC

Phạm Thị Ngọc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc



HỢP ĐỒNG MUA BÁN

GIỮA

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIC

VÀ

CÔNG TY TNHH KIM TRƯỜNG PHÚC

Đồng Nai, Tháng /2024

THỎA THUẬN HỢP ĐỒNG

Số: 01/2024/KTP-VIC

(V/v: Mua bán hệ thống lò hơi 06 tấn/giờ)

- Căn cứ vào Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2015.
- Căn cứ vào Luật Thương mại số 36/2005/QH11 nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 14/06/2005.
- Căn cứ vào luật DN số 59/2020/QH14 được thông qua ngày 17/06/2020 và có hiệu lực ngày 01/01/2021.
- Căn cứ vào năng lực và sự thỏa thuận của Các Bên.

Hôm nay, ngày tháng năm 2024 tại Văn phòng Công ty TNHH Kim Trường Phúc, chúng tôi gồm:

BÊN A : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIC

- Địa chỉ : Cụm Công Nghiệp Vĩnh Niệm, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Thành Phố Hải Phòng
- Đại diện : Ông NGUYỄN VIỆT HÙNG Chức vụ: Giám đốc điều hành
- Mã số thuế : 0200358184

BÊN B : CÔNG TY TNHH KIM TRƯỜNG PHÚC

- Địa chỉ : D11A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp, Thành Phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
- Đại diện : Ông NGUYỄN VY Chức vụ: Giám đốc
- Điện thoại : 02518 880 428
- Mã số thuế : 3601048121
- Tài khoản : 79824549 – Tại: Ngân hàng ACB -PGD Đồng Khởi, Đồng Nai

Bên A, Bên B sau đây gọi riêng là "Bên", gọi chung là "Hai Bên", "Các Bên".

Sau khi bàn bạc thỏa thuận, Hai Bên thống nhất ký kết Hợp đồng với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1. ĐỐI TƯỢNG HỢP ĐỒNG:

- Bên B đồng ý bán và Bên A đồng ý mua "Hệ thống lò hơi tăng sôi 06 tấn/giờ" theo các hạng mục được mô tả trong bảng báo số: 2302.2024/PTH-TLHP/06T ngày 27 tháng 12 năm 2023. Bảng báo được xem là một phần không thể tách rời của Hợp đồng này.

ĐIỀU 2. GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN:

2.1. Giá trị Hợp đồng:

- Giá trị Hợp đồng chưa bao gồm thuế VAT là : 2.250.000.000 VNĐ
- Thuế giá trị gia tăng 10% : 225.000.000 VNĐ
- Tổng giá trị Hợp đồng : 2.475.000.000 VNĐ

(Bằng chữ: Hai tỷ bốn trăm bảy mươi lăm triệu đồng chẵn!).

2.2. Phương thức thanh toán:

- **Đợt 1:** Bên A tạm ứng cho Bên B 60% giá trị Hợp đồng tương ứng với số tiền: **1.485.000.000 đồng** (Bằng chữ: Một tỷ bốn trăm tám mươi lăm triệu đồng) trong 3 (ba) ngày sau khi Hai Bên ký Hợp đồng.

Hồ sơ thanh toán gồm:

- o Giấy đề nghị thanh toán.
- o Báo giá số 2302.2024/PTH-TLHP/06
- o Hợp đồng số 01/2024/KTP-VIC

- **Đợt 2:** Bên A thanh toán cho Bên B 20% giá trị Hợp đồng, tương ứng với số tiền: **495.000.000 đồng** (Bằng chữ: Bốn trăm chín mươi lăm triệu đồng!) sau 03 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

Hồ sơ thanh toán gồm:

- o Giấy đề nghị thanh toán;

- **Đợt 3:** Bên A thanh toán cho Bên B 20% giá trị Hợp đồng, tương ứng với số tiền: **495.000.000 đồng** (Bằng chữ: Bốn trăm chín mươi lăm triệu đồng!) sau 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

Hồ sơ thanh toán gồm:

- o Giấy đề nghị thanh toán;
- o Hóa đơn GTGT.

ĐIỀU 3. QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN:

3.1. Quyền hạn và trách nhiệm của Bên A:

❖ Quyền hạn:

- Bên A có quyền yêu cầu kiểm tra các thiết bị mà Bên B bàn giao đúng chủng loại, thông số kỹ thuật.
- Được yêu cầu Bên B giao các hồ sơ, tài liệu liên quan đến lò hơi như : Lý lịch lò hơi, bồn góp, giấy chứng nhận kiểm định liên quan đến vật tư thiết bị bàn giao.

❖ Trách nhiệm:

- Cử và thông báo cho Bên B về nhân lực tham gia kiểm tra nghiệm thu.
- Cung cấp cho Bên B thông tin, tài liệu cần thiết để thực hiện công việc.
- Giữ bí mật các thông tin liên quan đến Hợp đồng.
- Nghiệm thu, thanh toán, quyết toán Hợp đồng theo đúng thời gian quy định.
- Quản lý bảo vệ máy móc, thiết bị sau khi Bên B bàn giao.
- Cung cấp điện áp 380VAC – 3F, công suất 80 ÷ 150A đến vị trí thi công, lắp đặt lò hơi.
- Cung cấp điện áp 380VAC – 3F, công suất 340KVA đến tủ động lực phòng điều khiển của lò hơi để kết nối đưa vào hoạt động.
- Cung cấp nước thủy cục tại khu vực.
- Thanh toán trễ hạn sẽ phải trả lãi suất cho Bên B với lãi suất chậm thanh toán tính theo lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm thanh toán, tính trên số ngày chậm thanh toán nhưng tối đa không quá 8% giá trị Hợp đồng. Bên A có trách nhiệm thanh toán các khoản trễ hạn trong vòng 10 ngày kể từ thời điểm nhận được thông báo của Bên B về yêu cầu thanh toán trễ hạn.

3.2. Quyền hạn và trách nhiệm của Bên B:

❖ Quyền hạn:

- Yêu cầu Bên A cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến công việc của Hợp đồng theo các nội dung Hợp đồng đã ký kết.
- Được đề xuất với Bên A về những công việc phát sinh ngoài phạm vi Hợp đồng.
- Từ chối những công việc ngoài phạm vi Hợp đồng đã ký kết khi chưa được Hai Bên thống nhất hoặc những yêu cầu trái pháp luật.
- Tổ chức quản lý thực hiện công việc theo nội dung Hợp đồng đã ký kết.
- Có quyền thu hồi tài sản và yêu cầu bồi thường thiệt hại nếu Bên A không thanh toán đúng hạn trong Hợp đồng.

❖ Trách nhiệm:

- Cung cấp cho Bên A các hồ sơ, tài liệu liên quan đến lò hơi kèm theo hợp đồng này, bao gồm: Lý lịch lò hơi, bản góp, giấy chứng nhận kiểm định liên quan đến vật tư thiết bị bàn giao.
- Cam kết có đầy đủ các chứng nhận kiểm định các thiết bị áp lực theo quy định của pháp luật để thực hiện các công việc theo Hợp đồng.
- Cung cấp nhân lực hướng dẫn vận hành, chuyển giao công nghệ cho Bên A. Tuy nhiên không vượt quá 30 ngày.
- Giữ bí mật các thông tin liên quan đến Hợp đồng theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng hoặc theo quy định của pháp luật.

- Trong vòng 6 tháng kể từ ngày bàn giao hệ thống lò hơi cho Bên A, Bên B có trách nhiệm khắc phục các lỗi phát sinh, đảm bảo lò hơi hoạt động ổn định. Nếu hệ thống lò hơi có phát sinh lỗi như bụi ống sinh hơi do chất lượng ống thì Bên B có trách nhiệm khắc phục. Trường hợp bụi ống sinh hơi do chất lượng nước không tốt gây ra thì Bên B sẽ không chịu trách nhiệm xử lý. Các phát sinh lỗi đến từ các thiết bị khác do quá trình vận hành Bên B sẽ hỗ trợ cán bộ kỹ thuật phối hợp xử lý.
- Trong trường hợp bên A di dời Nhà máy, Bên B có trách nhiệm hỗ trợ di dời và lắp đặt hệ thống lò hơi cho Bên A tại Nhà máy mới. Chi phí di dời và lắp đặt do Bên A chi trả.
- Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, vì một lý do nào đó Bên B đơn phương chấm dứt Hợp đồng mà không phải do lỗi của Bên A và được Bên A chấp thuận, thì Bên B phải hoàn trả toàn bộ chi phí đã nhận từ Bên A và chịu phạt 8% tổng giá trị Hợp đồng. Bên B có trách nhiệm thanh toán các khoản phạt này trong vòng 10 ngày kể từ thời điểm nhận được thông báo của Bên A.
- Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

ĐIỀU 4. BẤT KHẢ KHÁNG:

- Là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của Các Bên như động đất, bão, lũ lụt, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, bạo động hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh, dịch bệnh và các thảm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền tại Việt Nam.
- Việc một Bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để Bên kia chấm dứt Hợp đồng. Tuy nhiên Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải:
 - + Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.
 - + Thông báo cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 05 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng. Nêu rõ các biện pháp khắc phục và lý do của việc chậm trễ thực hiện hay thực hiện một phần của Hợp đồng.
- Hai Bên sẽ họp trong vòng 05 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng để xem xét và quyết định xem Hợp đồng này có cần sửa đổi do sự tác động của sự kiện đối với việc thực hiện Hợp đồng và quyết định bên có liên quan sẽ thực hiện một phần hay miễn trừ trách nhiệm của mình theo Hợp đồng này.
- Bên liên quan được tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của Hợp đồng vào bất kỳ lúc nào khi mọi nguyên nhân gây cản trở hay hạn chế việc thực hiện các nghĩa vụ của mình đã chấm dứt.

ĐIỀU 5. ĐIỀU KHOẢN CHUNG:

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và mặc nhiên thanh lý khi Hai Bên hoàn thành các nghĩa vụ theo Hợp đồng này.

- Hai Bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã ghi trong Hợp đồng này. Hai Bên chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện Hợp đồng. Nếu có vấn đề bất lợi phát sinh thì các bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết và chủ động thương lượng giải quyết bảo đảm Hai Bên cùng có lợi.
- Trường hợp các nội dung tranh chấp không tự giải quyết được thì Hai Bên thống nhất chuyển vụ việc đến toà án kinh tế TP. Hải Phòng để giải quyết.
- Các chi phí đi lại, kiểm tra, giám định, lệ phí toà án, trọng tài do bên có lỗi chịu.
- Hợp đồng bao gồm 8 điều khoản được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau mỗi Bên giữ 02 bản.
- Các Bên cam kết đã đọc, hiểu rõ nội dung của Hợp đồng cùng thống nhất ký tên.

ĐẠI DIỆN BÊN A

(Ký, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Nguyễn Việt Hưng

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Ký, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Vy



TCVN ISO 9001:2015

CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT AN TOÀN VÀ ĐO LƯỜNG HẢI PHÒNG

ĐC: Số 167 Phố mới, Dương Quan, Thủy Nguyên, Thành Phố Hải Phòng
ĐT/Fax: 0225.8832.287 * SDKC/N: 95/GCN - KD; 08/2023/GCNDĐK - BCT
Email: kiemdinhvadoluonghp@gmail.com
Website: kiemdinhmstic.com

I. TỔ CHỨC, CÁ NHÂN SỬ DỤNG

Tên tổ chức, cá nhân:

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIC

- NHÀ MÁY TPGS CAO CẤP CON HEO VÀNG

Địa chỉ: Cụm CN Vĩnh Niệm, P. Vĩnh Niệm, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng

II. ĐỐI TƯỢNG KIỂM ĐỊNH

Tên đối tượng: **BÌNH GÓP HƠI**

Mã hiệu: **PTH-2019-6T-BG/TLHP**

Năm chế tạo: **2019**

Số chế tạo: **BG-047/2019**

Nhà chế tạo/ Nước chế tạo: **C. Ty TNHH Phúc Trường Hải/ Việt Nam**

Đặc tính, thông số kỹ thuật:

Áp suất làm việc : **8,0 bar**

Dung tích : **250,0 lít**

Công dụng : **Chứa, cấp hơi bão hòa**

Địa điểm lắp đặt: **Nhà nồi hơi - Tại Công Ty**

Đã được kiểm định kỹ thuật an toàn **bất thường** đạt yêu cầu theo biên bản kiểm định số: **00912/04 - MSTIC** ngày **09** tháng **04** năm **2025**

Tem kiểm định số: **00912**

Giấy chứng nhận kết quả kiểm định có hiệu lực đến ngày: **09/ 04/ 2026(*)**

Hải Phòng, ngày 12 tháng 04 năm 2025



PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Trung Chức

(*) Với điều kiện tổ chức, cá nhân sử dụng phải tuân thủ các quy định về sử dụng và bảo quản tại quy chuẩn kỹ thuật và quy định của nhà sản xuất.



ĐC: Số 167 Phố Mới - Tân Dương - Thủy Nguyên - Hải Phòng
VPGD: Phòng 307 - Tòa nhà Thắng Lợi - Số 3 Lê Thánh Tông
Máy Tơ - Ngô Quyền - Hải Phòng
Email: kiemdinhhvadoluonghp@gmail.com * Website: kiemdinhmstic.com

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

Certificate of Verification

Số (N^o): 0441.25/AK/MSTIC

Tên đối tượng:

ÁP KẾ

Object:

Kiểu: Lò xo

Số: N/A

Type:

Serial N^o:

Nơi sản xuất: WISE

Năm: N/A

Manufacturer:

Year :

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

Specifications:

Phạm vi đo: $(0 \div 15,0) \text{ kgf/cm}^2 \sim (0 \div 14,7) \text{ bar}$
Cấp chính xác: 1,5

Nơi sử dụng: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIC

Place: (NHÀ MÁY TPGS CAO CẤP CON HEO VÀNG)

Người / Đơn vị sử dụng: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIC

User: (Cụm Công nghiệp Vĩnh Niệm, P.Vĩnh Niệm, Q.Lê Chân, Tp.Hải Phòng, Việt Nam)

Phương pháp thực hiện: ĐLVN 08: 2011

Method of Verification:

Kết luận:

Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường

Conclusion:

Số tem kiểm định:

25A - 00544

Verification stamp N^o:

Thời hạn đến:

30 - 04 - 2026 (*)

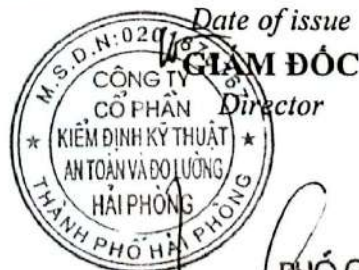
Valid until:

Hải Phòng, ngày 14 tháng 04 năm 2025

KIỂM ĐỊNH VIÊN

Verifier by

Đoàn Thế Trung



Date of issue

GIÁM ĐỐC

Director

PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Trung Chiếu

(*) Với điều kiện tôn trọng các quy định sử dụng và bảo quản (*With respectfulness of rules of use and maintenance*)



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT
AN TOÀN VÀ ĐO LƯỜNG HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐC: Số 167 Phố Mới - Tân Dương - Thủy Nguyên - Hải Phòng
VPGD: Phòng 307 - Tòa nhà Thắng Lợi - Số 3 Lê Thánh Tông
Máy Tơ - Ngô Quyền - Hải Phòng
Email: kiemdinhhvadoluonghp@gmail.com * Website: kiemdinhmstic.com

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

Certificate of Verification

Số (N^o): 0439.25/AK/MSTIC

Tên đối tượng:

ÁP KẾ

Object:

Kiểu: Lò xo

Số: N/A

Type:

Serial N^o:

Nơi sản xuất: WIKA

Năm: N/A

Manufacturer:

Year :

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

Specifications:

Phạm vi đo: (0 ÷ 25,0) bar

Cấp chính xác: 1,5

Nơi sử dụng: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIC

Place: (NHÀ MÁY TPGS CAO CẤP CON HEO VÀNG)

Người / Đơn vị sử dụng: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIC

User: (Cụm Công nghiệp Vĩnh Niệm, P.Vĩnh Niệm, Q.Lê Chân, Tp.Hải Phòng, Việt Nam)

Phương pháp thực hiện:

ĐLVN 08: 2011

Method of Verification:

Kết luận:

Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường

Conclusion:

Số tem kiểm định:

25A - 00542

Verification stamp N^o:

Thời hạn đến:

30 - 04 - 2026 (*)

Valid until:

Hải Phòng, ngày 14 tháng 04 năm 2025

KIỂM ĐỊNH VIÊN

Verifier by

Đoàn Thế Trung



Date of issue

GIÁM ĐỐC

Director

PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Trung Thiếc

(*) Với điều kiện tôn trọng các quy định sử dụng và bảo quản (*With respectfulness of rules of use and maintenance*)

MSTIC/BM02.02



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH KỸ THUẬT
AN TOÀN VÀ ĐO LƯỜNG HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐC: Số 167 Phố Mới - Tân Dương - Thủy Nguyên - Hải Phòng
VPGD: Phòng 307 - Tòa nhà Thắng Lợi - Số 3 Lê Thánh Tông
Máy Tơ - Ngô Quyền - Hải Phòng
Email: kiemdinhvadoluonghp@gmail.com * Website: kiemdinhmstic.com

GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

Certificate of Verification

Số (N^o): 0440.25/AK/MSTIC

Tên đối tượng:

ÁP KẾ

Object:

Kiểu: Lò xo

Số: N/A

Type:

Serial N^o:

Nơi sản xuất: WISE

Năm: N/A

Manufacturer:

Year :

Đặc trưng kỹ thuật đo lường:

Specifications:

Phạm vi đo: $(0 \div 15,0) \text{ kgf/cm}^2 \sim (0 \div 14,7) \text{ bar}$
Cấp chính xác: 1,5

Nơi sử dụng: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIC

Place: (NHÀ MÁY TPGS CAO CẤP CON HEO VÀNG)

Người / Đơn vị sử dụng: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VIC

User: (Cụm Công nghiệp Vĩnh Niệm, P.Vĩnh Niệm, Q.Lê Chân, Tp.Hải Phòng, Việt Nam)

Phương pháp thực hiện:

ĐLVN 08: 2011

Method of Verification:

Kết luận:

Đạt yêu cầu kỹ thuật đo lường

Conclusion:

Số tem kiểm định:

25A - 00543

Verification stamp N^o:

Thời hạn đến:

30 - 04 - 2026 (*)

Valid until:

Hải Phòng, ngày 14 tháng 04 năm 2025

Date of issue

KIỂM ĐỊNH VIÊN

Verifier by

Đoàn Thế Trung



PHÓ GIÁM ĐỐC
Lê Trung Thiệu

(*) Với điều kiện tôn trọng các quy định sử dụng và bảo quản (*With respectfulness of rules of use and maintenance*)

MSTIC/BM02.02

BIÊN BẢN KIỂM TRA

Việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường

Căn cứ Quyết định số 1082/QĐ-UBND ngày 25/4/2023 của UBND thành phố phê duyệt Kế hoạch kiểm tra định kỳ việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường năm 2023; Thông báo số 146/TB-UBND ngày 27/4/2023 của UBND thành phố về việc đính chính Quyết định số 1082/QĐ-UBND ngày 25/4/2023.

Thực hiện Quyết định số 562/QĐ-STNMT ngày 13/12/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về việc kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường tại 04 cơ sở trên địa bàn quận Lê Chân và huyện An Dương.

Hôm nay, hồi 14 giờ 30 phút ngày 21/12/2023, Đoàn Kiểm tra theo Quyết định số 562/QĐ-STNMT tiến hành kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường tại Công ty TNHH Thương mại VIC, địa chỉ Cụm CN Vĩnh Niệm, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

I. THÀNH PHẦN

1. Đoàn kiểm tra:

- Bà Đỗ Thị Hương - Phó Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường, Phó trưởng đoàn (được Ông Phạm Văn Thuận - Trưởng đoàn ủy quyền);
- Bà Vũ Thị Thu Hường - Trưởng phòng Hành chính-Tổng hợp và Kiểm soát ô nhiễm, Chi cục Bảo vệ môi trường, Thư ký;
- Ông Hoàng Trung Hiếu - Chuyên viên Chi cục Bảo vệ môi trường.
- Bà Đoàn Thị Nhất - Chuyên viên Phòng Quản lý chất thải rắn.
- Ông Lương Khắc Khoa - Chuyên viên Phòng TNMT quận Lê Chân.
- Bà Vũ Thị Quyên - Cán bộ địa chính phường Vĩnh Niệm.
- Đại diện Thanh tra Sở, Trung tâm quan trắc môi trường: có mời nhưng vắng mặt.

2. Cơ sở được kiểm tra: Công ty TNHH Thương mại VIC (sau đây gọi là Công ty).

- Ông Hoàng Văn Trịnh, Chánh văn phòng Công ty (được Tổng Giám đốc Công ty ủy quyền làm việc).

II. NỘI DUNG

Đoàn kiểm tra công bố Quyết định kiểm tra, giới thiệu thành phần, nêu mục đích, nội dung của buổi kiểm tra về việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của Công ty.

Công ty nhất trí với nội dung và kế hoạch kiểm tra của Đoàn, đồng thời báo cáo tóm tắt việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường tại Công ty (có Báo cáo ngày 18/12/2023 gửi Đoàn kiểm tra). Kết quả kiểm tra như sau:

1. Khái quát chung:

- Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200358184 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp lần đầu ngày 21/7/1999 và được đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 21/3/2021.

- Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Sản xuất thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản.

- Thời gian đi vào hoạt động: năm 1999 đến năm 2001 chuyển về cụm công nghiệp Vĩnh Niệm, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân.

- Số lượng công nhân viên: 98 trong đó có 47 người làm tại Hải Phòng, còn lại làm tại chi nhánh Hà Nội, Nam Định và thị trường.

- Diện tích đất sử dụng: 1522,3 m². Thời hạn sử dụng 50 năm.

- Công suất sản xuất: công suất thực tế 2000 tấn/tháng.

- Nguyên liệu, hóa chất sử dụng: không.

- Nguyên liệu, hóa chất sử dụng: khô đậu (3.500 tấn/năm), bột ngũ cốc (1.200 tấn/năm), bột thịt (1.220 tấn/năm), lúa mỳ (1.360 tấn/năm), ngô hạt (6.900 tấn/năm), cám (4.030 tấn/năm), các loại nguyên liệu khác (2.000 tấn/năm).

- Lượng nước sử dụng: Khoảng gần 2000 m³/tháng, nguồn cung cấp: Công ty Cổ phần cấp nước Hải Phòng.

- Lượng điện sử dụng: trung bình khoảng 184.855 KWh/tháng, nguồn cung cấp từ Chi nhánh Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng - Điện lực Lê Chân.

2. Tình hình chấp hành các thủ tục hành chính về bảo vệ môi trường

- Quyết định số 1154/QĐ-UBND ngày 7/6/2005 của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của nhà máy thực phẩm gia súc Con Heo Vàng của Công ty TNHH Thương mại VIC.

- Sổ đăng ký Chủ nguồn thải chất thải nguy hại số 82/2015/SĐK-STNMT ngày 11/5/2015 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp.

3. Các loại chất thải phát sinh trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và biện pháp giảm thiểu

3.1. Về nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 700 m³/tháng được thu gom về hệ thống bể phốt, hố ga trước khi đưa vào hệ thống nước thải của cụm công nghiệp. Nước cho khu thuê kho chủ yếu cho sinh hoạt khoảng 400 m³/tháng, được thu gom về hệ thống bể phốt và chảy ra hệ thống cống chung của khu vực.

- Nước phục vụ sản xuất khoảng 800 m³/tháng, trong đó khoảng 500 m³/tháng phục vụ lò hơi chuyển thành hơi nước bão hòa và đưa vào phối trộn cùng các nguyên liệu để ép thành viên; khoảng 300 m³/tháng phục vụ sản xuất cám cá (đi vào sản phẩm).

- Nước mưa chảy tràn được thu gom về các hố ga sau đó đưa vào hệ thống ống dẫn của cụm công nghiệp.

3.2. Khí thải, bụi và tiếng ồn:

Bụi phát sinh trong quá trình nạp nguyên liệu: tại hố đón nguyên liệu có lắp đặt thiết bị thu bụi bằng hệ thống lọc bụi tay áo, khi bụi nhiều sẽ tự rung xuống hố đón và vào máy sản xuất.

Khí thải phát sinh từ 01 lò hơi công suất 5 tấn hơi/giờ sử dụng nhiên liệu đốt là củi, mùn được thu gom, xử lý đập bụi bằng nước.

Tiếng ồn: nguồn phát sinh do thiết bị gây ra, thiết bị gây ồn có bộ giảm thanh và hoạt động bình thường.

3.3. Về chất thải rắn:

- Chất thải sinh hoạt: Phát sinh khoảng 15 kg/ngày, được thu gom chuyển giao cho Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hải Phòng, tần suất thu gom, vận chuyển 1 lần/ngày. Có Hợp đồng dịch vụ vệ sinh số 44LC3-0722/HĐ-DV ngày 04/7/2022 với Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hải Phòng để vận chuyển, xử lý chất thải sinh hoạt.

- Chất thải công nghiệp thông thường: Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh khoảng 700 kg/năm gồm: giấy hộp, giẻ; Công ty có các Hợp đồng: số 447/2021/HĐXLCT ngày 01/9/2021; số 360/2022/HĐXLCT ngày 01/9/2022; số 393/2023/HĐXLCT ngày 01/9/2023 về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường với Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Toàn Thắng; Công ty có biên bản bàn giao chất thải công nghiệp thông thường hàng năm. Chất thải công nghiệp được thu gom, lưu giữ tại góc nhà xưởng sản xuất của Công ty (phía trong nhà xưởng).

- Chất thải nguy hại: Sở đăng ký chủ nguồn thải CTNH số 82/2015/SĐK-STNMT ngày 11/5/2015, do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp. Công ty có các Hợp đồng: số 446/2021/HĐXLCT ngày 01/9/2021; số 359/2022/HĐXLCT ngày 01/9/2022; 392/2023/HĐXLCT ngày 01/9/2023 với Công ty TNHH TM Dịch vụ Toàn Thắng về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại. Căn cứ các chứng từ CTNH do Công ty cung cấp, hàng năm công ty có chuyển giao CTNH.

3.4. Về quan trắc môi trường:

Theo báo cáo đánh giá tác động môi trường tần suất quan trắc là 6 tháng/lần. Năm 2022 và năm 2023 Công ty đã thực hiện quan trắc đầy đủ theo quy định.

4. Ý kiến của các thành viên Đoàn kiểm tra.

- Đại diện UBND quận Lê Chân: năm 2022 có nghị của dân về mùi và khói đen của Công ty, đã được cơ quan lý giải quyết. Từ thời điểm đó đến nay địa phương chưa nhận được đơn thư nào của dân; Công ty đã báo cáo UBND quận việc nâng chiều cao ống khói, nhập nguyên liệu sản phẩm không gây ô nhiễm môi trường, Công ty đã gửi báo cáo môi trường năm 2022.

- Đại diện UBND phường Vĩnh Niệm: Hiện nay, Ủy ban nhân dân phường không nhận được đơn thư của dân, mùi phát sinh từ quá trình sản xuất đã đỡ nhiều.

- Đại diện Phòng Quản lý Chất thải rắn: Công ty đã thu gom, lưu giữ và hợp đồng với đơn vị chức năng để vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại; có biên bản bàn giao chất thải công nghiệp, chứng từ CTNH. Tuy nhiên, việc thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 gồm 3 nhóm: chất thải tái chế, chất thải thực phẩm, chất thải khác.

5. Nhận xét của Đoàn kiểm tra

Công ty trong quá trình hoạt động đã có ý thức chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường. Công ty đã có báo cáo đánh giá tác động môi trường được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt, có Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH, thực hiện quan trắc môi trường đối với nước thải, không khi làm việc, các thông số quan trắc đều nằm trong giới hạn cho phép; đã có các biện pháp nâng cao ống khói, kiểm soát được một phần mùi, đã chấp hành xử phạt hành chính đối với hành vi thực hiện không đúng, không đầy đủ một trong các nội dung quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định.

Tuy nhiên việc thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 gồm 3 nhóm: chất thải tái chế, chất thải thực phẩm, chất thải khác.

6. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với Công ty

- Khẩn trương hoàn thiện hồ sơ để được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép môi trường theo quy định.

- Tăng cường vệ sinh môi trường công nghiệp; bố trí các khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp theo đúng quy định tại Thông tư số 02/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Nghiêm túc chấp hành đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường, các nội dung theo Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; quản lý các loại chất thải phát sinh và vận hành hệ thống xử lý nước thải đảm bảo theo quy định; thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 gồm 3 nhóm: chất thải tái chế, chất thải thực phẩm, chất thải khác; lập và gửi Báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm theo đúng quy định tại Thông tư số 02/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Thực hiện nghiêm các quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

7. Ý kiến của Công ty

Công ty nhất trí với nội dung nhận xét và yêu cầu của Đoàn kiểm tra; cam kết thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động; khắc phục tồn tại trong thời gian sớm nhất.

Biên bản được lập thành 03 bản tại địa điểm hoạt động của Công ty, kết thúc lúc 17 giờ 00 cùng ngày kiểm tra giữ 02 bản và Công ty giữ 01 bản được đọc lại cho những người tham dự cùng nghe và nhất trí ký tên./.



CHÁNH VĂN PHÒNG
Hoàng Văn Trinh

TM. ĐOÀN KIỂM TRA
KT. TRƯỞNG ĐOÀN
PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN

Đỗ Thị Hương
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG
CHI CỤC BVMT

THƯ KÝ
ĐOÀN KIỂM TRA

Vũ Thị Thu Hường

CÁC THÀNH VIÊN ĐOÀN KIỂM TRA

Nguyễn Văn Minh
Lê Thị Thuý Hằng
Lê Văn Khoa
Đoàn Thị Nhật

Số 20/2014/QĐ

QUY ĐỊNH CHỈ ĐẠO THỰC HÀNH

QUY ĐỊNH CHỈ ĐẠO THỰC HÀNH

THAM DUYỆT THIẾT KẾ KẾ VẠ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 19/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7, Thông tư số 66/2014/TT-BGA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 19/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 60/QĐ-VIC gửi ngày 23/8/2017 của Công ty TNHH thương mại VIC;

Người đại diện là ông Nguyễn Văn Lợi;

Chức danh: Tổng giám đốc

CÁN SÁT PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG CHUNG NHẬN

Công trình: Nhà xưởng, nhà kho vận phòng Công ty TNHH thương mại VIC

Địa điểm xây dựng: Công đồng nghiệp Vinh Niệm, phường Vinh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH thương mại VIC

Đơn vị thiết kế: Công ty cổ phần xây dựng và thương mại Sông Xanla

Công ty TNHH thiết bị PCCC Quang Trung

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

1. Bảo chữa lửa hàng ngày trên cháy và chữa cháy;
2. Giao thông phục vụ chữa cháy; Không cản trở an toàn PCCC;
3. Lối thoát nạn; Đèn chiếu sáng an toàn; Đèn chỉ dẫn thoát nạn;
4. Giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan;
5. Hệ thống chữa cháy (cơ sở nguyên lý điện); Hệ thống chống sét;
6. Hệ thống thông gió thoát khói (thông gió tự nhiên);
7. Hệ thống báo cháy tự động;
8. Hệ thống chữa cháy tự động (bơm chữa cháy, bể nước chữa cháy, nhà xưởng);
9. Hệ thống chữa nước chữa cháy;
10. Phương tiện chữa cháy xách tay;

Theo các tài liệu, bản vẽ gửi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo:

1. Lối thoát nạn tại nhà xưởng, nhà kho hiện là cửa đẩy ngang, yêu cầu lắp đặt cửa mở ngược làm việc bên trong;
2. Chủ đầu tư phải đảm bảo an toàn PCCC với công trình trong suốt quá trình thi công đến khi nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng;
3. Công trình phải được Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy thành phố Hải Phòng kiểm tra nghiệm thu và PCCC trước khi đưa vào sử dụng.

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư;
- Lưu: HMP/CDD.

Hải Phòng, ngày 15 tháng 08 năm 2017

CHIEU PHONG CHAY VA CHUA CHAY

CHIEU PHONG CHAY VA CHUA CHAY

CHIEU PHONG CHAY VA CHUA CHAY

CHIEU PHONG CHAY VA CHUA CHAY

CHIEU PHONG CHAY VA CHUA CHAY

CHIEU PHONG CHAY VA CHUA CHAY

CHIEU PHONG CHAY VA CHUA CHAY

CHIEU PHONG CHAY VA CHUA CHAY

CHIEU PHONG CHAY VA CHUA CHAY

**DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

STT	TÊN TÀI LIỆU, BẢN VẼ	KÝ HIỆU	GHI CHÚ
1	Bậc chịu lửa;	KT-TP1-01 đến 06, KC-TP1-04 đến 12 KT-TP2-01 đến 06, KC-TP2-04 đến 12 KT-SX1-01 đến 06, KC-SX1-04 đến 28 KT-SX2-01 đến 06, KC-SX2-04 đến 23 KT-KNL-01 đến 06, KC-KNL-05 đến 18 KT-VP-01 đến KT-VP-10	
2	Hạng nguy hiểm cháy và cháy nổ;	Hồ sơ thiết kế	
3	Giao thông phục vụ chữa cháy;	TMBCT	
4	Khoảng cách an toàn PCCC;	TMBCT	
5	Lối thoát nạn;	KT-TP1-01, KC-TP1-13, 15 KT-TP2-01, KC-TP2-13 KT-SX1-01, KC-SX1-20, 29, 33 KT-SX2-01, KC-SX2-15, 26; KT-KNL-01; KC-KNL-19, 21 KT-VP-01 đến KT-VP-03; KT-VP-12	
6	Đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn;	Đ-TP1-01; Đ-TP2-01; Đ-SX1-01 đến 04; Đ-SX2-01 đến 03; Đ-KNL-01; Đ-VP-01 đến 03	
7	Giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan;	KT-TP1-01, 03; KT-TP2-01; KT-SX1-01; KT-SX2-01; KT-KNL-01, 03, 06; KT-VP-01 đến KT-VP-03	
8	Hệ thống điện (sơ đồ nguyên lý);	Đ-KNL-03	
9	Hệ thống chống sét;	CS-01, CS-02	
10	Hệ thống thông gió thoát khói (thông gió tự nhiên);	KT-TP1-01; KT-TP2-01; KT-SX1-01; KT-SX2-01; KT-KNL-01; KT-VP-01 đến KT-VP-03	
11	Hệ thống báo cháy tự động;	BC-TP1-01,02; BC-TP2-01,02; BC-SX1-01,02; BC-SX2-01,02; BC-KNL-01,02; BC-VP-01 đến BC-VP-04; SĐBC	
12	Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler bằng nước nhà xưởng, nhà kho	CC-TP1-01,02; CC-TP2-01, 02; CC-SX1-01; CC-SX2-01; CC-KNL-01; SĐ-TB, SĐKG	
13	Hệ thống cấp nước chữa cháy;	SĐKG; CC-TP1-01,02; CC-TP2-01, 02; CC-SX1-01 đến 04; CC-SX2-01 đến 03; CC-KNL-01; CC-VP-01 đến 03	
14	Phương tiện chữa cháy xách tay;	BCC-TP1-01; BCC-TP2-01; BCC-SX1-01 đến 04; BCC-SX2-01 đến 03; BCC-KNL-01; BCC-VP-01 đến 03	

Số: 1136 /QĐ-XPFC

Hải Phòng, ngày 10 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Xử phạt vi phạm hành chính

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

[Signature]
Nộp phạt!

Căn cứ Điều 57, Điều 68, Điều 70, Điều 78, Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020);

Căn cứ Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 731/QĐ-GQXP ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính;

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số 08/BB-VPFC ngày 12 tháng 3 năm 2025 do Sở Nông nghiệp và Môi trường lập;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 73/TTr-SNNMT ngày 02 tháng 4 năm 2025, Công văn số 862/SNNMT-TTtra ngày 04 tháng 4 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với tổ chức có tên sau đây:

1. Công ty TNHH Thương mại VIC.

Địa chỉ trụ sở chính: Cụm công nghiệp Vĩnh Niệm, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

Đăng ký kinh doanh số 0200358184, đăng ký lần đầu ngày 21/7/1999, thay đổi lần thứ 16 ngày 21/3/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Việt Hưng.

Quốc tịch: Việt Nam. Chức danh: Giám đốc điều hành.

2. Đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính:

Đang hoạt động mà không có giấy phép môi trường theo quy định (trường hợp cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường theo quy định thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).

Cụ thể: Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản do Công ty TNHH Thương mại VIC làm chủ đầu tư thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực thi hành. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, Công ty TNHH Thương mại VIC vẫn chưa có Giấy phép môi trường theo quy định.

3. Quy định tại: Điểm c khoản 3 Điều 14 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/07/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

4. Các tình tiết tăng nặng: Không

5. Các tình tiết giảm nhẹ: Không

6. Bị áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

a) Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền

Phạt tiền với mức phạt **320.000.000 đồng** (*Ba trăm hai mươi triệu đồng*)

b) Hình thức phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải mà không có giấy phép môi trường của Công ty TNHH Thương mại VIC trong thời hạn 4,5 tháng (theo quy định tại điểm a Khoản 5 Điều 14 Nghị định 45/2022/NĐ-CP ngày 07/07/2022 của Chính phủ).

c) Biện pháp khắc phục hậu quả:

Không áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: “Buộc di dời dự án đầu tư, cơ sở đến địa điểm phù hợp với quy hoạch, phân vùng môi trường, khả năng chịu tải của môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các trường hợp vi phạm không có giấy phép môi trường được cấp theo quy định tại điểm c khoản 2, điểm c khoản 3 và điểm c khoản 4 Điều này mà địa điểm đang thực hiện dự án đầu tư, cơ sở không phù hợp với quy hoạch, phân vùng môi trường, khả năng chịu tải của môi trường được phê duyệt theo quy định” quy định tại điểm d Khoản 6 Điều 14 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định.

Lý do: Không đủ căn cứ xác định địa điểm đang hoạt động của Công ty TNHH Thương mại VIC không phù hợp với quy hoạch, phân vùng môi trường, khả năng chịu tải của môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại điểm d khoản 6 Điều 14 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao cho Ông Nguyễn Việt Hưng là đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Thương mại VIC bị xử phạt có tên tại Điều 1 Quyết định này để chấp hành. Công ty TNHH Thương mại VIC có tên tại Điều 1 phải nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định xử phạt này trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Nếu quá thời hạn mà Công ty không tự nguyện chấp hành sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật.

a) Công ty TNHH Thương mại VIC bị xử phạt có tên tại Điều 1 phải nộp tiền vào tài khoản số 7111, mã số ĐVQHNS: 1048998, Chương 426, tiểu mục 4261 của Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) mở tại Kho bạc nhà nước thành phố Hải Phòng (nay là Kho bạc Nhà nước khu vực III). Địa điểm nộp phạt tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng, số 275 Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Sau khi chấp hành nộp tiền phạt, Công ty TNHH Thương mại VIC gửi chứng từ về Thanh tra Sở Nông nghiệp và Môi trường, địa chỉ: số 275 Lạch Tray, phường Đằng Giang, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

b) Công ty TNHH Thương mại VIC có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho Kho bạc Nhà nước khu vực III để theo dõi, tổng hợp tiền phạt.

3. Gửi cho Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổ chức thực hiện.

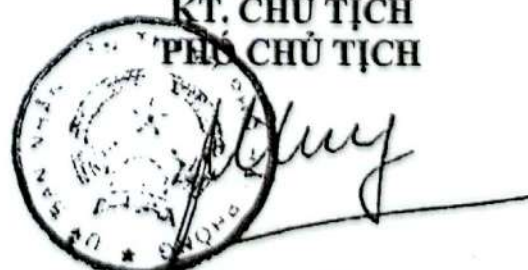
4. Gửi cho Ủy ban nhân dân quận Lê Chân để chủ trì tổ chức đình chỉ hoạt động của nguồn phát sinh chất thải mà không có giấy phép môi trường của cơ sở theo đúng quy định của pháp luật.

5. Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Niệm để biết và phối hợp đồn đốc thực hiện./.

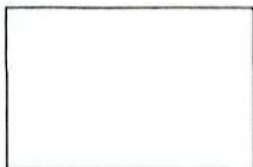
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, PCT TT;
- PCT Hoàng Minh Cường;
- Các Sở: NN&MT, TP;
- CVP, PCVP Phạm Anh Tuấn;
- Các phòng: NNTNMT, NCKTGS;
- Lưu: VT, MT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Minh Cường



GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Tiền mặt ☐ chuyển khoản ☒
(Đánh dấu x vào ô tương ứng)



Mẫu số: C1 - 02/NC

Số:

Người nộp thuế: Công ty TNHH Thương mại VIC

Mã số thuế: 0200358184.

Địa chỉ: Khu CN Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, TP Hải Phòng

Người nộp thay:

Địa chỉ: Huyện: Tỉnh, TP:

Đề nghị NH (KBNN): TM Á Châu, CN Hải Phòng

Trích tài khoản số: 3408659

để chuyển cho KBNN khu vực III: TK số 7111

Tỉnh, TP: Hải Phòng

Để ghi thu NSNN ☒ hoặc nộp vào TK tạm thu số:

Cơ quan quản lý thu: Sở Nông nghiệp và môi trường

Mã ĐVQHNS: 1048998

theo QĐ số: 1136/QĐ-XPHC ngày 10/04/2025

Loại hình

(hoặc) Bảng kê biên lai số:

ngày

STT	Nội dung các khoản nộp NS	Mã chương	Tiểu mục	Số tiền
1	Nộp phạt theo QĐ số 1136/QĐ-XPHC ngày 10/04/2025	426	4261	320.000.000
Tổng cộng				320.000.000

Tổng số tiền bằng chữ: Ba trăm hai mươi triệu đồng chẵn ./.

PHẦN KBNN GHI

Mã quỹ: Mã ĐBHC:

Nợ TK:

Mã KBNN: Mã nguồn NS:

Có TK :

ĐỐI TƯỢNG NỘP TIỀN

Ngày 18 tháng 04 năm 2025

Người nộp tiền Kế toán trưởng

[Signature]

PHÓ PHÒNG TC - KT

Nguyễn Thị Luyện



GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Nguyễn Việt Hưng

NGÂN HÀNG A

Ngày 18 tháng 04 năm 2025

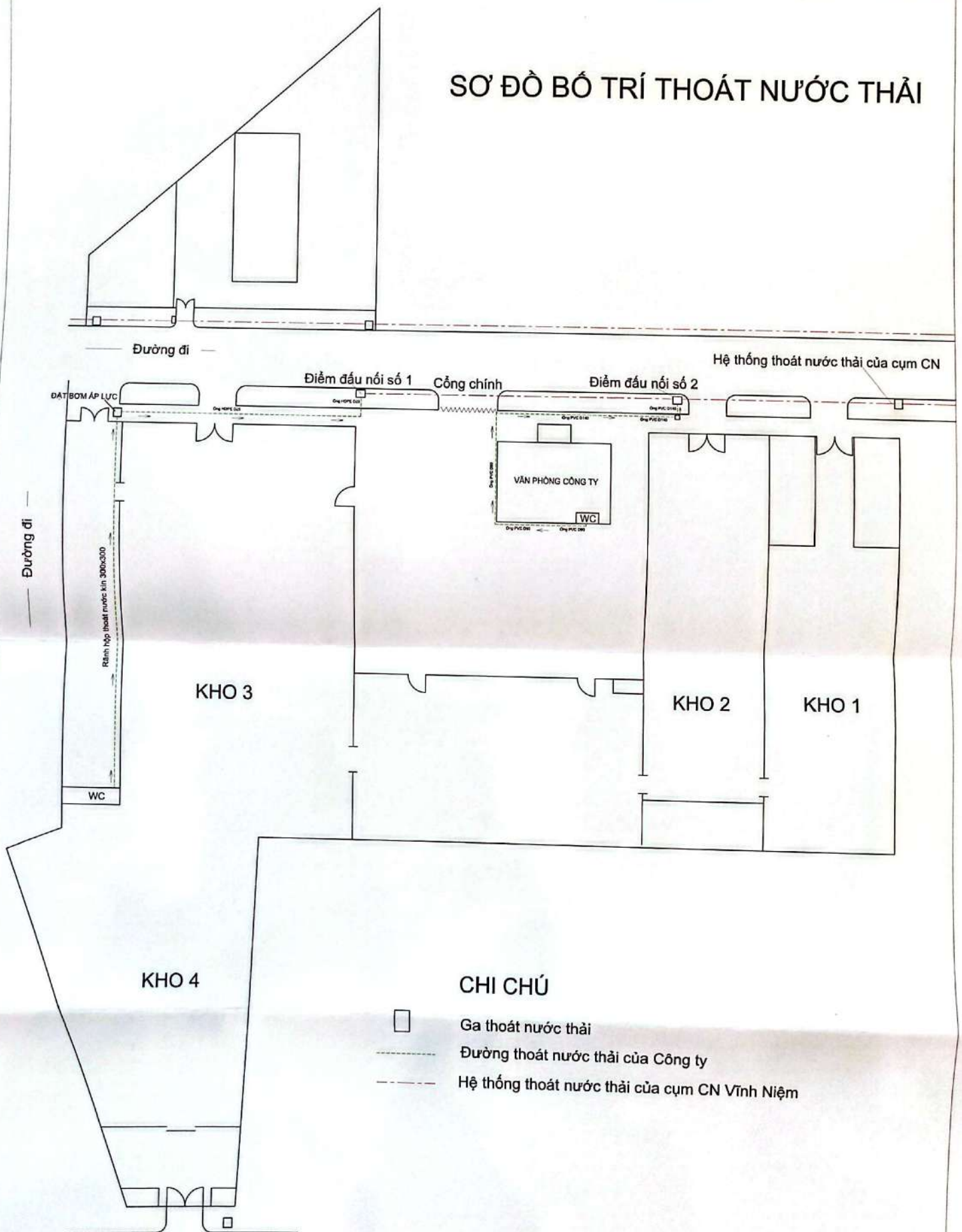
Kế toán Kế toán trưởng



KIỂM SOÁT VIÊN

Nguyễn Thị Minh Châu

SƠ ĐỒ BỐ TRÍ THOÁT NƯỚC THẢI



Địa chỉ: 28₈₈ KP.13 - P. Hồ Nai - TP. Biên Hòa - T. Đồng Nai

DỰ ÁN : LÒ HƠI - 6T/H - THĂNG LONG - HẢI PHÒNG
(PTH/6.000 FB - 12/047)

Se Shi Shi

Biên Hòa. Ngày 23... tháng 11... năm 2019...

[illegible]

Không dùng thuốc đo kích thước trên bàn và

MỤC DỊCH PHÁT HÀNH

☐ BẢO GIÀ
☐ PHÉ CHUẨN

☐ XIN PHÉP

☐ THI CÔNG

HOÀN CÔNG

HIỆU CHỈNH	
STT	NỘI DUNG

--	--	--	--	--

Chợ đầu tư

CÔNG TY TNHH

KIM TRƯỜNG PHÚC

TP. Biên Hòa - Đồng Nai

CÔNG TY TNHH
NƯỚC TRUYỀN HẠT

Địa chỉ: 7/5, KP. 13 - P. Hồ Nai - TP. Biên Hòa - T. Đồng Nai

Giám đốc điều hành
Nguyễn Đại Văn

Người Vẽ	Ký tên	Ngày
Nguyễn Văn Chính		
Trương Hữu Vương		

Klein Ira	
H.T. Lan Phuong	
Duyet	

Nguyễn Đại Văn		
Đem ví thí công & báo đất:		



**CÔNG TY TNHH
PHÚC TRƯỜNG HẢI**

Địa chỉ: 36_A, KP.13 - P. Hồ Nai -
TP. Biên Hòa - T. Đồng Nai

NGƯỜI ĐỌC (READ PART):		
Nguyễn Đại Văn		
Người và	Ký tên	Ngày

Nguyen Van Chinh		
Truong Hieu Vuong		
Kalmira		

H.T. Lan Phuong	
Duyet	
Nguyen Dai Van	

Dự án:

LƯU HỒI 61/h
THĂNG LONG - HẢI PHÒNG

Tên bản vẽ:

BẢN VẼ PID

Ti lệ:	Số lượng:
--------	-----------

Số hiệu dự án	PTH - 6T
Số hiệu bản vẽ	HP-BV-LH-047

Tổng số bản vẽ	
Nhảy nhót hành	10/2019

Kiểm duyệt trước khi thi công
Trên bản vẽ

MỤC DỊCH PHÁP HÀNH

- ☐ BẢO GIÀ
- ☐ PHỄ CHỤN
- ☐ XIN PHÉP
- ☐ THAI CÔNG
- ☒ HOÀN CÔNG

HIỆU CHỈNH

STT NGÀY NỘI DUNG

CHỮ CHỮ

CÔNG TY TNHH
KIM TRƯNG PHƯỚC

CÔNG TY TNHH
PHÚC TRƯỞNG HẢI

CÔNG TY TNHH
PHÚC TRƯỞNG HẢI

CÔNG TY TNHH
PHÚC TRƯỞNG HẢI

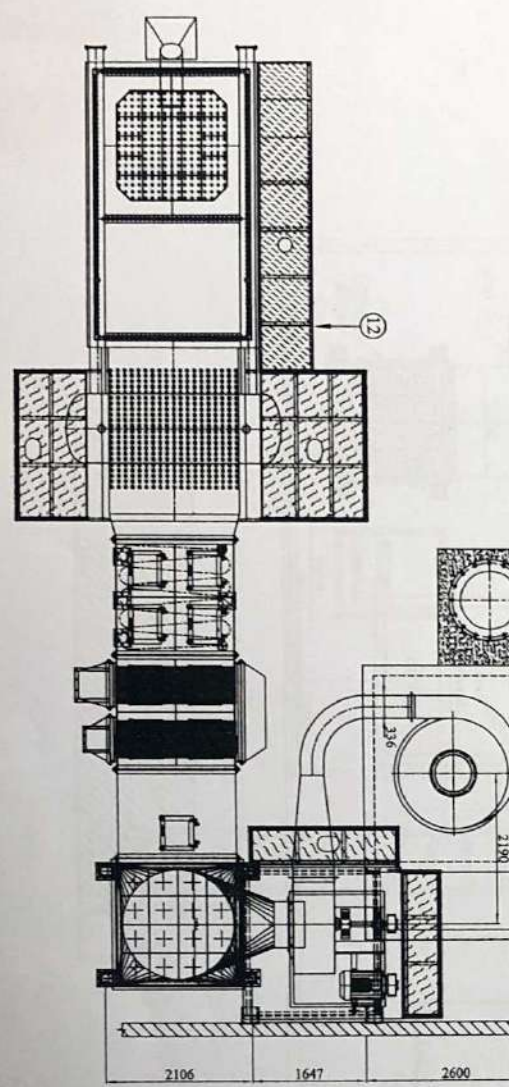
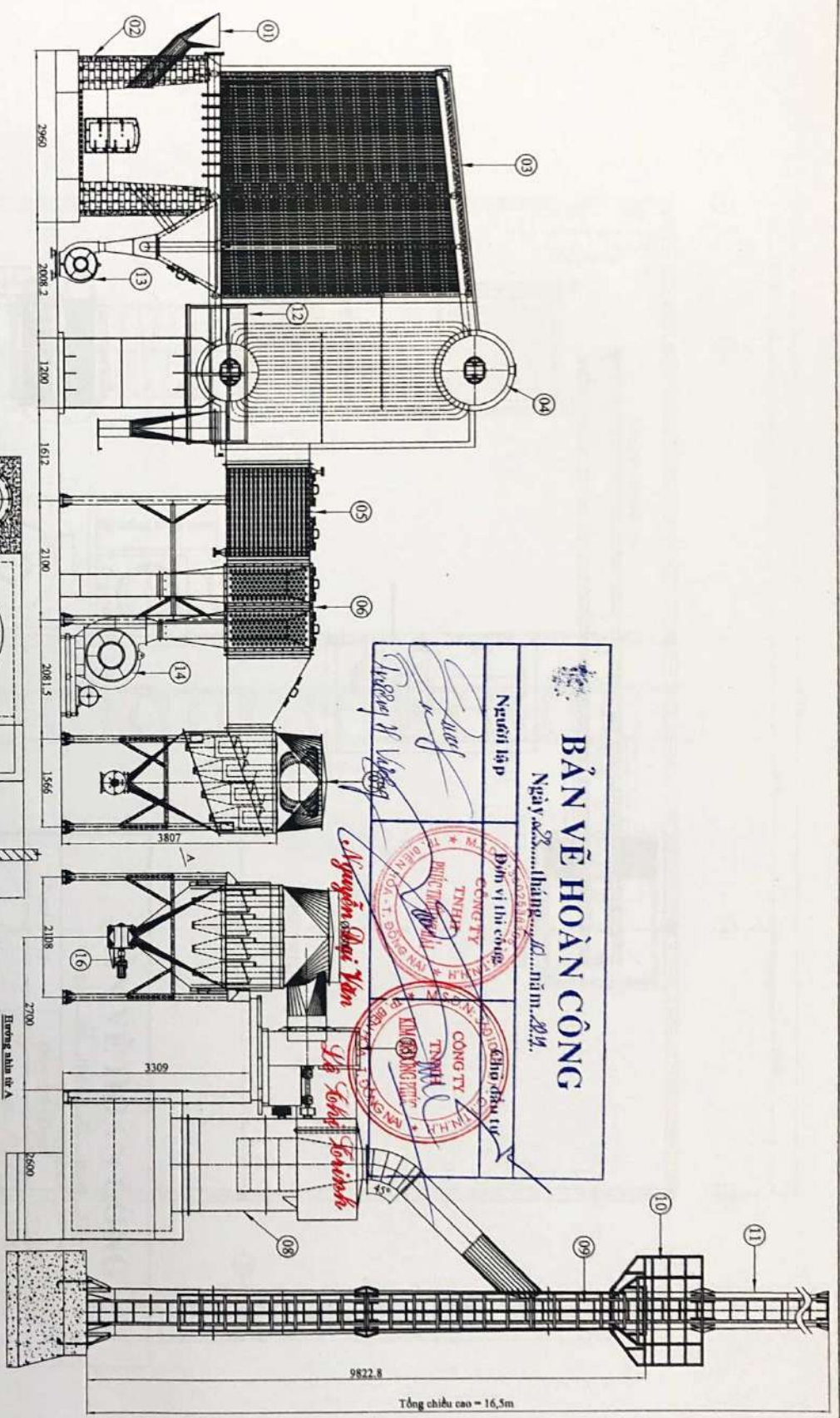
CÔNG TY TNHH
PHÚC TRƯỞNG HẢI

CÔNG TY TNHH
PHÚC TRƯỞNG HẢI

CÔNG TY TNHH
PHÚC TRƯỞNG HẢI

CÔNG TY TNHH
PHÚC TRƯỞNG HẢI

CÔNG TY TNHH
PHÚC TRƯỞNG HẢI



STT	TÊN THIẾT BỊ	GHI CHÚ
01	Hệ cấp liệu	
02	Buồng đốt tầng sôi (phần xây gạch)	
03	Phân sinh hơi bức xạ	
04	Phân sinh hơi cụm đốt lưu	
05	Bộ tiết kiệm nhiệt - Bộ bơm nước	
06	Bộ tiết kiệm nhiệt - Bộ sấy không khí	
07	Cyclone xử lý bụi	
08	Cầu thang ống khói	
09	Sàn thao tác ống khói	
10	Ống khói	
11	Sàn thao tác lò hơi	
12	Quạt gió cấp 2	
13	Quạt gió cấp 1	
14	Quạt hút gió	
15	Van xoay lấy tro	
16		

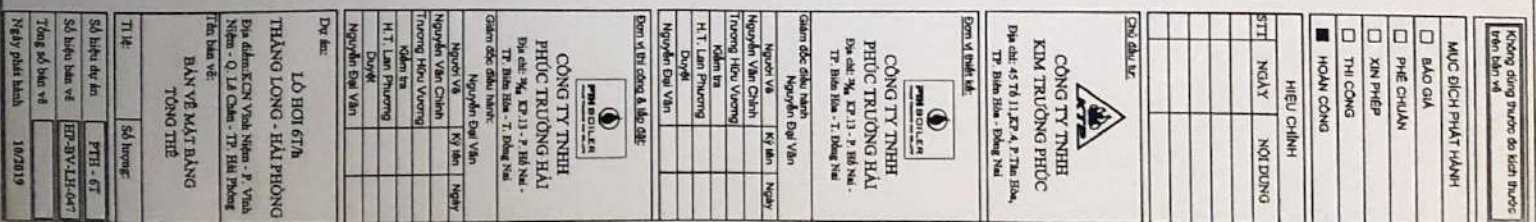
THẲNG LONG - HAI PHÒNG

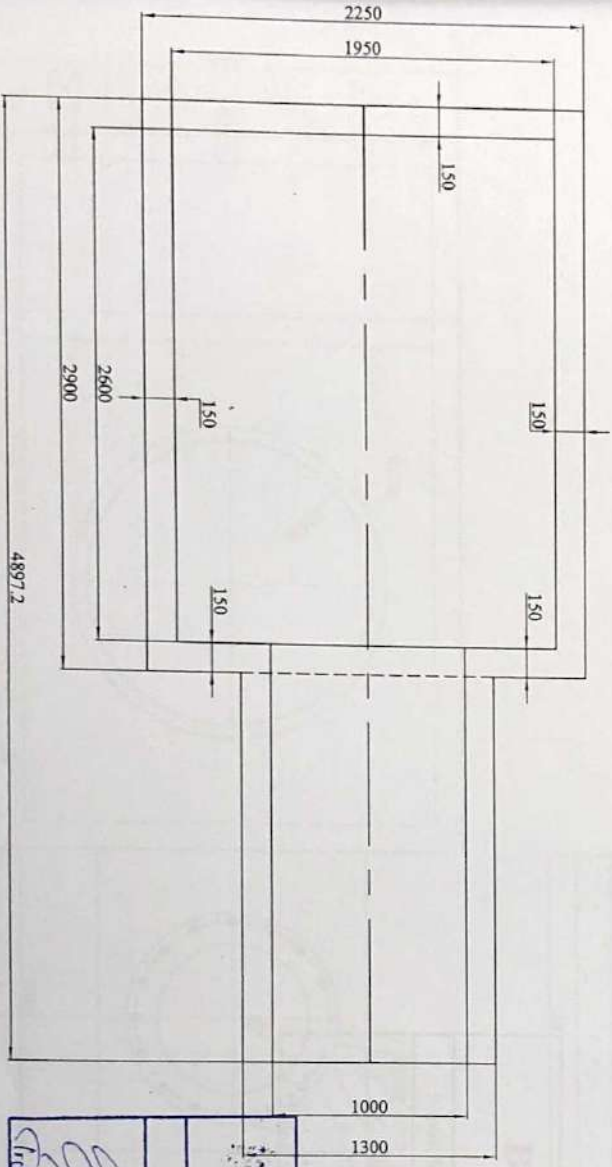
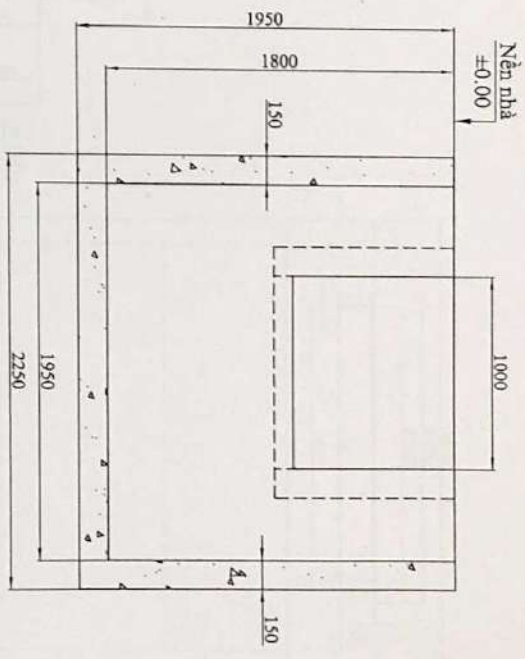
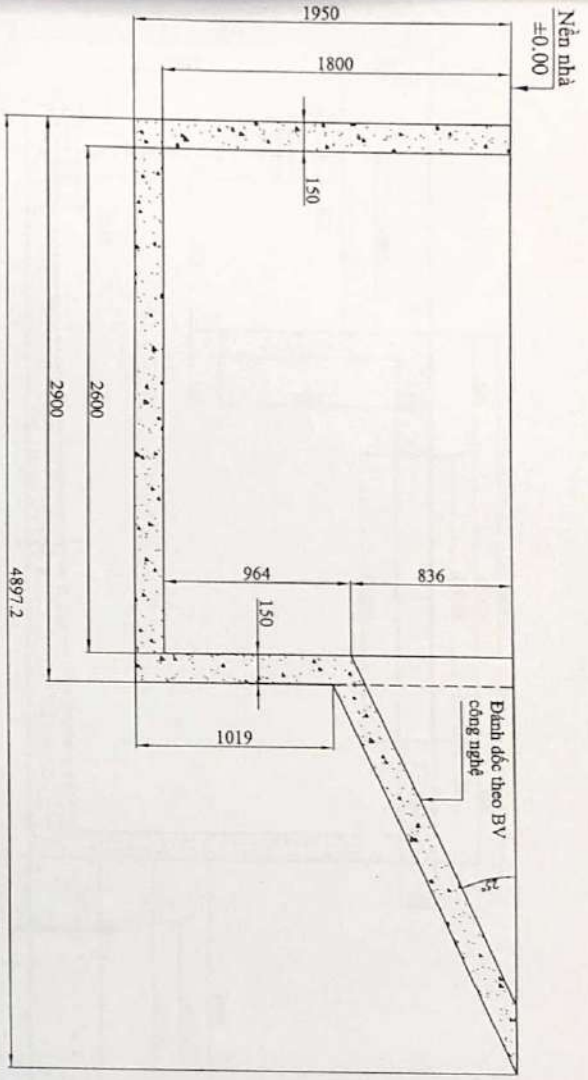
Địa chỉ: KCN Vĩnh Yên - P. Vĩnh Yên - Q. Vĩnh Yên - TP. Vĩnh Yên

Điện thoại: 0311.311.1111

Website: www.thanglong.com.vn

Ngày phát hành: 10/2019





Chú ý: - Tất cả các kích thước đo trên cao

- Hồ đất bằng tại chế tạo bằng bê tông cốt thép, phần sắt đan bên trong và nền hạ bên dưới xây dựng tính toán.

Lưu ý: - Hồ cấp liệu làm an xuống đất, vị trí cốt +0.00 là nền tường.

- Vết dốc theo bản vẽ công nghệ

BẢN VẼ HOÀN CÔNG	
Ngày... tháng... năm...	
Người lập	Duyệt và ghi công
Chú dấu	

Trần Hồng Vang
Nguyễn Đức Văn
Đoàn Thị Quỳnh

Kiểm tra đúng theo đồ kiến trúc trên bản vẽ

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH	
☐	BẢO GIẢ
☐	PHÊ CHẤM
☐	XIN PHÉP
☐	THI CÔNG
☒	HOÀN CÔNG

HIỆU CHỈNH	
STT	NGÀY
MÔ DUNG	

CÔNG TY TNHH KIM TRƯỜNG PHƯỚC

Địa chỉ: 45/78 11/XP 4, P. Tân Hòa, TP. Bình Hòa - Đồng Nai

CÔNG TY TNHH PHƯỚC TRƯỜNG HẢI

Địa chỉ: 45/78 11/XP 4, P. Tân Hòa, TP. Bình Hòa - Đồng Nai

Giám đốc kỹ thuật	
Nguyễn Đức Văn	Ký tên
Nguyễn Văn Chanh	Ký tên
Trương Hữu Vương	Ký tên
Kiểm tra	Ký tên
H. T. Lan Phương	Ký tên
Duyệt	Ký tên
Nguyễn Đức Văn	Ký tên

CÔNG TY TNHH PHƯỚC TRƯỜNG HẢI

Địa chỉ: 45/78 11/XP 4, P. Tân Hòa, TP. Bình Hòa - Đồng Nai

Giám đốc đầu tư	
Nguyễn Đức Văn	Ký tên
Nguyễn Văn Chanh	Ký tên
Trương Hữu Vương	Ký tên
Kiểm tra	Ký tên
H. T. Lan Phương	Ký tên
Duyệt	Ký tên
Nguyễn Đức Văn	Ký tên

LỖ HƠI GIỮA

THÀNH LONG - HẢI PHÒNG

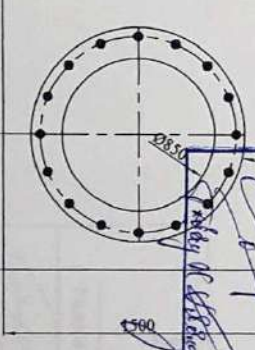
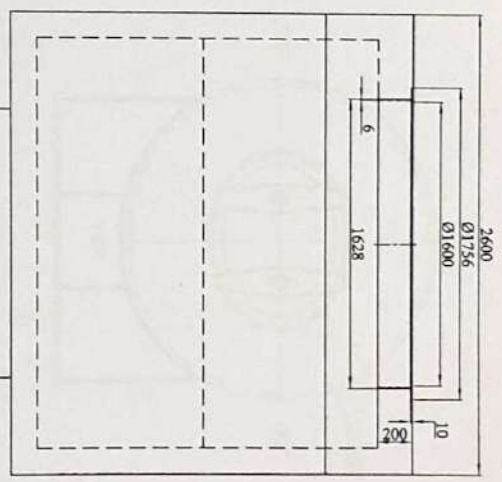
Địa chỉ: KCN Vĩnh Niệm - P. Vĩnh Niệm - Q. Lê Chân - TP. Hải Phòng

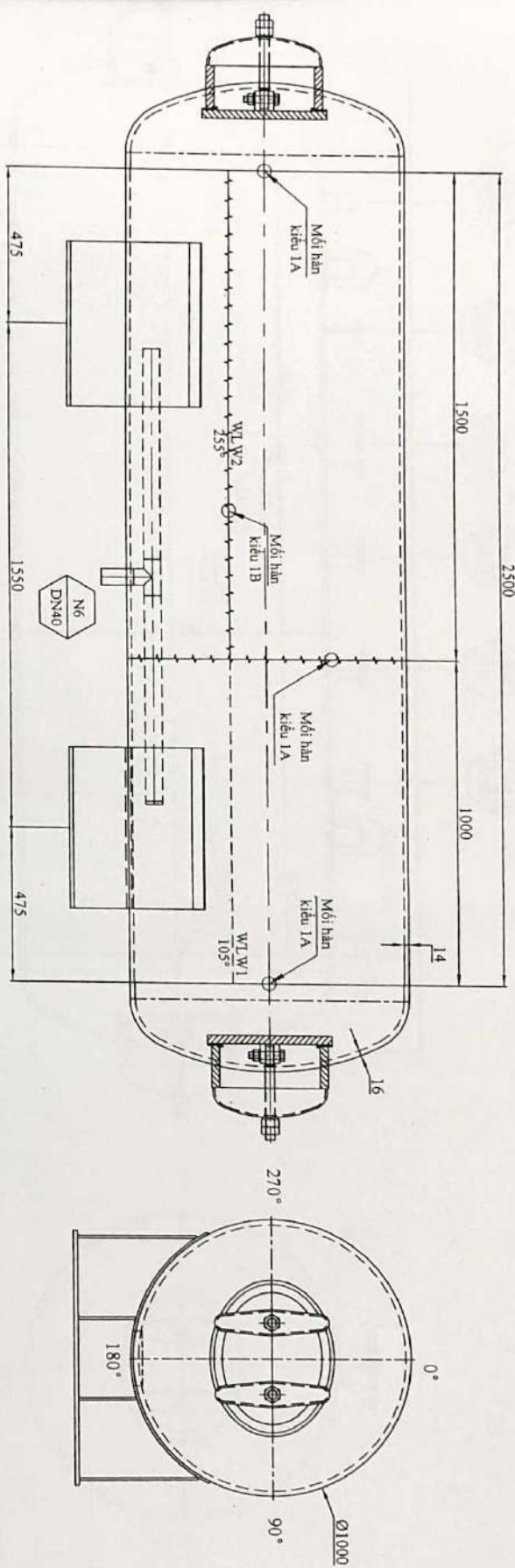
Tên bản vẽ:

BẢN VẼ MONG HỒ LIỆU

T. H.	
Số biên dự án	PTH - 67
Số biên bản vẽ	HP-BV-LH-047
Tổng số bản vẽ	
Ngày phát hành	10/2019

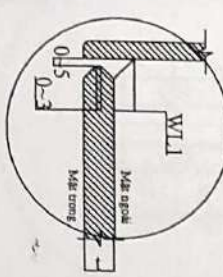
Số hiệu dự án	PTH - 6T
Số hiệu bản vẽ	HP-BV-LH-047
Tổng số bản vẽ	





Hình trích B1
Mối hàn kiểu 1A
Tỉ lệ: 5:1

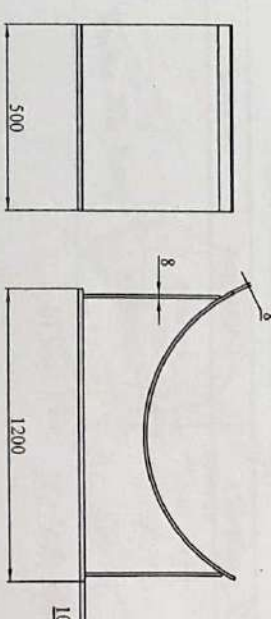
Hình trích B2
Mối hàn kiểu 1B
Tỉ lệ: 5:1



Hình trích C
Mối hàn kiểu C
Tỉ lệ: 5:1

Yêu cầu kỹ thuật:

- Vật liệu chế tạo thân và chòm cầu: A515 - GR70 x 14, 16mm
- Dung sai lắp ghép chòm và thân:
 - + Độ lệch mép ngoài khi ráp < 1mm
 - + Thân theo nắp sai lệch cho vị so với nắp (đo theo chu vi ngoài) ± 3 mm
- Mọi dung sai lắp ghép giữa thân và chòm cùng về một hướng



BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày... tháng... năm...

Người lập

Người kiểm tra

Người phê duyệt

Người ghi chép

Nguyễn Văn Vương

☐ BẢO GIẢ ☐ PHỄ CHUÂN ☐ XIN PHÉP ☐ TH CÔNG ☒ HOÀN CÔNG		HỆ THỐNG STT: ... NGÀY: ... NỘI DUNG: ...		CÔNG TY TNHH KIM TRƯỜNG PHÚC Địa chỉ: 45 T.11 X.4 P. Tân Hòa TP. Bình Hòa - Tỉnh Ninh Thuận	
Người vẽ Nguyễn Văn Vương Kỹ sư Ngày: ...		Người kiểm tra Nguyễn Văn Vương Kỹ sư Ngày: ...		Người phê duyệt Nguyễn Văn Vương Kỹ sư Ngày: ...	
Đơn vị thi công & lắp đặt CÔNG TY TNHH PHÚC TRƯỜNG HẢI Địa chỉ: 96, KP. 11 - P. Hải Hòa - TP. Bình Hòa - Tỉnh Ninh Thuận		Đơn vị giám sát Nguyễn Văn Vương Kỹ sư Ngày: ...		Đơn vị nghiệm thu Nguyễn Văn Vương Kỹ sư Ngày: ...	
Đơn vị lắp đặt Nguyễn Văn Vương Kỹ sư Ngày: ...		Đơn vị nghiệm thu Nguyễn Văn Vương Kỹ sư Ngày: ...		Đơn vị phê duyệt Nguyễn Văn Vương Kỹ sư Ngày: ...	

Kính gửi Ban Giám đốc Công ty TNHH Kim Trường Phúc

MỤC DỊCH PHẠT HÀNH

- ☐ BẢO GIẢ
- ☐ PHỄ CHỤN
- ☐ XIN PHỄ
- ☐ TH CÔNG
- ☒ HOÀN CÔNG

HIỆU CHỈNH

STT NGÀY NỘI DUNG

CHỮ ĐẤU BÉ

CÔNG TY TNHH
KIM TRƯỜNG PHÚC

Địa chỉ: 45 T. 11 KP. 4 P. Thủ Đức
TP. Bình Thạnh - TP. Hồ Chí Minh

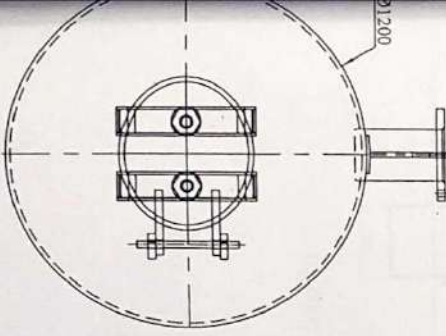
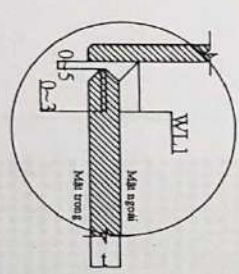
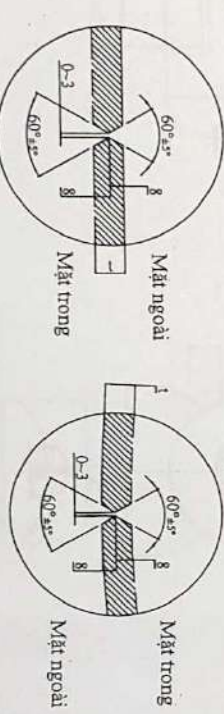
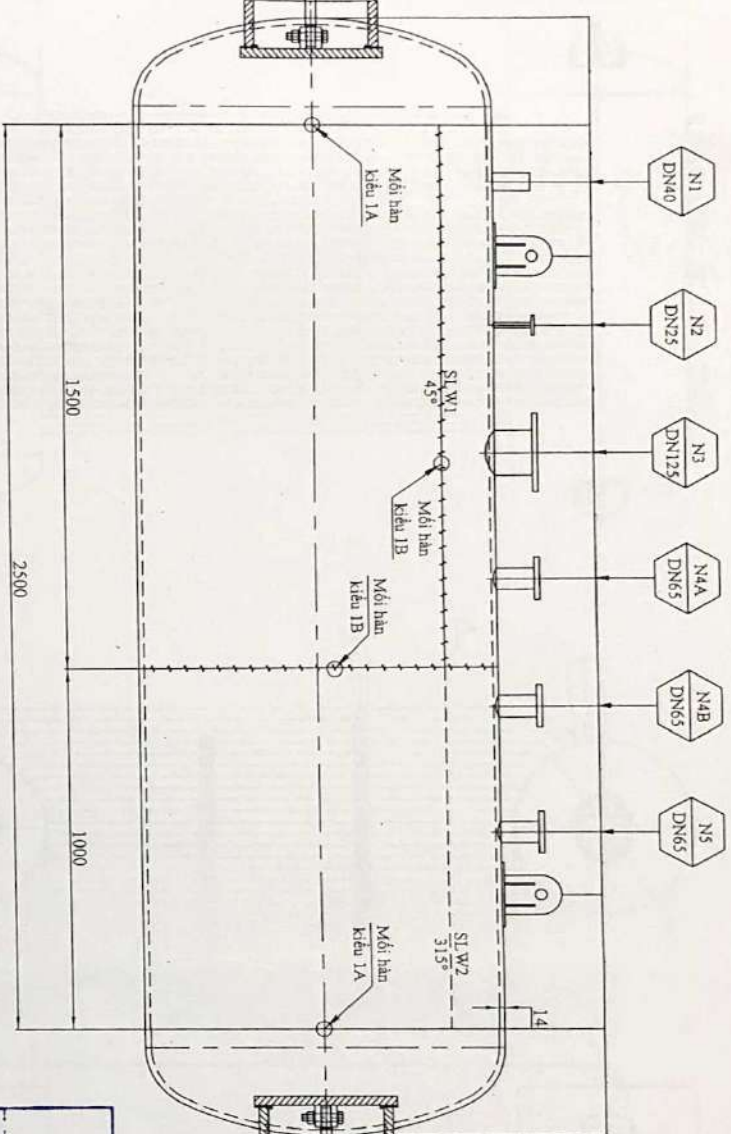
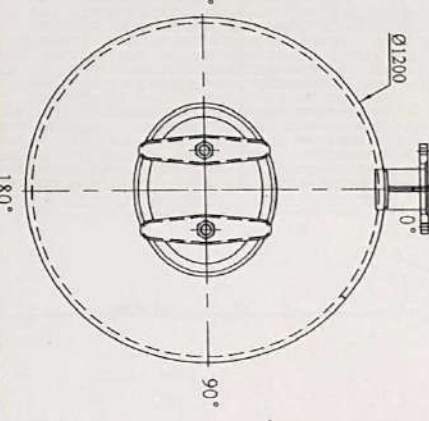
ĐƠN XIN THIẾT KẾ

CÔNG TY TNHH
KIM TRƯỜNG PHÚC

Địa chỉ: 36 KP. 11 P. Thủ Đức
TP. Bình Thạnh - TP. Hồ Chí Minh

ĐƠN XIN THIẾT KẾ

CÔNG TY TNHH
KIM TRƯỜNG PHÚC



Mặt cắt A2 - A2

Mặt cắt B1 - B1

Mặt cắt B2 - B2

Mặt cắt B3 - B3

Mặt cắt B4 - B4

Mặt cắt B5 - B5

Mặt cắt B6 - B6

Mặt cắt B7 - B7

Mặt cắt B8 - B8

Mặt cắt B9 - B9

Mặt cắt B10 - B10

Mặt cắt B11 - B11

Mặt cắt B12 - B12

Mặt cắt B13 - B13

Mặt cắt B14 - B14

Mặt cắt B15 - B15

Mặt cắt B16 - B16

Mặt cắt B17 - B17

Mặt cắt B18 - B18

Mặt cắt B19 - B19

Mặt cắt B20 - B20

Mặt cắt B21 - B21

Mặt cắt B22 - B22

Mặt cắt B23 - B23

Mặt cắt B24 - B24

Mặt cắt B25 - B25

Mặt cắt B26 - B26

Mặt cắt B27 - B27

Mặt cắt B28 - B28

Mặt cắt B29 - B29

Mặt cắt B30 - B30

Mặt cắt B31 - B31

Mặt cắt B32 - B32

Mặt cắt B33 - B33

Mặt cắt B34 - B34

Mặt cắt B35 - B35

Mặt cắt B36 - B36

Mặt cắt B37 - B37

Mặt cắt B38 - B38

Mặt cắt B39 - B39

Mặt cắt B40 - B40

Mặt cắt B41 - B41

Mặt cắt B42 - B42

Mặt cắt B43 - B43

Mặt cắt B44 - B44

Mặt cắt B45 - B45

Mặt cắt B46 - B46

Mặt cắt B47 - B47

Mặt cắt B48 - B48

Mặt cắt B49 - B49

Mặt cắt B50 - B50

Mặt cắt B51 - B51

Mặt cắt B52 - B52

Mặt cắt B53 - B53

Mặt cắt B54 - B54

Mặt cắt B55 - B55

Mặt cắt B56 - B56

Mặt cắt B57 - B57

Mặt cắt B58 - B58

Mặt cắt B59 - B59

Mặt cắt B60 - B60

Mặt cắt B61 - B61

Mặt cắt B62 - B62

Mặt cắt B63 - B63

Mặt cắt B64 - B64

Mặt cắt B65 - B65

Mặt cắt B66 - B66

Mặt cắt B67 - B67

Mặt cắt B68 - B68

Mặt cắt B69 - B69

Mặt cắt B70 - B70

Mặt cắt B71 - B71

Mặt cắt B72 - B72

Mặt cắt B73 - B73

Mặt cắt B74 - B74

Mặt cắt B75 - B75

Mặt cắt B76 - B76

Mặt cắt B77 - B77

Mặt cắt B78 - B78

Mặt cắt B79 - B79

Mặt cắt B80 - B80

Mặt cắt B81 - B81

Mặt cắt B82 - B82

Mặt cắt B83 - B83

Mặt cắt B84 - B84

Mặt cắt B85 - B85

Mặt cắt B86 - B86

Mặt cắt B87 - B87

Mặt cắt B88 - B88

Mặt cắt B89 - B89

Mặt cắt B90 - B90

Mặt cắt B91 - B91

Mặt cắt B92 - B92

Mặt cắt B93 - B93

Mặt cắt B94 - B94

Mặt cắt B95 - B95

Mặt cắt B96 - B96

Mặt cắt B97 - B97

Mặt cắt B98 - B98

Mặt cắt B99 - B99

Mặt cắt B100 - B100

Không được tháo dỡ bất kỳ
trên bản vẽ

MỨC DỊCH PHẤT HÀNH

- ☐ BẢO GIÀ
☐ PHÉ CHUYỂN
☐ XIN PHÉP
☐ THI CÔNG
☒ HOÀN CÔNG

HỆ THỐNG CHÍNH

STT	NGÀY	NỘI DUNG



CÔNG TY TNHH
KIM TRƯỜNG PHÚC
Địa chỉ: 43 Tô Lị, KP 4, P Tân Hòa,
TP Biên Hòa - Đồng Nai

Bản vẽ thiết kế



CÔNG TY TNHH
KIM TRƯỜNG PHÚC
Địa chỉ: 43 Tô Lị, KP 4, P Tân Hòa,
TP Biên Hòa - Đồng Nai

Giám đốc dự án

Nguyễn Đại Văn	Kỹ sư	Ngày
Nguyễn Văn Tuấn	Kỹ sư	Ngày
Trương Hữu Vương	Kỹ sư	Ngày
H.T. Lan Phương	Kỹ sư	Ngày
Duyet	Kỹ sư	Ngày
Nguyễn Đại Văn	Kỹ sư	Ngày

Bản vẽ thiết kế



CÔNG TY TNHH
KIM TRƯỜNG PHÚC
Địa chỉ: 43 Tô Lị, KP 4, P Tân Hòa,
TP Biên Hòa - Đồng Nai

Giám đốc dự án

Nguyễn Đại Văn	Kỹ sư	Ngày
Nguyễn Văn Tuấn	Kỹ sư	Ngày
Trương Hữu Vương	Kỹ sư	Ngày
H.T. Lan Phương	Kỹ sư	Ngày
Duyet	Kỹ sư	Ngày
Nguyễn Đại Văn	Kỹ sư	Ngày

Bản vẽ thiết kế

THÀNH LONG - HAI PHÒNG

Địa điểm KCN Vĩnh An - P Vĩnh
An - Q. Lâm Đồng - TP Hồ Chí Minh

Tên bản vẽ

BẢN VẼ LẬP BƯỚC BỐT

Và theo Quy định QCVN 3:2009

Áp dụng QCVN 3:2009, QCVN 3:2009

Tên bản vẽ

Ngày phát hành

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày... tháng... năm...
Người lập

Người lập

Người lập

Người lập

Người lập

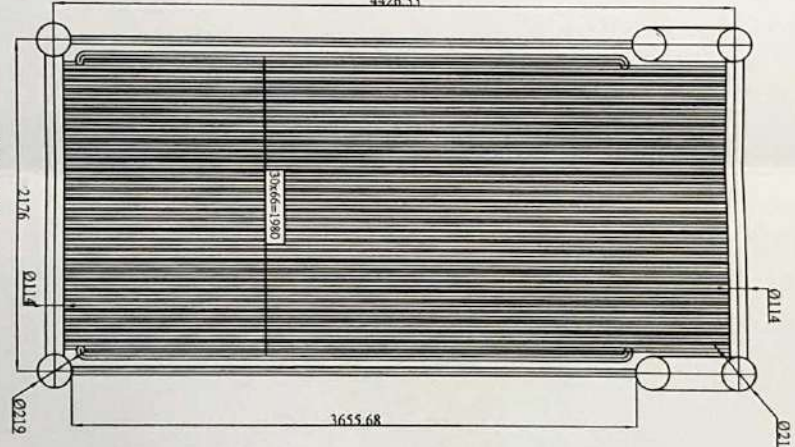
Người lập

Người lập

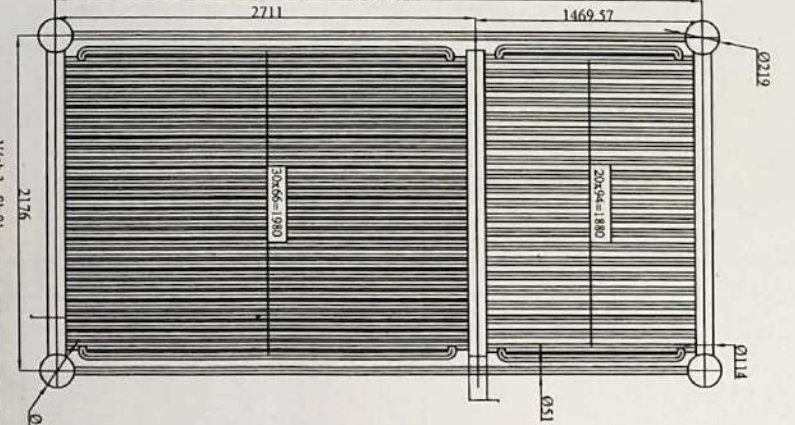
Người lập

Người lập

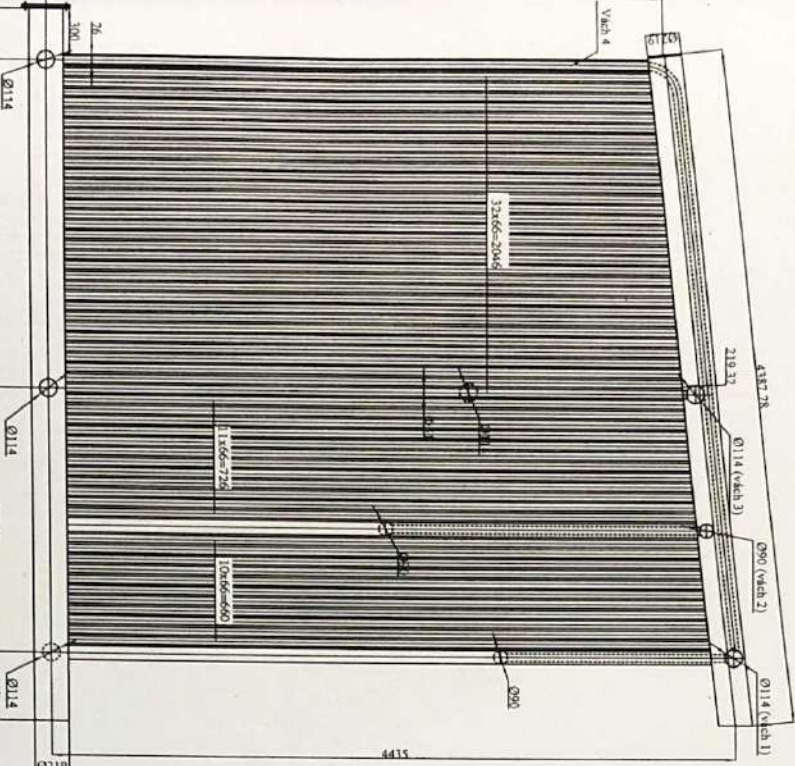
Vách 4 - SI. 01

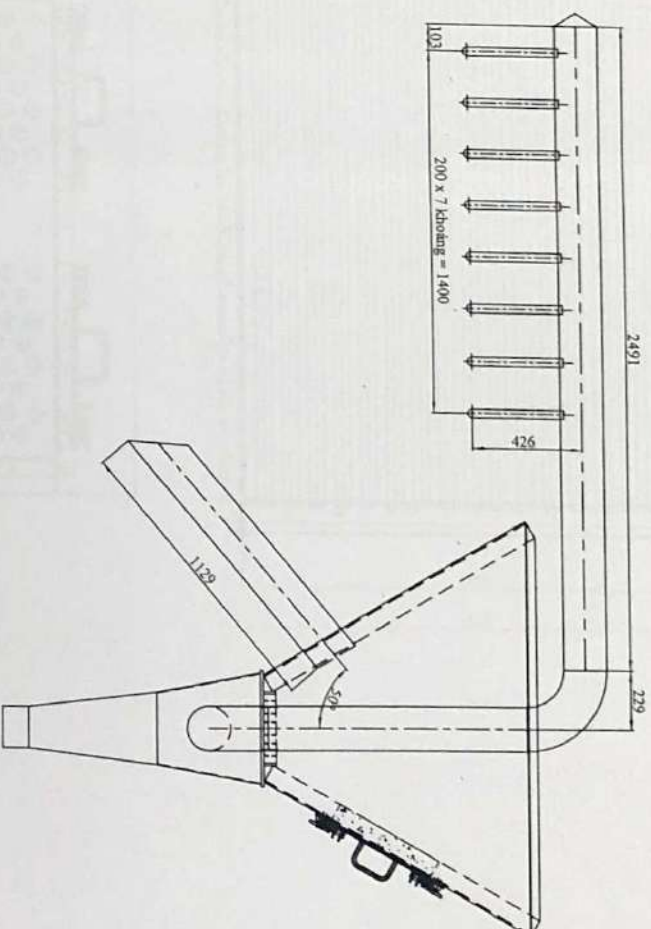


Vách 3 - SI. 01

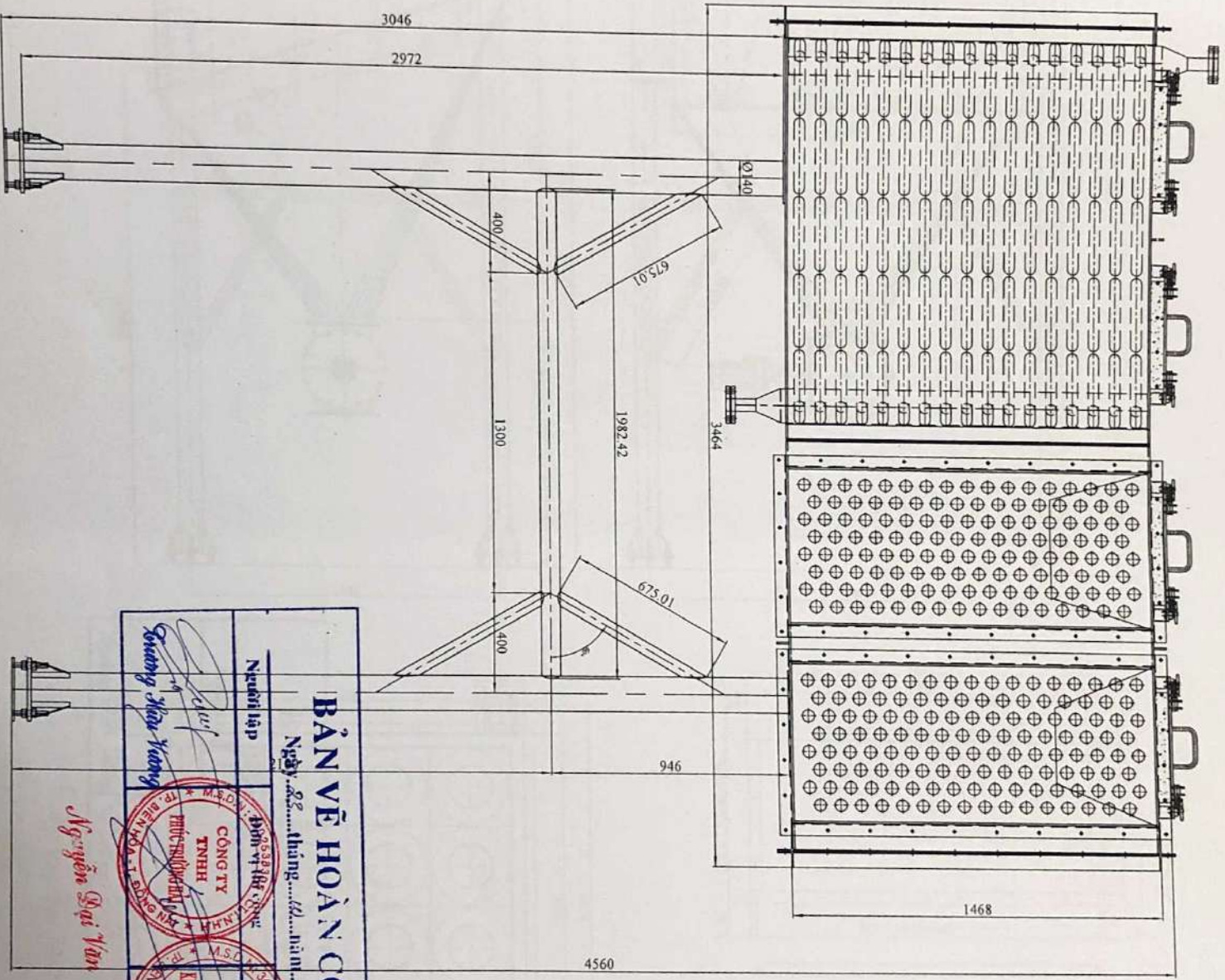


Vách 4





Số hiệu dự án	PTH - 6T
Số hiệu bản vẽ	HP-BV-LH-04
Tổng số bản vẽ	
Ngày phát hành	10/2019



BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày... tháng... năm...
 Người lập: *Sương Như Hoàng*
 Công ty TNHH *PHÚC TRƯỜNG HẢI*
 Địa chỉ: 96, KP 13 - P. Hòa Nhì - TP. Bình Hòa - Đồng Nai

Chức vụ: *Chủ đầu tư*
 Công ty TNHH *KIM TRƯỜNG PHÚC*
 Địa chỉ: 45/70 11, KP 4 P. Tân Hòa - TP. Biên Hòa - Đồng Nai

Nguyễn Đại Văn
 Giám đốc dự án

MỨC ĐÍCH PHÁT HÀNH ☐ BẢO GIẢ ☐ PHÉ CHỨN ☐ XIN PHÉP ☐ THI CÔNG ☒ HOÀN CÔNG	
HIỆU CHỈNH STT: NGAY NỘI DUNG:	
CHỮ DẤU:	
CÔNG TY TNHH KIM TRƯỜNG PHÚC Địa chỉ: 45/70 11, KP 4 P. Tân Hòa - TP. Biên Hòa - Đồng Nai	
CÔNG TY TNHH PHÚC TRƯỜNG HẢI Địa chỉ: 96, KP 13 - P. Hòa Nhì - TP. Bình Hòa - Đồng Nai	
Đơn vị thiết kế: <i>Nguyễn Đại Văn</i> Người vẽ: <i>Nguyễn Văn Cảnh</i> Kiểm tra: <i>Trương Hữu Vương</i> H.T. Lan Phương Duyệt: <i>Nguyễn Đại Văn</i>	
Đơn vị thi công & lắp đặt: <i>Nguyễn Đại Văn</i> Giám đốc dự án: <i>Nguyễn Văn Cảnh</i> Người vẽ: <i>Trương Hữu Vương</i> Kiểm tra: <i>H.T. Lan Phương</i> Duyệt: <i>Nguyễn Đại Văn</i>	
LỖ HƠI GIỮ THẮNG LONG - HẢI PHÒNG Địa điểm KCN Vĩnh Niên - P. Vĩnh Niên - Q. Lê Chân - TP. Hải Phòng Tên bản vẽ: BẢN VẼ TỌA ĐỘ BỐ HẠM - SẤY	
Tỉ lệ:	Số lượng:
Số hiệu dự án:	PTH - GT
Số hiệu bản vẽ:	HP-BV-LB-047
Tổng số bản vẽ:	
Ngày phát hành: 10/2019	

Kính gửi Quý khách hàng,
Chúng tôi xin gửi lời chào trân trọng và lời chúc sức khỏe đến Quý khách hàng.

MỤC DỊCH PHỤC VỤ

- ☐ BẢO GIÀ
- ☐ PHÉ CHULÀN
- ☐ XIN PHÉP
- ☐ TH CÔNG
- ☒ HOÀN CÔNG

HIỆU CHỈNH	
STT	NGÀY

CÔNG TY TNHH
KIM TRƯỜNG PHƯỚC
Địa chỉ: 45/70 L. XT. 4, P. Tân Hòa,
TP. Bình Hòa - Đồng Nai

CÔNG TY TNHH
PHƯỚC TRƯỜNG HẢI
Địa chỉ: 36, KP. 13, P. Bình Hòa,
TP. Bình Hòa - Đồng Nai

Người đại diện
Nguyễn Đại Văn

Người đại diện	Ký tên	Ngày
Nguyễn Văn Chiến		
Trương Hữu Vương		
Kiểm tra		
H.T. Lan Phương		
Duyệt		
Nguyễn Đại Văn		

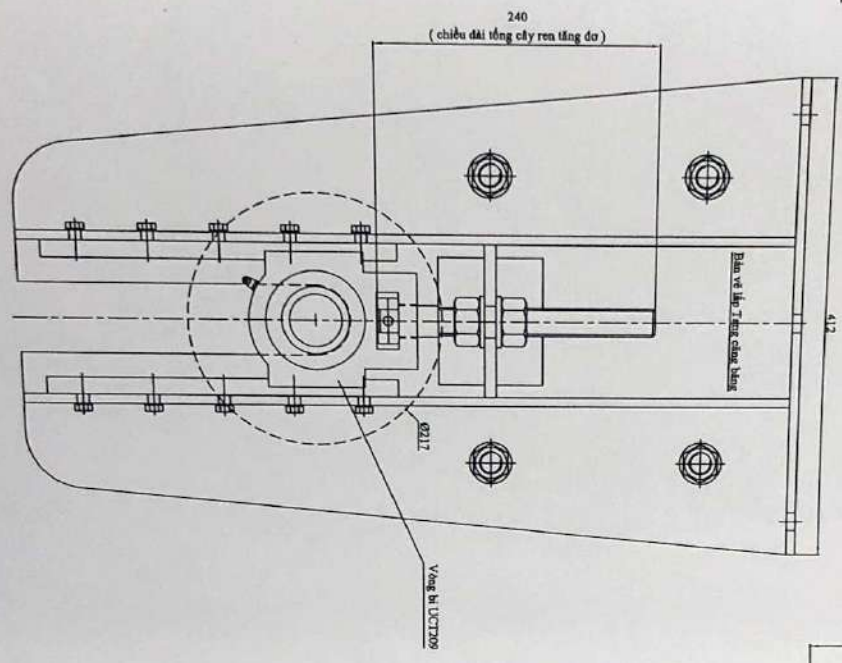
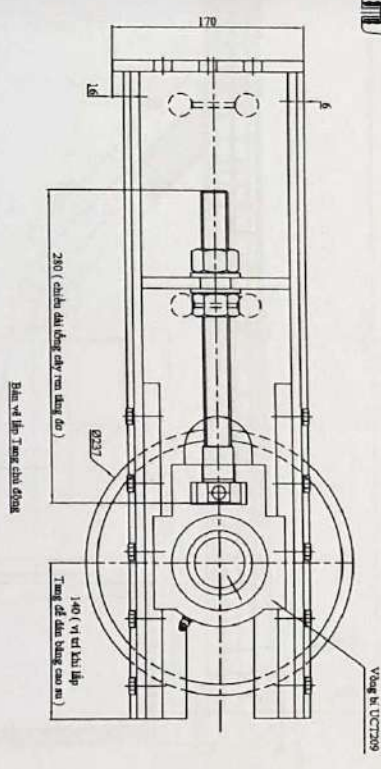
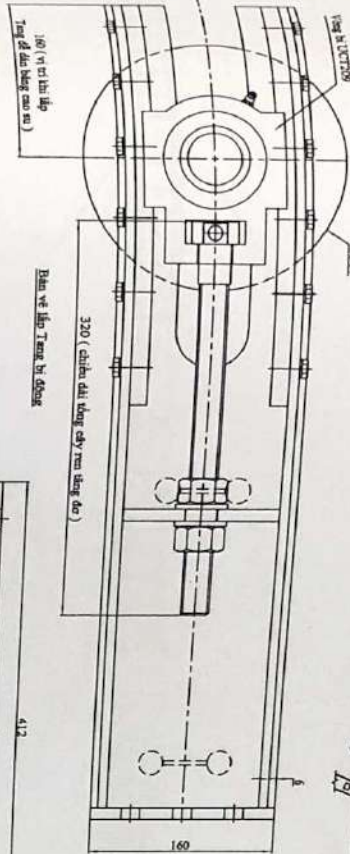
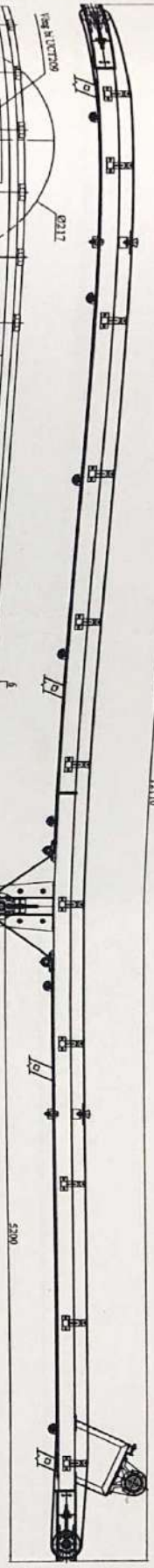
Đơn vị tư vấn & lắp đặt:
CÔNG TY TNHH
PHƯỚC TRƯỜNG HẢI
Địa chỉ: 36, KP. 13, P. Bình Hòa,
TP. Bình Hòa - Đồng Nai

Người đại diện
Nguyễn Đại Văn

Người đại diện	Ký tên	Ngày
Nguyễn Văn Chiến		
Trương Hữu Vương		
Kiểm tra		
H.T. Lan Phương		
Duyệt		
Nguyễn Đại Văn		

Dự án:
LÔ HOI 67/A
THANG LONG - HẢI PHÒNG
Địa chỉ: KCN Vĩnh Yên - P. Vĩnh
Yên - Q. Lê Chân - TP. Hải Phòng
Tên bản vẽ:
BẢN VẼ BẢNG TÀI 12.1 mới
(Số B500 x 25 mới)

Tên:	Số lượng:
Số bản dự án	PTH - 67
Số bản bản vẽ	HP-BV-LH-047
Tổng số bản vẽ	
Ngày phát hành	10/2019



BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm.....

Người lập

Đơn vị thi công

Chức vụ



Nguyễn Đại Văn
Đã ghi danh

MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH

☐ BẢO GIẢ

☐ PHÉ CHẤM

☐ XIN PHÉP

☐ TH CÔNG

☒ HOÀN CÔNG

HIỆU CHỈNH

STT

NGÀY

NỘI DUNG

CHỈ DẪN



CÔNG TY TNHH
KIM TRƯỜNG PHÚC

Địa chỉ: 45 T.11, P.7, T. Bình
TP. Bình Hòa - Đồng Nai

ĐƠN XỬ LÝ CÔNG & LẮP ĐẶT



CÔNG TY TNHH
KIM TRƯỜNG PHÚC

Địa chỉ: 45 T.11, P.7, T. Bình
TP. Bình Hòa - Đồng Nai

Giám đốc đầu thầu

Nguyễn Đại Văn

Ký tên

Ngày

Người vẽ

Nguyễn Văn Cảnh

Ký tên

Ngày

Trưởng Hội đồng

Trương Hữu Vương

Ký tên

Ngày

H.T. Lan Phương

Duyệt

Nguyễn Đại Văn

Giám đốc đầu thầu

Nguyễn Đại Văn

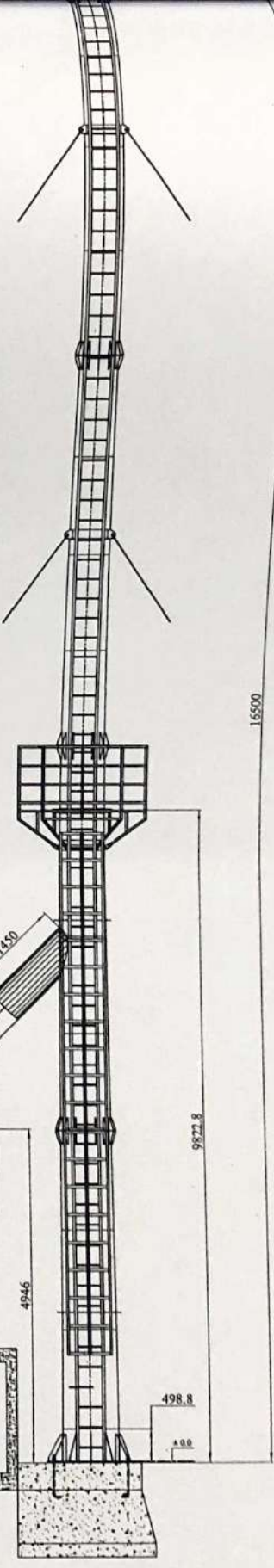
Ký tên

Ngày

THÀNH LÔNG - HAI PHÒNG

Địa chỉ: 45 T.11, P.7, T. Bình

TP. Bình Hòa - Đồng Nai



BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....tháng.....năm.....

Người lập

Đơn vị lập vẽ

CÔNG TY TNHH KIM TRƯỜNG PHÚC

CÔNG TY TNHH KIM TRƯỜNG PHÚC

Nguyễn Đại Văn

Đã ghi

THÀNH LÔNG - HAI PHÒNG

Địa chỉ: 45 T.11, P.7, T. Bình

TP. Bình Hòa - Đồng Nai

THÀNH LÔNG - HAI PHÒNG

Địa chỉ: 45 T.11, P.7, T. Bình

TP. Bình Hòa - Đồng Nai